

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội khoa học lịch sử Hội An
Chi hội văn nghệ dân gian Hội An

*Chỉ đạo nội dung và
Chịu trách nhiệm xuất bản*

Nguyễn Chí Trung

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Văn An

*Phó giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Biên tập

Trần Văn An

Nguyễn Văn Lan

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Trương Hoàng Vinh

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty
cổ phần In - Phát hành sách và Thiết bị
trường học Quảng Nam - 260 Hùng
Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367
Email: Chebaninqnam@gmail.com
GPXB số: 81/GP-STTTT do Sở Thông
tin và Truyền thông Quảng Nam cấp ngày
12/10/2018. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 10/2018

Tòa soạn: Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di
sản Văn hóa Hội An - 10B Trần Hưng
Đạo, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.
Điện thoại: 0235.3864625 -
0235.3862367, Fax: 0235.3861.779,
Email: ttqlbtdt@gmail.com,
Website: hoianheritage.net

Số 02 (42) - 2018

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Bảo tàng Hội An với bảo tồn và phát huy các
giá trị di sản văn hóa.....02
- Người Hà Lan với Hội An – Môi lương duyên
càng dang dở.....07
- Hoạt động ngoại thương của Người Hoa ở Hội
An từ thế kỷ XVI - XVIII.....11
- Bảo tồn cảnh quan kiến trúc làng gốm
Thanh Hà qua điều tra thực tế
.....17
- Chùa Thiên Đức và tháp Thiên sư Thiệt
Lương.....24
- Thông tin về di tích khu mộ tộc Nguyễn ở
khối An Bang, phường Thanh Hà
.....38
- Khu vực ruộng rau muống chùa Bà Mụ
qua tiếp cận khảo cổ
học.....32
- Một vài thông tin về nghề trồng lúa nước
và tín ngưỡng trong nông nghiệp ở Hội An
trước năm 1975.....36
- Văn hóa xin xăm: Góc nhìn văn hóa tín
ngưỡng.....40.
- Bài võ ta “Phụng Hoàng Quyền” còn lưu
truyền trên đất Quảng
Nam.....45
- Món ngon từ rau đắng quê nhà.....48
- Nhạc sĩ Lan Đài.....50
- Hội An: Đôi điều trần trở.....53

✿ Thông tin tư liệu

- Một số tư liệu Hán Nôm về làng gốm Thanh
Hà.....61
- Thông tin về các làng xã ở Hội An trong địa bạ
triều Nguyễn đình Quảng Nam năm
1812.....63

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

BẢO TÀNG Ở HỘI AN VỚI BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

Nguyễn Chí Trung

Trong nhiều năm qua, hệ thống các bảo tàng ở Hội An tuy còn nhiều hạn chế nhất định so với nhu cầu và tốc độ phát triển mạnh mẽ của bảo tàng ở Việt Nam nói riêng, thế giới nói chung, nhưng với sự đa dạng, phong phú và hấp dẫn nên nó đã trở thành những địa chỉ hấp dẫn, cần tìm đến của du khách tham quan, học tập, nghiên cứu về tự nhiên, lịch sử văn hóa Hội An, về quần thể di tích kiến trúc- Đô thị thương cảng quốc tế - Di sản văn hóa thế giới. Và góp phần quan trọng trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An.

Theo Luật Di sản Văn hóa và các văn bản dưới luật của Việt Nam, di sản văn hóa vật thể bao gồm: các di tích lịch sử - văn hóa và các di vật, cổ vật, báu vật quốc gia. Đây là đối tượng gốc, là linh hồn của các bảo tàng. Đồng thời xuất phát từ đặc thù di sản văn hóa, ở Hội An nhiều năm qua trong tư duy nhận thức và cả trong thực tiễn chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, cơ quan chuyên môn không chỉ tập trung quan tâm đầu tư xây dựng các bảo tàng theo nghĩa “Cổ điển”- Quen gọi như: Bảo tàng lịch sử, bảo tàng tự nhiên, bảo tàng mỹ thuật, hay các bảo

tàng chuyên đề... là nơi lưu giữ, bảo quản, trưng bày, giới thiệu những tư liệu, hiện vật liên quan đến quá khứ lịch sử tự nhiên, xã hội và con người tại các thiết chế sở/bảo tàng. Mà ở đây, còn tập trung xây dựng các bảo tàng được hiểu theo một khái niệm “mới” mở rộng, là nơi giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, thiên nhiên ngay tại/trong môi trường sinh thái, nhân văn, nơi chúng được sáng tạo ra và tiếp tục lưu truyền, không tách rời với đời sống của các cộng đồng dân cư. Hay trong một khái niệm cô đọng đó là “Bảo tàng sống” hay bảo tàng sinh thái - nhân học. Ở Hội An có thể thấy, đó là Bảo tàng lịch sử kiến trúc, cư dân đô thị Khu phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới; bảo tàng làng quê sông nước đặc thù Cẩm Thanh; làng gốm Thanh Hà, làng mộc Kim Bồng... Trong bài viết này tôi chỉ xin tập trung trình bày về hệ thống bảo tàng chuyên đề trong các thiết chế bảo tàng.

Ở Hội An hiện nay có 4 bảo tàng chuyên đề đó là: Bảo tàng Đô thị thương cảng Hội An - gọi tắt là Bảo tàng Hội An (tại số 10B đường Trần Hưng Đạo); Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh (tại số 149 đường Trần Phú); Bảo tàng Văn hóa Dân gian (tại số 33 đường Nguyễn Thái Học); Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch (tại số 80 đường Trần Phú) và một Nhà lưu niệm: Đồng chí Cao Hồng Lãnh (nhà tiền bối cách mạng của Hội An ở số 129 đường Trần Phú). Tuy nhiên các bảo

tàng này ở Hội An không được hưởng những cơ chế, chính sách như một thiết chế bảo tàng, bởi cũng theo Luật Di sản Văn hóa, cấp huyện không có bảo tàng. Hệ thống bảo tàng Hội An được hình thành là kết quả của một quá trình gần 40 năm nghiên cứu, điều tra, khai quật khảo cổ học, dân tộc học, nhân học và về lịch sử văn hóa Hội An của các lớp thế hệ cán bộ, chuyên môn thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và bằng nguồn ngân sách đầu tư của thị xã/thành phố Hội An. Tổng số hiện vật trưng bày tại các bảo tàng ở Hội An hiện nay là 3.482 hiện vật và với 8.740 hiện vật kho. Các hiện vật này đã được thiết lập, xây dựng hồ sơ đầy đủ từ lý lịch hiện vật, sổ đăng ký kiểm kê bước đầu, sổ phân loại. Ngoài việc lưu hồ sơ bằng văn bản theo quy định, cán bộ bảo tàng xây dựng phần mềm quản lý, lưu trữ kết nối với phần mềm quản lý di sản của cơ quan (*Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An*). Nhờ sự hỗ trợ của công nghệ thông tin mà việc quản lý, lưu trữ và phục vụ công tác thông tin tuyên truyền được thuận lợi. Bảo tàng ở Hội

An không chỉ trưng bày với hình thái tĩnh mà còn đưa những hoạt động trực quan vào giới thiệu tại các bảo tàng như hoạt động trình diễn nghề truyền thống tại Bảo tàng Văn hoá Dân gian và tạo ra những không gian nghỉ chân ngay tại các điểm bảo tàng. Ngoài ra, Bảo tàng đã kết nối với Phòng Giáo dục xây dựng đề án Giáo dục di sản trong nhà trường/học đường (*giáo trình được xây dựng từ học sinh khối lớp 1 đến lớp 9*). Và “*Hoạt động chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” chính thức thực hiện vào tháng 10 năm 2013, đến nay đã có hàng nghìn em học sinh tiểu học tham gia, bao gồm cả nhóm nhà trường và nhóm gia đình (*có cả các em học sinh trường tiểu học từ Đà Nẵng vào tham dự*). Những hoạt động này đã thật sự thu hút các em học sinh vì có sự nối kết bức giảng với thực tiễn đời sống, phát huy tính năng động, sáng tạo, rèn luyện cho các em thêm kỹ năng ứng xử, tạo điều kiện cho các em tiếp cận và khám phá các giá trị lịch sử, văn hoá. Thông qua đó khích lệ lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước cho lớp trẻ khi còn trên ghế nhà



trường. Từ những đặc trưng văn hoá của vùng đất Hội An được thể hiện tại các bảo tàng đã đưa khách đến bảo tàng ngày càng đông hơn. Năm 1999, các điểm bảo tàng, di tích đón 202.668 lượt khách, thì đến năm 2017 đã tăng lên 1.992.000 lượt khách/năm, góp phần thu hàng tỉ đồng cho sự nghiệp bảo tàng của địa phương. Ngoài ra, để quảng bá hình ảnh Hội An đến với công chúng, Bảo tàng còn tổ chức triển lãm lưu động trong và ngoài tỉnh phục vụ các sự kiện chính trị. Từ năm 1999 đến nay có gần 100 cuộc triển lãm đã thu hút trên 500.000 lượt khách tham quan, nghiên cứu. Theo đánh giá của các nhà chuyên môn, có thể nói Hội An là địa phương cấp huyện ở Việt Nam có nhiều bảo tàng chuyên đề nhất, thu hút được nhiều khách tham quan và đóng góp tích cực cho các hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa thế giới Hội An nói chung và sự nghiệp bảo tàng ở Hội An nói riêng. Đồng thời, trong những năm qua hệ thống bảo tàng ở Hội An đã luôn thể hiện rõ vai trò của một thiết chế văn hóa đặc thù, được xây dựng nhằm gắn kết hiện tại với quá khứ, đồng thời chuyển giao các giá trị văn hóa mà tiền nhân đã sáng tạo ra cho các thế hệ tương lai và đang thực hiện tốt các chức năng: Nghiên cứu khoa học; Giáo dục khoa học; Tư liệu hóa di sản; Một trung tâm thông tin có khả năng cung cấp nguồn sử liệu có tính nguyên gốc; và là một trung tâm cung cấp các loại dịch vụ văn hóa, cả hình thức nghỉ ngơi, giải trí tích cực cho du khách tham quan (*điểm dừng chân*). Thông qua những hoạt động đa dạng để đạt được các chức năng, nguyên



tắc bảo tàng học, các cán bộ bảo tàng ở Hội An luôn hướng tới cách tiếp cận đa ngành và liên ngành về di sản văn hóa, nghĩa là xem di sản văn hóa như một chỉnh thể thống nhất không tách rời giữa động sản và bất động sản, vật thể và phi vật thể, thiên nhiên và văn hóa, truyền thống và cách tân, duy trì và trao truyền. Việc thiết lập và phát triển các bảo tàng ở Hội An luôn được quan tâm đến đặc trưng của di sản văn hóa và được xem xét ở dưới các cấp độ: Cá nhân, với tư cách là chủ thể sáng tạo, trình diễn, giảng dạy, chuyển giao và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, chủ nhân của các các di sản văn hóa vật thể; Gia đình, là tế bào cơ bản của xã hội, nơi có ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất tới việc hình thành nhân cách của các cá nhân, là môi trường chuyển giao văn hóa vật thể và các giá trị di sản văn hóa phi vật thể, cũng là nơi bảo tồn gìn di truyền văn hóa; Làng xã, là địa điểm và không gian tiến diễn của di sản văn hóa phi vật thể, nơi sáng tạo, gìn giữ và phát huy kho tàng di sản văn hóa vật thể hết sức phong phú đa dạng; Đồng thời gắn với yếu tố lịch sử văn hóa vùng, quốc gia - dân tộc trong mối quan hệ giao lưu, tiếp biến văn hóa quốc tế.

Hoạt động của bảo tàng ở Hội An trong nhiều năm qua không theo cách nghĩ đơn thuần chỉ dựa vào hiện vật gốc và nhận thức chủ quan của cán bộ bảo tàng qua nội dung trưng bày mà điểm tựa ấy đã được bổ sung/ nhấn mạnh nhiều hơn tới công chúng và các nhu cầu thiết yếu của họ khi đến thăm bảo tàng. Có nghĩa là, các hoạt động của bảo tàng ở đây không chỉ xuất phát từ hiện vật gốc, mà còn xuất phát/ nắm vững toàn bộ các nhu cầu của các loại công chúng trong xã hội để tìm ra những phương thức đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất. Tập trung mọi nỗ lực nhằm xác định rõ và tư liệu hóa các giá trị văn hóa phi vật thể kết tinh trong các bộ sưu tập, đồng thời nghiên cứu những nhu cầu cụ thể của công chúng để kịp thời đáp ứng.

Xuất phát từ đặc tính đa dạng là bản chất của văn hóa và di sản văn hóa và chính là một biểu hiện sinh động/tấm gương phản chiếu đa dạng của văn hóa Hội An mà hệ thống bảo tàng ở Hội An đã bao gồm nhiều chủ đề, chuyên đề trưng bày và các góc tiếp cận thể hiện khác nhau. Ở đây có cách tiếp cận của ngành dân tộc học (như bảo tàng Văn

hóa dân gian); khảo cổ học (như Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh, Bảo tàng Gốm sứ mật dịch); Nhân học - lịch sử văn hóa (Bảo tàng Đô thị thương cảng Hội An - Bảo tàng Hội An) hay nhân học - dân tộc học (Nhà lưu niệm đông chí Cao Hồng Lãnh)... Nhìn chung, hệ thống bảo tàng ở Hội An đã gắn với nhịp sống sôi động trong xã hội, ở trong lòng công chúng, trở nên gần gũi với mọi loại công chúng. Trong tương lai, các bảo tàng tiếp tục chỉnh lý, bổ sung trưng bày, hoặc Bảo tàng Đông Y cổ truyền sắp được hoàn thành đưa vào hoạt động. Đặc biệt Bảo tàng Hội An đang có kế hoạch bổ sung trưng bày gắn với đầu tư công nghệ... chắc chắn hệ thống bảo tàng ở Hội An sẽ ngày càng trở nên hấp dẫn và đóng góp to lớn trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An.

Tuy nhiên, để hệ thống bảo tàng ở Hội An hội nhập và phát triển theo tốc độ phát triển và nhu cầu cao của cộng đồng địa phương, khách du lịch, công chúng nói chung, hướng đến các bảo tàng cần phải được đầu tư công nghệ kỹ thuật số. Bởi ứng dụng công nghệ mới ngày càng trở nên quan trọng và trở thành trợ thủ đắc lực trong mọi hoạt động của bảo tàng: từ ứng dụng công nghệ phục vụ trưng bày, khách tham quan như công nghệ 3D, màn hình cảm ứng tương tác, scan kỹ thuật ảo, công nghệ thực tế ảo... hay audioguide, multimedial guide... đến các hoạt động an ninh, bảo vệ, giám sát điều kiện môi trường bảo quản, lưu trữ dữ liệu số. Đặc biệt, cần quan tâm, ưu tiên hàng đầu cho gắn kết với cộng đồng, nhằm phục vụ cộng đồng ngày càng tốt hơn. Đây đang



là mục tiêu, là xu hướng mới của hầu hết các bảo tàng trên thế giới và là một trong những chỉ tiêu đánh giá một bảo tàng hoạt động đã thực sự hiệu quả hay chưa. Chú ý tạo ra những giá trị mới, hiện đại cho các bảo tàng bằng chính công nghệ ngay trên những trưng bày hiện tại của bảo tàng; Tạo cơ hội trải nghiệm mới cho du khách tham quan. Công nghệ mới cung cấp các ứng dụng giúp khách tham quan tương tác toàn diện với trưng bày

được chuẩn bị trước, trong cũng như sau khi tham quan bảo tàng; Nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ bảo tàng để tiếp cận ứng dụng công nghệ mới với



việc làm trước tiên phải tư liệu hóa thông tin dưới dạng kỹ thuật số của các sưu tập, nội dung trưng bày bảo tàng - từng bước xây dựng dữ liệu lớn (*big data*) của riêng từng bảo tàng. Hơn nữa dữ liệu số các hiện vật sẽ còn vô cùng hữu ích cho quá trình bảo quản, phục hồi hiện vật trong trường hợp không may bị hư hỏng, mất mát. Đặc biệt trong hoạt động giáo dục tại bảo tàng, ứng dụng trí tuệ thông minh luôn là “trợ lý” đắc lực cho cán bộ bảo tàng. Những nội dung số “thông minh”, như hộp thoại chia sẻ thông tin, diễn đàn trao đổi kiến thức, hay các chương trình khám phá, tìm hiểu lịch sử, văn hóa, thiên nhiên... với các ứng dụng tùy biến, sẽ giúp trưng bày bảo tàng tăng khả năng kết nối một cách thân thiện

với khách tham quan là học sinh, sinh viên. Hệ thống những bài giới thiệu trưng bày với ứng dụng tương tác, hỏi - đáp, trao đổi trực tiếp, riêng tư giữa khách tham quan và trưng bày cũng sẽ dễ dàng truyền tải cảm xúc, nội dung của trưng bày đến khách tham quan, đồng thời tạo cảm giác thân thiện, chủ động trong tiếp nhận kiến thức mới, hạn chế những định kiến về bảo tàng hay những mặc cảm về khoảng cách

kiến thức giữa trưng bày và khách tham quan. Chia sẻ thông tin sau khi tham quan bảo tàng tại những ứng dụng do bảo tàng cung cấp cũng là một lợi ích

mà các bảo tàng hướng tới (*trước đây rất khó thực hiện*). Đây cũng chính là kênh học tập tự nguyện, giúp khách tham quan, các nhà nghiên cứu có thể trao đổi với nhau, vừa giúp bảo tàng thu thập được thông tin.

Để các di vật, cổ vật, báu vật quốc gia, cũng là tài sản quý giá của dân tộc được bảo tồn, giữ gìn, phát huy, hội nhập quốc tế, bảo tàng ở Hội An nói riêng và bảo tàng nói chung đang cần sự quan tâm đầu tư, cần một cơ chế vận hành mới, năng động nhằm kết nối, huy động được cộng đồng, công chúng và cả sự tham gia đầu tư theo phương thức xã hội hóa, có sự tham gia quản lý, thẩm định, hỗ trợ chuyên môn của các nhà khoa học và các cơ quan quản lý nhà nước các cấp ♦

NGƯỜI HÀ LAN VỚI HỘI AN MỐI LƯƠNG DUYÊN CÒN ĐANG DỜ

Nguyễn Hoài Quảng

Trong cuộc giao thoa văn hóa Đông - Tây, gắn liền với sự hưng thịnh của thương cảng Hội An thì dấu ấn của người Hà Lan để lại trên dòng chảy thời gian ở nơi này không nhiều. Nhưng ít ai ngờ rằng ngay từ khi Phố mới hình thành thì chính Hà Lan mới là quốc gia phương Tây đặt nền móng giao thương đầu tiên một cách toàn diện và dĩ nhiên đã có một giai đoạn phát triển huy hoàng, phồn thịnh.

Ở thế kỷ 16, và 17, Hà Lan là một trong những cường quốc về hàng hải tung hoành khắp thế giới. Với kỹ thuật đóng thuyền gỗ chạy buồm lớn và kiên cố, có thể chở được nhiều người, chống lại sóng to gió mạnh của bão tố, đi biển được xa để khai thác, khám phá những vùng đất mới. Lúc ấy Hà Lan đang làm chủ hải đảo Java, từ năm 1596 lập thành căn cứ hải quân và tụ tập chiến thuyền ở đây khá nhiều. Năm 1602, tại Amstercdam, một công ty lớn chuyên buôn bán với phương Đông mang tên công ty Đông Ấn (*Hà Lan*) được thành lập. Ít năm sau, họ thiết lập được những căn cứ vững chắc tại Hirado (*Nhật Bản*), Batavia (*nay là nay là Jakarta - thủ đô Indonesia trên đảo Giava*) và Malacca. Họ nhanh chóng giành được ưu thế trong hoạt động thương mại trên Biển Đen. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên là người đã chủ động tìm cách thiết lập quan hệ với

công ty này. Năm 1618, ông viết thư mời công ty này đến buôn bán ở Đàng Trong. Năm 1633, thuyền Hà Lan đến Hội An thăm dò thị trường, quan hệ mới chính thức được thiết lập. Năm 1636, Hà Lan xin phép mở một thương điểm ở Hội An. Họ đến Hội An lập ra thương cuộc to tát, dùng nhiều người bản địa làm công, vừa kinh doanh mỗi lợi xuất nhập cảng, vừa làm trung gian cho hai nước Trung Hoa - Nhật thông thương với nhau (*Vì lúc ấy cuối đời nhà Minh cấm xuất cảng hóa vật và Mạc Phủ nước Nhật không cho dân mình giao thông hải ngoại*). Chúa Nguyễn đối đãi với các thương nhân Hà Lan một cách rộng rãi tử tế như đối với các kiều dân khác cùng đến sinh nhai thương mại ở Hội An - thành thị buôn bán sầm uất nhất xứ Đàng Trong lúc bấy giờ.

Thấy công việc phát đạt, thương nhân Hà Lan tiếp tục lần theo đường biển tìm kiếm mở rộng thị trường kinh doanh. Năm sau từ Hirado, tàu Grôn chở 40 kiện hàng hóa trị giá 19 vạn phlorin bao gồm bạc, sắt, đồng, các hàng hóa khác của Châu Âu và Nhật Bản đến Đàng Ngoài. Họ đã được tiếp đón nồng hậu. Các thương nhân được phép mang hàng hóa lên Kẻ Chợ (*Thăng Long*) để bán. Cùng năm ấy, Hà Lan thiết lập thương điểm của họ ở Phố Hiến và sau đó ít năm họ lại được phép mở thương

điểm thứ hai ở Thăng Long. Tuy nhiên lịch sử có sự trở trêu: chúa Trịnh Đàng Ngoài, chúa Nguyễn Đàng Trong coi nhau như cừu địch, trong vòng hơn 40 năm (từ 1627 đến 1672) hai bên huyết chiến trước sau bảy lần với những trận đánh hết sức ác liệt. Hai bên đã đặt súng thần công đại bác và dùng thuốc đạn của Tây phương hoặc tự chế tạo. Chính vì vậy, việc người Hà Lan có quan hệ thân mật với Đàng Ngoài đã làm cho các chúa Nguyễn nghi ngờ.



An, trước khi bốc hàng hóa, người chủ thuyền phải tự lên trình báo quan Cai bạ (*chuyên lo việc thuế má, hành chính*) để ông ta xuống thuyền xem xét hàng hóa, đồ vật, căn cứ theo lệ để đánh thuế và chọn ít món hàng quý hiếm hoặc cần thiết gửi về triều đình. Xong những việc đó rồi thuyền mới được dỡ hàng lên bán cho thiên hạ. Trải qua mấy chục năm, bất kể thuyền buôn ngoại quốc nào vẫn có lệ ấy khi họ thả neo hạ buồm trước cửa Đà Nẵng, Hội An, không ai lấy làm lạ. Những người Hà Lan cũng đã quen lệ ấy, ở Hội An họ cũng đã có cửa hiệu tổ chức kinh doanh bấy lâu.

Nhân Quận Công Nguyễn Phúc Lan (1635- 1648) đang làm chúa Đàng Trong, gọi là chúa Thượng ra lệnh cho quan trấn thủ Quảng Nam phải để ý khám xét kỹ lưỡng các thuyền buôn Hà Lan mỗi khi họ vào Hội An, nhất là thuyền nào chạy từ Bắc đến, ghé vào Hội An rồi đi Batavia và cả thuyền ở Cửa Đại đi ra Đàng Ngoài cũng vậy (*vì sợ có gián điệp ngoài trà trộn vào hoặc người xứ trong này phản bội đào thoát sang bên kia trình báo nội tình*). Thật ra việc khám xét thuyền buôn ra vào không phải là một chính sách quá đáng hoặc có dụng ý đe dọa, uy hiếp gì mà đó chỉ là một lệ quen (*luật*). Theo tài liệu của các thương nhân Nhật Bản qua xứ ta thông thương thế kỷ 16,17 thì từ lúc chúa Nguyễn Hoàng vào trấn Đàng Trong ít lâu, mở ra Hội An làm thành phố ngoại thương đã đặt lệ khám xét thuyền buôn xứ ngoài đến. Mỗi khi thuyền ấy vào cảng Hội

Thế nhưng những người thương nhân chỉ vì món lợi nên chơi trò bắt cá hai tay, trở nên bị nghi ngờ có giao thiệp với chúa Trịnh và mua bán khí giới cho Đàng Ngoài. Có tật giật mình, không chịu để khám xét soi mói nên thành ra xích mích. Ngọn lửa bất hòa âm ỉ thì xảy ra liên tiếp nhiều chuyện khiến nó bùng phát.

Nguyên hồi năm 1641, có chiếc tàu Hà Lan ở xứ Bắc chạy vào Đàng Trong mắc cạn ở Cù Lao Chàm, trên tàu có mấy người bị chúa Thượng nghi là làm

gián điệp nên hạ lệnh bắt giam để tra hỏi. Trong khi đang tiến hành thẩm vấn thì một chiếc tàu khác qua đầu năm 1642 do Vanm Liesvelt làm thuyền trưởng từ Đàng Ngoài chạy về Batavia nhân tiện ghé vào để xin chúa Nguyễn trả tự do cho mấy người bị bắt năm ngoái, thế nhưng vì trên thuyền lại có sứ thần chúa Trịnh phái đi công cán Batavia khiến cho chúa Nguyễn càng thêm bất bình và nghi ngờ, vì thế từ chối thả những người đang bị giam trong ngục. Những người sang nước ta buôn bán đều do công ty Đông Ấn phái đi, vốn là một cơ quan thương mại nhưng có oai quyền thế lực cả về chính trị lẫn quân sự nên khi thấy thương lượng hòa bình không thành công ty liền phái một số tàu đến lãnh hải quấy nhiễu bắt cóc dân lành làm con tin, hành hình để đe dọa, thế là mỗi bất hòa càng thêm sâu sắc.

Còn trên đất liền, người Hà Lan buôn bán ở Hội An rất phát đạt, mở nhiều cửa hiệu và thuê người làm công là dân bản xứ. Một hôm, họ thấy hàng hóa mất mát, tình nghi một người bản xứ làm việc bốc xếp hàng đã trộm đem đi bán. Thế rồi dùng vũ lực tra khảo, đánh đập, không may người ấy thọ bệnh mà chết. Lo sợ rắc rối, họ lại vu cho người xấu số lấy trộm đồ trong hiệu, bị bắt quả tang nên sợ quá mà tự tử. Việc ấy làm cho hàng phố và dư luận người sở tại xì xào bàn tán rồi đến tai quan trấn thủ Quảng Nam. Nghe nói hiệu buôn Hà Lan đánh chết người bản xứ không kể quyền trên phép nước ở đây ra gì, quan hết sức bất bình liền mở cuộc điều tra. Những người thương nhân không hợp tác và có thái độ trịch thượng, quan trấn thủ cả giận bèn sửa soạn xe ngựa ra trình báo chúa

Thượng. Nghe xong chúa cả giận bèn giao toàn quyền cho quan trấn thủ xử lý, kể cả dùng đến những biện pháp cứng rắn nhất. Năm được đặc quyền ấy, quan trấn thủ cho bắt những người có liên quan đến vụ việc (*cả thấy 9 người*), tịch thu tài sản sung công quỹ, những thứ không cần thiết thì đem tiêu hủy. Vì tội cố ý sát nhân, 7 người trong bọn bị tuyên án tử hình đưa ra pháp trường hành hình ngay. Còn 2 người không liên can được tha bổng, cho đáp thuyền về Batavia để thông báo sự việc đã xảy ra. Công ty Đông Ấn đã phái 3 chiếc tàu chiến hạng to, chở nhiều quân lính, khí giới, chạy thẳng sang Quảng Nam, định lấy vũ lực uy hiếp chúa Nguyễn để trả thù nhưng đã bị thất bại, hao binh tổn tướng ở cửa biển Thuận An (*hai chiếc bị đánh chìm, chiếc còn lại hư hỏng nặng phải tháo chạy, đề đốc Pierre Baeck tử trận...*). Rồi từ đây người Hà Lan đã quyết tâm giúp chúa Trịnh một cách công khai để chống chúa Nguyễn. Quan hệ hai bên căng thẳng, các thương nhân phải đóng cửa thương điếm ở Hội An, còn chúa Nguyễn cũng tuyên bố không miễn thuế cho người Hà Lan nữa.

Có một điều mà người Hà Lan không biết là chúa Nguyễn Phúc Lan đã xem xét nghiêm túc sự đe dọa của người Hà Lan và ông đã thả 50 người tù tháng 3 năm 1642 nhưng mãi tới năm 1643 Công ty Đông Ấn Hà Lan mới biết chuyện này. Vì những hiểu nhầm và bất hòa ấy, mãi đến năm 1651, quan hệ hai bên mới được nối lại, chúa Nguyễn ký Hiệp ước thương mại với họ và thả các tù binh Hà Lan. Tuy nhiên việc làm ăn của người Hà Lan tại đây sau đó cũng không thuận lợi và họ đã rút đi.



Một góc phố cổ Hội An giữa thế kỷ 20, ảnh Vĩnh Tân

Việc một mỗi bang giao tự sinh rồi tự diệt ở đô thị này, trong giai đoạn náo nhiệt của thời cuộc ngày ấy chắc hẳn không nhiều người để ý. Và nó càng không đáng lưu tâm bởi cái gắn kết lỏng lẻo, ngăn ngui như trường hợp người Hà Lan mà mãi đến giờ vẫn ngậm ngùi câu hỏi: không hiểu vì sao? ai có lỗi? Nhưng dẫu sao trong lần gặp gỡ ấy vẫn còn một mối lương duyên mà nghìn sau vẫn nhắc, ấy là cái tên Faifoo của Hội An theo mãi mọi người. Chuyện là thế này: Hội An còn có tên Phố, Phố Hội, là Faifoo; một tên Tây kèm một tên Ta mà tên này chẳng phải là phiên âm của tên kia. Vốn là một trong những phố lớn nhất nhì ở Đàng Trong, đông đảo và phồn thịnh thì rõ ràng tên tuổi vốn đã có trước, làm sao đến nỗi người Tây còn chen vào đặt tên? Trường hợp ấy không hề xảy ra cho những thành phố, tỉnh lỵ khác trong toàn quốc. Gọi cho đúng địa danh đã khó nói

gì đến chuyện truy tầm nguồn gốc của chúng. Và rồi nó được kể bởi những người bản xứ, rằng xưa kia khi người Hà Lan đến giao thương, bước chân lên bờ hỏi (*qua thông ngôn trọ trọ*): “Đây có phải Phố”, Dân chúng trả lời: Phải, Phố: Thế là Phải Phố thành Faifoo¹.

Vậy thì cần chi nhiều, chỉ mỗi một cái tên Faifoo thôi cũng đã nhắc nhở chúng ta về những kỷ niệm đẹp ngày xa xưa đó. “*Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy*” là một trong những dấu hiệu đẹp đẽ, đáng yêu đã dành mà còn là dấu hiệu đáng mừng để hướng đến tương lai vì một tình bạn tốt đẹp và nồng ấm của Hội An dành cho tất cả mọi người ♦

¹ Tùy bút " Hội An " - của Trảng Thiên viết năm 1966, tái bản trong tập "Quê hương tôi ", nhà xuất bản Thời Đại năm 2014, trang 229.

HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG CỦA NGƯỜI HOA Ở HỘI AN TỪ THẾ KỶ XVI - XVIII

Nguyễn Văn Thịnh

1. Vài nét về quá trình di cư của người Hoa ở Hội An

Để thiết lập tốt hệ thống kiểm soát vùng biển Nam Trung Hoa, từ năm 1371 (*Hồng Võ thứ tư*), Minh Thái Tổ đã ra chiếu chỉ nghiêm cấm nhân dân miền duyên hải Trung Quốc xuất ngoại. Từ đó đến giữa thế kỷ XVI, trải qua một khoảng thời gian dài hai trăm năm, triều đình nhà Minh thi hành chính sách bế quan tỏa cảng, gọi là *“một tắc gõ cũng không cho ra ngoài hải ngoại”* (*thôn bản bất hạ hải*). Mãi cho đến năm 1567 (*Long Khánh nguyên niên*), Minh Mục Tông ra lệnh mở *“hải cấm”* và cho phép thường dân xuất dương ra nước ngoài buôn bán. Tuy nhiên, việc bãi bỏ cấm vận hàng hải lại không được áp dụng đối với Nhật Bản, vì thế việc xuất khẩu qua đất nước này những hàng hóa có giá trị về mặt quân sự lẫn kinh tế như: Quặng sắt, đồng, diêm sinh, tơ sống v.v... thì vẫn tiếp tục bị nghiêm cấm¹. Chính điều này đã thúc đẩy rất nhiều thương nhân Trung Quốc đi xuống khu vực Đông Nam Á để tìm kiếm thị trường buôn bán và trao đổi

hàng hóa với các nước trong và ngoài khu vực, nhất là đối với thương nhân Nhật Bản.

Ở nước ta, từ sau những cuộc hành quân Nam tiến, di dân để mở mang bờ cõi như của nhà Hồ vào năm 1402; sau chiến công của Lê Thánh Tôn (1470), dải đất từ Cửa Hàn đến đèo Cù Mông trở thành trấn Quảng Nam; cho đến việc trấn thủ Thuận Hóa của Chúa Tiên (*Nguyễn Hoàng*) vào năm 1558 rồi đến năm 1570 kiêm lãnh trấn Quảng Nam². Do mâu thuẫn giữa nhà Trịnh và nhà Nguyễn ngày một gay gắt hơn, kể từ sau năm 1570, nhằm đối đầu với nhà Trịnh ở Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn đã tích cực thi hành các chính sách như khai hoang ruộng đất, thành lập các làng xã, phát triển công thương nghiệp, đặc biệt là khuyến khích phát triển ngoại thương bằng đường lối mềm dẻo, cởi mở và khôn khéo để nhanh chóng làm giàu cho Đàng Trong. Từ đây, Đàng Trong, đặc biệt là xứ Quảng nổi lên như một trung tâm kinh tế và chính trị. Chính sự phát triển ấy cùng với chính sách mở cửa của các chúa Nguyễn đã thu hút rất

¹ Lê Văn Hảo, Sự hình thành và phát triển của Đô thị thương cảng Hội An trong bối cảnh sự phát triển của hàng hải thế giới và thương nghiệp quốc tế ở Đông Nam Á trong các thế kỷ XVI - XVII, Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An 23 - 24/7/1985.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (1964), Đại Nam thực lục tiền biên; Tập 1, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội - Tr 33.

hiều thương nhân trong và ngoài nước đến vùng đất này, cũng chính điều này đã thúc đẩy sự ra đời của hàng loạt các đô thị - thương cảng ở Đàng Trong, đáng chú ý nhất là Đô thị - thương cảng Hội An, thuộc xứ Quảng: *“Có vài hải cảng ở Đàng Trong, cửa biển đáng kể nhất là nơi mà dân ở đó gọi là Hội An (Hoyan), còn người Bồ Đào Nha thì gọi là Faifo. Cửa biển đó ở tỉnh Chàm, vĩ tuyến 16, cách cung vua vài ngày đường. Cửa biển này có nước khá sâu, tàu bè có thể bỏ neo rất an toàn. Nơi đây rất thuận tiện cho khách thương vì thuyền có thể đậu gần các nhà kho. Lối vào là một cửa sông rộng chảy từ hướng Lào xuống, chảy ngang tỉnh Chàm rất thuận tiện. Faifo là nơi buôn bán thịnh vượng nhất Đàng Trong...”*¹. Với các điều kiện vô cùng thuận lợi: có Cửa Đại Chiêm (*Đại Chiêm môn hay Đại Chiêm hải khẩu*), đây là cửa ngõ thông ra biển² và ngoài khơi có Chiêm Bất Lao (*Cù Lao Chàm*) trấn giữ, làm tiền tiêu và là nơi dừng đỗ của các thương thuyền vùng Viễn Đông trên con đường hàng hải quốc tế nối liền Đông - Tây; nằm ở vùng hạ lưu của ba con sông lớn đó là sông Thu Bồn, Vu Gia và Chiên Đàn, đồng thời thông với Cửa Hàn - Đà Nẵng bởi sông Đé Vông - Lộ Cảnh Giang³. Về địa giới hành chính: Đô thị - thương cảng Hội An

cách Dinh trấn Thanh Chiêm (*Dinh trấn Quảng Nam*), thủ phủ thứ hai của Đàng Trong khoảng 8 km, rất thuận tiện cho việc trao đổi buôn bán hàng hóa ở bên trong và bên ngoài khu vực⁴.

Theo tác giả Đinh Trọng Tuyên trong cuốn biên khảo “Dinh Trấn Thanh Chiêm”, thì sau khi xây dựng xong Dinh trấn Thanh Chiêm, công việc đầu tiên của các chúa Nguyễn là phát triển cảng thị Hội An ở tổng Phú Chiêm nằm trên cửa Đại Chiêm, bờ bắc sông Chợ Cui (*Sài Thị Giang*) để trao đổi và xuất nhập khẩu hàng hóa. Phát triển một trung tâm thương mại tại khu vực Hội An có Đại Chiêm hải khẩu với ý đồ phục hưng lại cảng thị Champapura đã từng vang bóng một thời của Chiêm Thành, qua đó cho thấy các chúa Nguyễn đã có một cái nhìn rất thoáng đối với quá trình hội nhập thương mại quốc tế.

Nhờ vào điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý thuận lợi và những chính sách khuyến mãi hợp lý mà Hội An nhanh chóng trở thành một thương cảng sầm uất nhất ở nước ta vào thế kỷ XVII và XVIII. Sự kế thừa một cách khôn ngoan mô hình kinh tế theo đường sông của người Chiêm đã giúp cho các chúa Nguyễn biến vùng đất Quảng Nam thành một nguồn dự trữ dồi dào về sức người, sức của⁵.

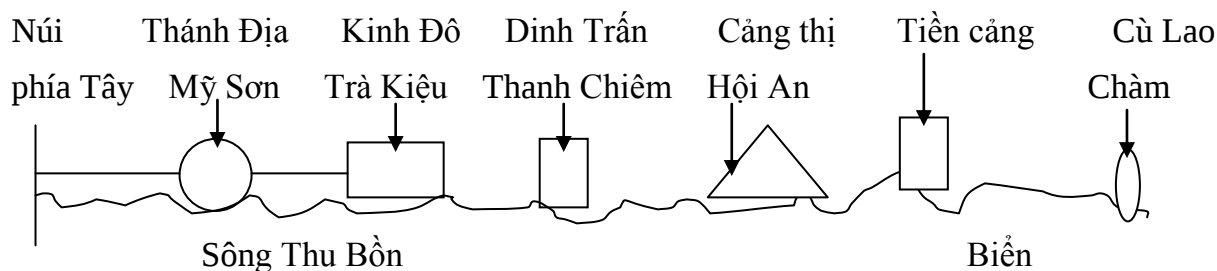
¹ Nguyễn Duy Chính (tuyển dịch), Đàng Trong thời các chúa Nguyễn, Nhà xuất bản Hội Nhà văn năm 2017, Tr 48.

² Dưới các triều đại Vương quốc Chăm Pa, đây là cửa ngõ của miền Amaravati, nằm cách không xa là Thánh địa Mỹ Sơn và các kinh đô Sinhapura (Trà Kiêu) và Indrapura (Đồng Dương).

³ Nguyễn Chí Trung, Cộng đồng người Hoa ở Hội An trong lịch sử, Bản tin số 03 - 2017, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

⁴ Nhận thấy vị trí chiến lược quân sự vô cùng quan trọng, tháng 7 năm Nhâm Dần (1602), Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) cho lập Dinh trấn Quảng Nam và sai Nguyễn Phước Nguyên trấn giữ.

⁵ Đinh Trọng Tuyên - Đinh Bá Truyền, Dinh trấn Thanh Chiêm Quảng Nam, UBND xã Điện Phương xuất bản năm 2010, Tr 17 - 18.



(Sơ đồ thể hiện vị trí cảng thị Hội An dưới thời các chúa Nguyễn)

Xuất phát từ những nguyên nhân trên, vào khoảng cuối thế kỷ XVI, nhiều thương nhân Trung Quốc và Nhật Bản đã bắt đầu tìm đến Hội An. Với sự ưu ái, cho phép của các chúa Nguyễn trong việc chọn đất xây cất nhà cửa, xây dựng đình, chùa, hội quán, từ đó những khu phố của thương nhân người Hoa và thương nhân Nhật Bản bắt đầu ra đời tại vùng đất này. Theo ghi chép của giáo sĩ dòng Tên người Ý là Cristophoro Borri trong chuyến đi Đàng Trong khoảng từ năm 1618 -1622 đã miêu tả khá rõ nét về Hội An lúc bấy giờ: *“Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Trung Quốc chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố ấy gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ có thể nói là có đến hai thành phố, một phố của người Tàu, một phố của người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu, người Nhật cũng vậy”*¹.

Khoảng giữa thế kỷ XVII, một làn sóng di cư lớn thứ hai của cư dân

Trung Hoa đến Hội An. Không giống như giai đoạn trước kia, khi mà sự di cư xuất phát từ mục đích giao thương buôn bán, tìm kiếm thị trường, tìm các nguồn lợi kinh tế thì trong giai đoạn này, nguyên nhân chính yếu xuất phát từ những sự bất ổn trong nền chính trị ở Trung Quốc, đó là khi người Mãn lật đổ nhà Minh lập nên triều đại nhà Thanh đã thi hành một số chính sách khắt khe, độc tài như bắt buộc dân chúng phải cạo tóc, thắt bím, ăn mặc như người Mãn. Tiếp đó là những chính sách cấm biển, di huyện, dời dân làm cho dân chúng vô cùng khốn khổ, mâu thuẫn giữa dân chúng và triều đình đã đến mức không thể giải quyết được. Một số dân chúng ở vùng Phúc kiến, Quảng Đông, Sơn Đông, Hà Bắc, Giang Tô, Triết Giang... và các vùng hải đảo đã phải rời bỏ quê hương của mình cùng với các “*di thần*”, “*cư thần*” nhà Minh và các thương nhân, thợ thủ công, dân nghèo và kẻ cả tù binh... tìm đến các quốc gia Đông Nam Á khác để làm ăn sinh sống trong đó có Hội An thuộc xứ Quảng - Đàng Trong của Việt Nam. Cũng từ đây, các tổ chức làng xã, các bang hội theo nguồn gốc quê quán của cộng đồng cư dân người Hoa đã được hình thành tại nơi này.

¹ Cristophoro Borri, Xứ Đàng Trong năm 1621, NXB Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999, Tr 92.

2. Hoạt động ngoại thương của người Hoa ở Hội An từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII

Người Hoa ở Hội An lúc bấy giờ gồm nhiều thành phần giai tầng xã hội khác nhau, phần lớn là những thương nhân; thợ thủ công; sĩ phu; thầy thuốc; thầy địa lý; thầy đồ; lao động phổ thông; binh lính; quan lại; quý tộc... bằng những tri thức và kinh nghiệm đã đúc kết được, người Hoa đã sớm phát huy khả năng, vai trò của mình trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Vì vậy, họ đã sớm nhận được những sự ưu ái của các chúa Nguyễn trong việc trọng dụng nhân tài để duy tân đất nước (*Đàng Trong*) như những chính sách “*tôn hiền*” đối với danh sĩ, những người dày dặn kinh nghiệm trong việc quản lý thương mại, thông ngôn hay “*lai bách công*” (*thu hút thợ trăm nghề*).

Do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và sự kế thừa những tiến bộ khoa học kỹ thuật của thời kỳ Phục Hưng ở Châu Âu đặc biệt là trong các lĩnh vực thiên văn học, bản đồ học hàng hải, kỹ thuật đóng tàu buồm v.v... mà từ cuối thế kỷ XVI, cùng với các thương nhân người Hoa, Nhật Bản,

Philippines, Xiêm La, các thương nhân Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp cũng đã đổ xô đến Hội An để buôn bán và trao đổi hàng hóa. Tất cả các hàng hóa từ khắp các nơi ở trong nước, từ nhiều khu vực lãnh thổ, quốc gia khác nhau đều quy tụ về đây, từ đó các hoạt động kinh tế thương mại nơi đây càng trở nên nhộn nhịp hơn. Nhận thấy được điều đó, người Hoa đã nhanh chóng bắt tay vào khai thác triệt để những nguồn lợi này, họ đã chủ trương mở các cửa hiệu đại lý, các hoạt động bao mua, mãi biện với nhân dân ở nhiều địa phương, các thương nhân trong, ngoài khu vực và ngoại quốc. Chính những điều này đã đem lại nguồn lợi không nhỏ cho người Hoa, đồng thời cũng thu về cho chính quốc của họ những mặt hàng có giá trị lớn. Bên cạnh đó, những hoạt động kinh tế của người Hoa cũng đã góp một phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển của Đô thị - thương cảng Hội An.

Đến đầu thế kỷ XVII, do việc thực thi chính sách tỏa quốc (*sakoku*) của Nội các Nhật Bản đã làm cho thế lực người Nhật ở ngoại quốc bị suy giảm dần. Ở Hội An, người Hoa nhân cơ hội này đã chiếm cứ các khu vực cư trú của người Nhật và dần dần chiếm lấy toàn bộ thị trường thương mại của người Nhật trước kia: “*Faifo gồm một con đường phố trên bờ sông và hai dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Trung Quốc, cũng có 4, 5 gia đình người Nhật Bản. Xưa kia người Nhật là cư dân chính và làm chủ việc thương mại ở hải cảng này, nhưng số ấy đã giảm bớt và của cải của họ cũng sút kém, sự quản trị*



công việc buôn bán hiện nay lọt vào tay người Trung Quốc, họ có ít nhất độ mười, mười hai chiếc thuyền hàng năm từ Nhật, Quảng Đông, Xiêm, Cambodia, Manila và từ Batavia tới”¹. Như vậy, trong thời kỳ này người Hoa hầu như nắm trong tay hầu hết những mối thương mại quan trọng không chỉ ở tại Hội An mà kể cả ngoài khu vực xứ Quảng - Đà Nẵng. Từ những điểm thương mại lớn nhỏ, ở những vùng núi xa xôi, hẻo lánh cho đến các cảng thị sầm uất đều thấy bóng dáng của người Hoa. Một vài minh chứng cho thấy rõ các hoạt động ngoại thương của người Hoa với các nước trong và ngoài khu vực lúc bấy giờ, như theo ghi chép của Thomas Bowyear, một thương nhân người Anh khi đến Hội An ngày 18/8/1695 đã miêu tả khá rõ nét: “Các thuyền mua (đem đến Đường Trong) từ Quảng Đông: Tiễn đồng được lắm rất nhiều, cũng như hàng tơ lụa hoa các kiểu, lĩnh lụa, đồ gốm Trung Quốc, chè, kẽm, thủy ngân, nhân sâm, long não và các vị thuốc khác; từ Xiêm: Lá trầu không, gỗ đỏ (dùng để nhuộm), sơn, xà cừ, ngà voi, thiếc, chì, gạo; từ Campuchia: Thụ hoàng (dùng làm thuốc vẽ), cánh kiến trắng, sa nhân, sáp, sơn, xà cừ, gỗ đỏ, nhựa thông, da trâu, da và gân hươu, ngà voi, sừng tê v.v...; từ Bata-vi-a: bạc, bạch đàn, trầu không, vải cát bá đỏ và trắng, thuốc màu đỏ; từ Ma-ni: bạc, diêm sinh, gỗ đỏ, vỏ sò, thuốc hút, sáp, gân hươu. Còn “Đường Trong” bán ra: vàng, sắt, tơ và hàng dệt như lĩnh, lụa... kỳ nam, trầm hương, đường, đường phèn, ... yến sào, hạt tiêu, bông...”². Cũng như Thiền sư Trung Hoa phái Tào Động là Thích Đại Sán đã

đến Hội An khoảng năm 1695 - 1696 để truyền bá đạo Phật theo lời mời của chúa Nguyễn Phúc Chu đã ghi lại trong Hải ngoại ký sự: “Vị Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước, thẳng bờ sông một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại Đường nhai, hai bên hàng phố ở liền nhau khít rịt... cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phô, cách bờ bên kia tức Trà Nhiêu nơi đình bạc của tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc, tôm cá rau quả tập hợp mua bán suốt ngày”³. Một điểm đáng chú ý là, về nguồn gốc dân cư, những người Hoa di cư đến vùng đất Hội An hầu hết chủ yếu từ các vùng duyên hải Nam Trung Hoa như Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam,... đây là những cư dân dày dạn kinh nghiệm trong việc sử dụng tàu thuyền đi biển, một phương tiện gắn liền với hoạt động kinh tế thương mại của người Hoa. Thêm vào đó, lợi thế về vị trí địa lý nằm trên con đường hàng hải giao thương quốc tế vô cùng thuận lợi đó là “con đường tơ lụa”; “con đường hương liệu”; “con đường gốm sứ”, chính vì thế Đô thị - thương cảng Hội An hội đủ mọi yếu tố cốt yếu để trở thành một trạm trung chuyển hàng hóa bậc nhất, mang tầm quốc tế lúc bấy giờ, cho nên người Hoa vừa buôn bán, trao đổi hàng hóa ở tại nơi này, đồng thời vừa đảm nhận luôn nhiệm vụ chuyên vận hàng hóa từ chính quốc của họ đến Hội An hay từ Hội An đi các quốc gia khác của khu vực Đông Nam Á, Nhật Bản, hay đi đến các tàu buôn phương Tây vào mùa mậu dịch hàng năm.

Qua thế kỷ XVIII, tuy không còn phát triển mạnh như những giai đoạn trước kia nhưng Hội An vẫn là trung tâm

¹ Phan Khoang, Việt sử xứ Đà Nẵng 1558 - 1777, NXB Văn học, 2001, Tr 421.

² Thành Thế Vỹ, Ngoại thương Việt Nam hồi đầu thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX, Tr 227.

³ Thích Đại Sán - Hải ngoại ký sự, Q3, Viện Đại học Huế, 1963, Tr 154.

thương mại lớn của Đàng Trong và của cả khu vực. Trong Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn có dẫn rằng: “*Những thuyền từ Sơn Nam trở về (Sơn Nam tức vùng Nam Định), người ta chỉ mua được một món hàng hóa là củ nâu mà thôi. Thuyền từ kinh thành Thuận Hóa về cũng chỉ mua được một thứ hàng hóa là vị hồ tiêu mà thôi. Còn thuyền từ miền Quảng Nam về thì trăm thứ hàng hóa, thứ gì cũng có. Các thuyền từ các phiên bang trở về cũng không có nhiều hàng hóa bằng thuyền từ Quảng Nam về. Đại phàm những hóa vật được sản xuất từ các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quy Nhơn, Quảng Nghĩa, Bình Khang cùng dinh sở Nha Trang, chỗ thì người ta chuyên chở hàng hóa bằng thuyền theo đường thủy, hay chở bằng ngựa theo đường bộ, đều đổ xô dồn về phố cổ Hội An. Ở nơi đây, vì các khách buôn Trung Quốc đều tới mua hàng đưa về tàu nên buổi trước hàng hóa rất nhiều, dẫu có 100 chiếc thuyền lớn chuyên chở hàng hóa trong một lúc cũng không thể chở hết được*”¹. Với mạng lưới rộng khắp trong, ngoài khu vực, bằng ngôn ngữ và khả năng ngoại giao tốt, người Hoa đã tạo được nhiều mối làm ăn ở nhiều địa phương, từ đó họ có thể thực hiện được các chính sách mua tận gốc, bán tận ngọn hiệu quả. Rất nhiều sản vật có giá trị ở nhiều miền khác nhau như ngà voi, trầm hương, sừng tê giác, gỗ, tơ lụa, mật gấu và các hải sản có giá trị v.v... đã được người Hoa bao mua một cách triệt để, sau đó cung cấp cho thuyền buôn ngoại quốc mỗi khi cập cảng thị Hội An. Như thế, suốt nhiều thời kỳ khác nhau

người Hoa đều nắm và chi phối hầu hết các hoạt động kinh tế thương mại, nhất là đối với ngoại thương. Bên cạnh đó, trong thời kỳ này các chúa Nguyễn cũng đã chủ động giao cho người Hoa đảm nhận những trọng trách quan trọng trong việc quản lý Ty Tầu vụ ở cảng thị Hội An, một số người Hoa đã được các chúa Nguyễn phong làm quan Cai phủ tầu để kiểm soát tầu thuyền xuất - nhập cảng; thu thuế; cân đo; định giá hàng hóa hay thông ngôn v.v... Qua đó, cũng cho thấy được sự tài tình, khéo léo của các chúa Nguyễn trong việc quản lý nền kinh tế thương mại, nhất là ngoại thương đối với một thương cảng trọng yếu như Hội An.

Vốn có thế mạnh về hoạt động kinh tế thương mại, ngay từ những buổi đầu có mặt tại vùng đất Hội An, người Hoa đã sớm tận dụng được những điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý hết sức thuận lợi của thương cảng Hội An, đồng thời người Hoa cũng đã nắm bắt tốt các cơ hội từ những chính sách ưu ái của các chúa Nguyễn trong việc phát triển nền kinh tế, chính vì thế người Hoa đã sớm nắm giữ và chi phối toàn bộ nền kinh tế thương mại, đồng thời trở thành một lực lượng quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế thương mại tại Hội An và kể cả khu vực xứ Quảng - Đàng Trong, nhất là về ngoại thương. Cũng cần nói thêm rằng, những hoạt động ngoại thương của người Hoa đã góp phần không nhỏ vào việc đưa nền kinh tế hàng hóa của cả khu vực phát triển vượt bậc ra bên ngoài, đi đến nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau trên thế giới, từ đó, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển hưng thịnh của Đô thị - thương cảng Hội An trong suốt nhiều thế kỷ qua ♦

¹ Lê Quý Đôn, Phủ Biên tạp lục, Tập 2, Tr 72 - 73.

BẢO TỒN CẢNH QUAN KIẾN TRÚC LÀNG GỒM THANH HÀ QUA ĐIỀU TRA THỰC TẾ

Trần Thanh Hoàng Phúc

Sự phát triển du lịch tại làng gốm Thanh Hà trong những năm gần đây giúp cho mức thu nhập bình quân của người dân khu vực tăng lên đáng kể. Điều đó minh chứng cho những nỗ lực của chính quyền địa phương và người dân nơi đây trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của khu làng gốm, trong đó có việc bảo tồn cảnh quan kiến trúc. Năm 2008, UBND thành phố Hội An khoanh vùng bảo vệ, ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà và có điều chỉnh, bổ sung một số nội dung vào tháng 12/2016. Tháng 10/2017, chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát, có một vài ghi nhận về việc thực hiện Quy chế trong gần 10 năm qua.

Hiện nay, ở khu vực I làng gốm Thanh Hà có hơn 100 công trình kiến trúc bao gồm nhà ở và di tích tín ngưỡng, trong số đó có 26 di tích loại I⁽¹⁾ (4 di tích

tín ngưỡng và 22 ngôi nhà có nhà chính còn bảo lưu được hệ mái ngói âm dương, ngói liệt). Các di tích tiêu biểu ở khu làng gốm: đình Xuân Mỹ (di tích cấp quốc gia); khu miếu Tổ nghề gốm Nam Diêu, nhà ông Lê Bàn (di tích cấp Tỉnh); miếu ấp Bộc Thủy (di tích nằm trong Danh mục di tích - danh thắng được UBND Tỉnh bảo vệ theo quyết định 1353/QĐ-UB ngày 15/8/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam).

Theo số liệu của UBND phường Thanh Hà về việc thực hiện quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà, tổng số lượt xin tu bổ, sửa chữa trong khu vực 1 (thuộc khối Nam Diêu) trong 10 năm qua là 13 trường hợp, theo đó, cán bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An đã tiến hành khảo sát hiện trạng kiến trúc 10/13 ngôi nhà này, có một số nhận xét, đánh giá như sau:

- 10/10 nhà đều tu bổ, sửa chữa, xây mới tuân theo độ cao, số tầng theo quy định của quy chế, trong đó 01/10 nhà tu bổ lại như nguyên trạng (Nhà thờ tộc Võ). Các ngôi nhà có giá trị kiến trúc cao (loại I) được giữ lại hoặc tu bổ như nguyên trạng, hoặc tôn tạo với hình thức kiến trúc phù hợp; chỉ tiến hành sửa chữa/xây mới nếp nhà phụ. Có thể nói người dân có ý thức cao trong việc giữ

¹ Di tích loại I: là di tích tín ngưỡng hoặc nhà ở bảo tồn được toàn bộ kiểu dáng, kết cấu, chi tiết của công trình kiến trúc truyền thống hoặc bảo tồn được hệ mái ngói âm dương, ngói liệt, kiểu dáng mặt tiền truyền thống, có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Di tích loại II: là di tích kiến trúc có mái lợp ngói 22v/m² và được xây dựng phần lớn bằng vật liệu truyền thống như gạch, vôi và có kiểu dáng mặt tiền theo kiểu truyền thống. Có giá trị về lịch sử kiến trúc, xã hội thuộc thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Mỹ và thời kỳ trước Đổi mới.

Di tích loại III: công trình xây dựng theo hình thức kiến trúc hiện đại hoặc là nhà tạm, ít có giá trị về kiến trúc, lịch sử.

(phân loại theo Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà do UBND Thành phố ban hành năm 2008)

gìn, bảo quản các nếp nhà có kiểu dáng kiến trúc truyền thống do cha ông để lại.

- Với các ngôi nhà loại II, III khi tiến hành sửa chữa, cải tạo: người dân tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng nhà mới theo nhu cầu sử dụng và tuân theo các quy định về xây dựng. Nhìn chung nhà có kiểu dáng kiến trúc khá hiện đại.

+ Với các ngôi nhà xây dựng, sửa chữa trước 2017: phần lớn là nhà trệt + gác lửng, mái lợp ngói móc. Vì nhu cầu bức thiết về không gian sinh hoạt, một vài chủ nhà đã linh hoạt “lách luật” bằng cách lát ván sàn gỗ bịt kín khoảng không gian thông tầng (*thông thường là ở nếp nhà trước, không gian phòng khách*) để tăng diện tích sử dụng.

+ Với các ngôi nhà xây dựng từ đầu năm 2017 đến nay: người dân đều chọn giải pháp xây dựng nhà 2 tầng, khung sàn BTCT chịu lực, mái lợp ngói móc.

- Theo quy định đối với công trình xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo: tường các ngôi nhà này phải quét vôi truyền thống, nền láng xi măng, lát gạch đất nung hoặc đá tự nhiên không ánh gương. Tuy nhiên, trong thực tế, hầu như toàn bộ tường các ngôi nhà này đều được lán sơn, nền lát gạch men. Chỉ có một vài nhà có phần nền xi măng hoặc nền sân lát gạch đất nung.

- Tường rào, cổng ngõ cũ được giữ lại, thường là trụ cổng xây gạch, rào lưới B40 hoặc lam bê tông. Nếu tường rào, cổng ngõ xây mới thì cũng có hình thức tương tự. Chỉ có các nhà kinh doanh dịch vụ lưu trú homestay thì hạng mục này có



phần được chăm chút hơn về hình thức kiến trúc, trang trí bằng các sản phẩm gốm.

- Các ngôi nhà xây mới có khoảng lùi đảm bảo, mặc dù đường làng nhỏ nhưng vẫn đảm bảo tầm nhìn, cảnh quan chung, không gây trở ngại cho giao thông.

Qua trao đổi với một số người dân địa phương về việc thực hiện các quy định về quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà trong thời gian qua, chúng tôi có thể tổng hợp một số ý kiến đóng góp chung nhất của người dân như dưới đây:

- Với nhà có giá trị kiến trúc truyền thống (*di tích loại I*), khi tu bổ phải tuân thủ nguyên tắc bảo tồn nguyên trạng các chức năng, yếu tố gốc của công trình. Quy định này được người dân ủng hộ, đồng tình.

- Theo quy định, nhà loại II, III khi sửa chữa, cải tạo hoặc xây mới, chỉ được phép xây nhà trệt hoặc nhà trệt + gác lửng, sử dụng vật liệu truyền thống (*tường quét vôi, nền láng xi măng, lát gạch gốm hoặc đá tự nhiên*), mái lợp ngói móc. Quy định này gây một số khó

khăn, trở ngại cho người dân bởi các lý do sau đây:

+ Diện tích thửa đất khu vực này thường không lớn, số nhân khẩu mỗi hộ lại đông, hơn nữa làng gồm nằm sát sông, thuộc khu vực thấp lệt, việc hạn chế chiều cao và số tầng nhà khiến không gian ở bị thu hẹp, không đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho cả gia đình và tránh lệt. Cuối năm 2016, Thành phố có quyết định điều chỉnh một số nội dung của Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà (công văn số 4989/UBND ngày 14/12/2016) cho phù hợp hơn, trong đó cho phép xây dựng nhà 2 tầng, độ cao đỉnh mái tối đa là 8m; hỗ trợ kinh phí tu bổ hệ mái ngói đối với nhà loại I. Người dân rất hoan nghênh và ủng hộ sự điều chỉnh này.

+ Việc yêu cầu người dân sử dụng vật liệu truyền thống trong các ngôi nhà xây dựng mới là chưa thực sự phù hợp. Thực tế cho thấy, rất ít người dân tuân theo quy định về sử dụng vật liệu truyền thống. Nguyên nhân là do tường quét vôi nhanh bị rêu mốc, ẩm hơn so với lã sơn, nhà nhanh xuống cấp, phải tốn tiền quét vôi lại hàng năm. Gạch gốm khó chùi rửa; đá tự nhiên thì lại tốn kém hơn so với gạch men.... trong khi đời sống kinh tế của người dân địa phương còn nhiều khó khăn vất vả, chỉ mới được cải thiện phần nào trong thời gian gần đây, người dân cũng không được hưởng lợi nhiều từ du lịch như người dân trong khu phố cổ. Khi xây/sửa nhà, họ phải đi vay thêm tiền, do đó, họ không muốn mỗi năm phải chi thêm một khoản tiền để quét vôi, bảo dưỡng...

Từ những nguyên nhân đó, người dân có một số góp ý đề nghị xem xét

điều chỉnh các quy định về quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà cho phù hợp trong thời gian đến:

- Di tích loại II, III khi sửa chữa, cho phép xây dựng nhà 2 tầng với độ cao 8m là phù hợp, tuy nhiên quy định vật liệu xây dựng trong khu vực I làng gốm Thanh Hà, tùy trường hợp cụ thể mà áp dụng cho thích hợp: với nhà loại II, III sửa chữa, xây mới, không nên bắt buộc, chỉ nên khuyến khích người dân sử dụng vật liệu truyền thống. Nên cho phép người dân sơn vôi, tuy nhiên có thể quy định màu sơn: màu vàng hoặc xanh ve. Vật liệu lót nền: cho phép lót gạch men màu sẫm hoặc giả gỗ.

- Cần tăng cường công tác dọn dẹp vệ sinh đường đi trong làng gốm. Có thể khuyến khích người dân trồng hàng rào cây xanh để tôn tạo cảnh quan chung, tuy nhiên Thành phố cần cử người hỗ trợ người dân cắt tỉa định kỳ.

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rằng không nhiều người dân trong khu vực I làng gốm nắm rõ Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà và phân loại giá trị bảo tồn của ngôi nhà mà họ đang sinh sống. Thông tin cơ bản nhất mà họ biết là nhà ở khu vực này không được xây 2 tầng, chỉ được xây nhà trệt có gác lửng, cao không quá 7m, nay được phép xây 2 tầng, cao không quá 8m; các ngôi nhà cổ có mái ngói âm dương phải giữ nguyên trạng. Người dân có ý thức cao trong việc gìn giữ, bảo tồn các di tích loại I, tuy nhiên, việc bảo tồn cảnh quan kiến trúc làng gốm, ngoài những di tích loại I, những công trình bình thường khác (di tích loại II, III), những yếu tố vật liệu địa phương trong xây dựng cũng góp phần



rất quan trọng trong cảnh quan kiến trúc chung khu vực và cần được hiểu, quan tâm đúng mực.

Sau khi trao đổi, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của một số hộ gia đình ở làng gốm Thanh Hà và khảo sát thực trạng kiến trúc, bản thân tôi có ý kiến đề xuất UBND Thành phố, các ban ngành xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà trong khu vực I như sau: *(đề xuất dựa vào sự cân bằng giữ nhu cầu bảo tồn làng gốm của chính quyền địa phương và nhu cầu sinh hoạt, khả năng tài chính của người dân)*

- Tại công văn số 4989/UBND ngày 14/12/2016 về việc điều chỉnh một số nội dung của Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà, UBND Thành phố đã thống nhất hỗ trợ kinh phí tu bổ hệ mái ngói *(gồm các hạng mục: ngói, rui, hoành và nhân công thực hiện)* đối với nhà loại I theo cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư, tu bổ di tích trên địa bàn Thành phố nằm ngoài khu phố cổ. Do đó, đề nghị

các ngành liên quan họp bàn, thống nhất, tham mưu mức hỗ trợ kinh phí tu bổ đối với các di tích trên để trình UBND Thành phố xem xét, đưa nội dung này vào Quy chế, phổ biến rộng rãi đến chủ di tích để họ được biết, cảm thấy an tâm hơn trong việc giữ gìn, tu bổ ngôi nhà của mình; cũng cần xem xét hỗ trợ đối với

các ngôi nhà cải tạo hệ mái theo kiểu truyền thống *(lợp ngói âm dương)*.

- Với nhà loại II, III khi sửa chữa, xây mới: Tường được phép sơn vôi, bên ngoài nhà phải sơn màu vàng hoặc xanh ve, nền nhà lát gạch men màu sẫm *(xám, nâu, đà)* không bóng. Hệ cửa mặt tiền và các mặt bên *(cửa đi, cửa sổ)* sơn màu đà hoặc màu cánh gián giả gỗ. Khuyến khích sử dụng vật liệu truyền thống: tường quét vôi, cửa gỗ, nền lát xi măng, lát gạch đất nung hoặc đá tự nhiên màu xám không bóng.

- Đề nghị Phòng Quản lý đô thị thành phố Hội An nghiên cứu, tham mưu đề xuất khoảng lùi xây dựng trên từng tuyến đường cụ thể trong cả khu vực I và II, mật độ xây dựng đối với những ngôi nhà sửa chữa cải tạo, xây mới, với các khu đất trống, tách thửa.

Ngoài ra, việc quan trọng cần thực hiện là phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà đến người dân để họ hiểu rõ và thực hiện ♦

Phụ lục I

Kết quả khảo sát điều tra phiếu (87 phiếu) thu thập ý kiến của người dân về việc thực hiện Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà (tháng 10/2017)

Nội dung điều tra	Việc bảo tồn nghề gốm và cảnh quan, di tích, nhà ở liên quan đến làng nghề là cần thiết?		Việc bảo tồn làng gốm hiện nay có còn một số bất cập, cần điều chỉnh?	
	Có	Không	Có	Không
Số phiếu	82	5	47	40
Tỷ lệ %	94,3%	5,7%	54%	46%

Phụ lục 2

Kết quả khảo sát hiện trạng kiến trúc một số ngôi nhà tu bổ, sửa chữa cải tạo trong 10 năm qua trong khu vực I làng gốm Thanh Hà (từ tháng 11/2008 - tháng 6/2017)

Stt	Họ và tên chủ nhà	Địa chỉ	Loại nhà	Nhà trước đây	Nhà hiện nay
01	Bùi Thị Thời	Tổ 25	II	Nhà trệt 3 gian, có phòng lòi ở mặt tiền, hướng Tây, mái lợp ngói móc, có gác tạm tránh lụt bằng ván gỗ. Chái nhà phụ vuông góc nhà chính ở phía Đông, mái lợp tôn.	Giữ nguyên như trước đây, chỉ chuyển phòng lòi từ hướng Tây sang hướng Đông. Nền lát gạch men.
02	Nguyễn Viết Bang	Tổ 24	I	Nhà chính: nhà trệt 3 gian truyền thống, hệ khung gỗ chịu lực, mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch gốm. Nhà phụ: nhà trệt, mái lợp ngói móc.	Nhà chính: giữ nguyên trạng. Tháo dỡ toàn bộ nhà phụ, xây dựng nếp nhà mới vuông góc với nhà chính: nhà trệt + gác lửng gỗ, nền gạch men, mái lợp ngói móc.

03	Dương Phú Tâm	Tổ 24	III	Nhà chính: nhà 2 tầng, nền gạch men, mái lợp ngói móc.	Nhà chính: giữ nguyên trạng. Xây thêm dãy nhà trệt phía sau khu đất để phục vụ khách lưu trú (<i>homestay</i>), nền gạch men, mái lợp ngói móc.
04	Nguyễn Thành Long	Tổ 25	II (nhà ông Long) & I (nhà thờ tộc Võ)	Nhà ở: nhà chính là nhà trệt 3 gian truyền thống, hệ khung gỗ chịu lực, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc. Nhà phụ: tiếp giáp nhà chính, nhà trệt + gác lửng, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc. Nhà thờ tộc Võ: nằm trong cùng khuôn viên nhưng tách biệt với nhà chính. Nhà trệt dạng 3 gian, hệ khung gỗ chịu lực, nền lát gạch gốm, mái lợp ngói âm dương.	Nhà chính: giữ nguyên trạng. Nhà thờ tộc Võ: tu bổ lại như nguyên trạng.
05	Ngô Văn Pha	Tổ 24	III	Nhà chính: nhà trệt, nền láng xi măng, mái lợp ngói móc. Hiên rất rộng, lợp tôn.	Nhà chính: hiện xuống cấp nặng nhưng không có điều kiện sửa chữa. Nhà mới: xây ở khu đất phía sau nhà (<i>cho con gái</i>), nhà trệt + gác lửng gỗ, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc.
06	Lê Thị Một	Tổ 24		Nhà cấp 4, mái lợp ngói móc, ngói vảy cá.	Tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng nhà mới 2 tầng, khung sàn BTCT chịu lực, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc.
07	Nguyễn Cương (đại diện nhà thờ tộc Nguyễn)	Tổ 24	I	Nhà thờ tộc Nguyễn Viết: nhà 3 gian, mái ngói âm dương, nằm về một bên của khuôn	Tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng mới nhà thờ tộc: nhà 3 gian, hệ khung BTCT chịu lực,

	Viết)			viên. Nếp nhà ở: nhà trệt, tiếp giáp nhà thờ.	nền lát gạch gốm, mái đổ BT dán ngói âm dương. Sau nhà chính là nhà bếp, bên phải là nhà vệ sinh. (đang trong quá trình thi công)
08	Nguyễn Văn Chín	Tổ 24		Nhà trệt kiểu 3 gian, hệ khung gỗ chịu lực, mái lợp ngói móc.	Tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng nhà mới: nhà trệt + gác lửng BTCT, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc. Chủ di tích lắp ván gỗ bịt kín khoảng thông tầng ở nhà trước để tăng diện tích sử dụng (làm gian thờ). Hình thức kiến trúc bên ngoài nhìn như nhà 2 tầng.
09	Lê Tiến	Tổ 24		Đất trống	Xây dựng nhà mới: nhà trệt + sàn lửng BTCT, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc. Chủ nhà lắp ván gỗ bịt kín khoảng thông tầng ở nhà trước để tăng diện tích sử dụng, dưới đồng trần thạch cao, trên trải bạt simili. Hình thức kiến trúc bên ngoài nhìn như nhà 2 tầng.
10	Lê Khiêm	Tổ 24	II	Nhà 3 gian, nhiều đất trống.	Tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng nhà mới: nhà trệt + gác lửng BTCT, nền lát gạch men, mái lợp ngói móc. Tường đã tô trát nhưng chưa được quét/ sơn vôi cả bên trong lẫn bên ngoài nhà.

CHÙA THIÊN ĐỨC VÀ THÁP THIÊN SƯ THIỆT LƯƠNG

Thích Đồng Dưỡng

Chùa Thiên Đức tọa lạc trên đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, thành phố Hội An. Chùa do nhà thờ tộc Đinh quản lý. Ở Quảng Nam chỉ có một ngôi chùa này mới do tộc họ quản lý, hầu hết các chùa trong tỉnh đều thuộc sự quản lý của Giáo Hội. Từ ngoài đường nhìn vào, khách sẽ không biết đây là một ngôi chùa. Bởi vì, chùa làm theo kiểu xưa, thấp, nhỏ, phía trước có bóng cây che phủ và không có cổng tam quan như các ngôi chùa khác trong tỉnh.

Đi từ ngoài vào, đập vào mắt ta là một bức hoành khắc ba chữ chân phương lớn “Phổ Tuyền Am: 溥泉庵”. Lạc khoản đề: “Vĩnh Khánh ngũ niên tứ nguyệt sơ nhị nhật cát lập” tức ngày mùng 2 tháng 4 năm Vĩnh Khánh 5 lập. Lạc khoản bên phải ghi: “Quý Sửu niên kỷ nguyệt sửu nhật thượng lương” tức

ngày sửu tháng kỷ năm Quý Sửu thượng lương. Xung quanh đường viền không có trang trí họa tiết hoa văn. Đường viền phía dưới khắc số 1732. Có thể người sau khắc năm lập bức hoành chăng? Li giải từng lạc khoản, chúng ta sẽ có nhiều thông tin bổ ích trong việc đưa ra năm lập chùa.

Đầu tiên, xét lạc khoản bên trái có ghi rõ niên hiệu là năm Vĩnh Khánh thứ 5. Tra vào quyển *Niên biểu Việt nam*, niên hiệu Vĩnh Khánh chỉ kéo dài trong ba năm, từ năm 1729 đến năm 1731. Vĩnh Khánh thứ năm trong lịch sử thì đã đổi sang một niên hiệu mới. Thông thường, giai đoạn Trịnh Nguyễn phân tranh, Đàng Trong thường không cập nhật thông tin từ Bắc Hà. Các chúa Nguyễn vẫn sử dụng niên hiệu các vua Lê nhưng khi ngoài Bắc đổi niên hiệu thì

Nam Hà chưa kịp nhận thông tin nên trong việc ghi niên hiệu bị chệch đi. Trường hợp bức hoành chùa Thiên Đức cũng như thế. Do đó, chúng ta tính tiếp thêm hai năm thì năm Vĩnh Khánh thứ 5 là năm 1733. Năm 1733 đúng là thuộc niên hiệu Long Đức thứ 2.

Tại lạc khoản phía tay mặt đề ngày tháng năm



thượng lương. Bức hoành đề là năm Quý Sửu. Tra vào *Niên biểu Việt Nam* và kết hợp niên hiệu, chúng ta biết năm Quý Sửu là năm 1733. Năm này chính là năm Vĩnh Khánh thứ 5 mà bức hoành ghi lại trên lạc khoản bên trái. Qua hai thông tin từ lạc khoản bức hoành, ngày sữ tháng kỷ năm Quý Sửu thì cho thượng lương dựng am Phổ Tuyền và cũng chính năm này người ta đã lập một bức hoành để treo làm kỷ niệm nhân sự kiện quan trọng đó. Người sau đề 1732 là sai. Qua đây, chúng ta có một cứ liệu quan trọng cho biết tiền thân chùa Thiên Đức là am Phổ Tuyền.

Qua cửa chính là đền phần chánh điện. Ở gian giữa có một bức hoành với hai đại tự là Thiên Đức: 天德 Lạc khoản bên trái đề: “Tuế thứ Tân Mão quý xuân cát đán”, bên phải đề: “Long Phi Mậu Thân trọng hạ Đinh Lộc An trùng tu phụng cúng, mộc ân đệ tử Nghệ Sĩ thành kính lập”. Năm làm bức hoành là năm Tân Mão (1831) do đệ tử Nghệ Sĩ kính lập. Sau đó, đến năm Mậu Thân (1848), ông Đinh Lộc An đứng ra trùng tu ngôi chùa và khắc tiếp một dòng chữ vào bức hoành cũ nên dòng chữ đó có kích cỡ nhỏ hơn dòng lạc khoản hai bên. Một cây xà cò ở tiền đường có đề dòng chữ Hán như sau: “Tự Đức thập niên Đinh Tỵ quý thu cát nhật Đinh Quảng Sỹ, Đinh Quảng Huỳnh đồng trùng tu”. Nghĩa là hai ông Đinh Quảng Sỹ, Đinh Quảng Huỳnh cùng trùng tu vào ngày lành cuối



thu năm Đinh Tỵ niên hiệu Tự Đức thứ 10 (1857). Còn một cây xà cò trong gian hậu điện có ghi: “Thành Thái thập nhất niên Kỷ Hợi trọng thu cát đán huyền tôn Đinh Hoài Minh trùng tu”. Nghĩa là chất Đinh Hoài Minh trùng tu vào ngày lành giữa thu năm Kỷ Hợi niên hiệu Thành Thái thứ 11 (1899). Hai bức hoành, hai câu đối treo hai bên gian thờ đều đề năm Bảo Đại Tân Mùi tức năm 1931, có thể trong năm này chùa lại được trùng tu. Mãi đến tiết Thanh Minh năm Nhâm Tý (1972), Đinh Văn Vĩnh tự Trường Phong mới đứng ra trùng tu lần nữa¹.

Qua các đợt trùng tu, chúng ta vẫn thấy ngôi chùa có một vẻ đẹp cổ kính theo kiến trúc Á Đông. Chùa làm theo mô hình nhà rường Quảng Nam ba gian hai chái, gian giữa có một khám thờ Phật, giữa khám để tôn tượng đức Phật Di Đà ngồi theo thể liên hoa, phía dưới có tượng Quan Âm thủ quyền, đức Phật đản sinh cỡ nhỏ, và một số tượng thánh.

¹ Ông Đinh Văn Vĩnh năm 1931 có cúng cho chùa bức hoành “Nam hải từ phạm” và trên cây đòn tay gần cây xà cò cũ ở hậu điện có đề ông Vĩnh đứng trùng tu chùa năm 1972.

Gian trái có một khám, bên trong có bức biển gỗ thờ hai vị thiền sư là Thiệt Lương và Hải Lương Chí Trạng. Thiền sư Thiệt Lương thuộc đời chính tông Lâm Tế thứ 35, khai sơn Đỉnh Môn. Còn vị kia thấy đề “Khai sơn viên tịch sa di pháp danh Hải Lương hiệu Chí Trạng giác linh”. Không biết vị Hải Lương khai sơn chùa nào và vị này mới thọ giới sa di. Thiền sư Thiệt Lương khai sơn Đỉnh Môn tức ngôi chùa Thiên Đức vậy. Về thiền sư Thiệt Lương, chúng tôi sẽ bàn kỹ trong phần ngôi tháp của ngài vẫn còn tại bốn tự. Riêng vị Hải Lương thuộc dòng Lâm Tế phái Đột Không Trí Bản. Phái này có sự ảnh hưởng lớn đến Phật Giáo tại Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Có thể hai vị này đều họ Đỉnh?

Gian bên phải đặt một khám thờ và bên trong có bức biển đề: “Phụng vị Tế dương quận Đỉnh tộc đường thượng lịch đại tông thân”, tức phụng thờ tiên tổ tộc Đỉnh. Khoảng phía sau tượng Phật là đóng vách ngăn, chia làm mặt trước, mặt sau. Phía mặt sau có ba bàn thờ, bàn giữa thờ đức Địa Tạng Bồ Tát, có tượng thân thổ địa. Theo một vị trông chùa cho biết,



tượng thổ địa nguyên thờ phía trước cửa bên phải. Do bị mất trộm tượng Hộ Pháp phía trái nên mang vào phối thờ phía sau. Hai bên là bàn linh thờ các hương linh trong tộc Đỉnh. Các khám thờ và bàn thờ ở đây được làm bằng chất liệu gỗ, sơn son thếp vàng, trang trí hoa văn khá đẹp. Các bức phù điêu trạm trổ công phu mang phong cách mỹ thuật triều Nguyễn. Chùa còn có một tấm mộc bản khắc tượng Quan Âm trông rất uy nghiêm, tiếc rằng bộ mộc bản tượng Quan Âm thiếu phần dưới.

Phía trước mé phải chùa có miếu Ngũ Hành, theo tục thờ mẫu ở các chùa thuộc tỉnh miền trung. Phía sau miếu có một ngôi tháp khá xưa, làm bằng chất liệu vôi. Ngôi tháp có hai tầng, trên đỉnh tháp có một búp sen. Nếu tính luôn thì tháp có ba tầng. Ngôi tháp làm theo kiểu bát giác, truyền thống của các tháp tổ tại miền trung. Xung quanh có thành bao bọc, phía sau khoảng giữa bức tường thành có xây bình phong hậu đầu cao lên. Phía trước có hai cây trụ cổng. Qua hai cây trụ có một tấm đá phẳng, khắc chữ. Đây chính là tấm bia tháp ghi lại vị thiền sư an táng trong lòng tháp. Văn bia

tháp kết cấu theo kiểu xưa, bia không trang trí hoa văn. Phần trên đề hai chữ “Chúc Minh: 囑銘 hàng giữa đề: “嗣濟宗三十五世開山丁門諱實良禪師之塔 - Tự Tế tông tam thập ngũ thế khai sơn Đỉnh môn húy Thiệt Lương thiền sư chi tháp” nghĩa là tháp của thiền sư húy Thiệt Lương khai sơn Đỉnh môn đời thứ 35 nổi

tông Lâm Tế. Lấy hàng giữa làm trung tâm, chúng ta thấy bia có hai hàng đề: “Bạch sa địa Giáp Thân sáng tạo, Thiên Đức tự thụ giới trụ trì”. Nghĩa là năm Giáp Thân sáng tạo nơi đất Bạch Sa, chùa Thiên Đức thụ giới trụ trì. Và hai hàng ngoài sứt xuống có ghi: “Lộc sinh Bính Ngọ, hưởng thọ cửu thập lục tuế; Thời tại Mậu Dần quý thu nguyệt cát nhật lập”. Hai câu sau cho biết niên đại và năm lập tháp của thiền sư.

Từ những cứ liệu niên đại do bức hoành, chúng ta có thể tái lập niên đại thiền sư Thiệt Lương qua tư liệu bia tháp. Lòng bia cho biết, thiền sư sinh năm Bính Ngọ (1666), năm Giáp Thân đến đất Bạch sa lập am tu hành, suy ra năm Giáp thân chính là năm 1704. Năm 1733, thiền sư mới thượng lương tu bổ am tranh đã được bức hoành ghi lại. Ngài thọ 96 tuổi, suy ra ngài viên tịch năm 1761. Trong khi đó, bia được lập năm Mậu Dần (1758), tức bia và tháp được lập khi ngài còn tại thế? Điều đó nghe ra khó mà tin được. Thường người ta có thể lập tháp trước, nhưng chưa có thể lập bia. Vì vậy, ghi tuổi thọ 96 cần có thêm tư liệu để tham khảo làm rõ.¹ Bia cho biết, thiền sư thọ giới trụ trì chùa Thiên Đức. Ngài bán thế an thiền² nên chỉ cho thọ giới và được về chùa mình trụ trì. Ngài chỉ có một pháp danh, chứ không có tự, hiệu như các thiền sư khác. Trong sơn môn Chúc Thánh tương truyền rằng, ngài Thiệt Lương là đệ tử của tổ Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746), chùa Chúc Thánh. Có thể sư đến xuất gia

ở đây rồi xin phép bốn sư cho lập am tu hành gần chùa Tổ để hằng ngày qua tham học với tổ sư. Quả thật, theo địa giới hiện nay, chùa Thiên Đức cách chùa Chúc Thánh vài trăm mét nên sự qua lại rất thuận tiện.

Một vấn đề đặt ra là tên chùa Thiên Đức xuất hiện khi nào. Điều tra thực địa không có một cứ liệu nào xác định rõ năm đặt tên chùa là Thiên Đức, chỉ có thể đặt trong khoảng cách các năm. Vì lúc đầu thiền sư Thiệt Lương lập am Phổ Tuyền. Tên am xuất hiện trên bức hoành vào năm 1733. Tên Thiên Đức xuất hiện trong bia tháp vào năm Mậu Dần (1758). Có lẽ chùa mang tên Thiên Đức nằm trong những năm 40 của thế kỷ XVIII. Còn năm Giáp Thân (1704) chính là năm ngài Thiệt Lương khai sơn lập am tranh để tu trì và dần dần phát triển để tiến hành xây dựng chùa Thiên Đức. Từ đó, ngôi chùa mới chính thức đóng một vai trò không nhỏ trong công tác truyền bá Phật Giáo Quảng Nam. Do không có người kế thừa nên ngôi chùa được con cháu trông nom và đã có nhiều lần các vị trong tông tộc của tổ sư đứng ra tu bổ để Thiên Đức ngày một khang trang.

Hiện nay, chùa Thiên Đức còn bảo tồn khá nhiều hiện vật có giá trị, nhiều tư liệu Hán nôm quý như hoành phi, câu đối, ván khắc. Tiếc rằng, chùa không có lời kinh tiếng kệ, tiếng chuông sớm tối như ngày xưa. Chùa trở thành một ngôi tự đường thờ phụng tổ tiên tộc Đình và do con cháu trong tộc quản lý. Trong giới thiền lưu cũng như đồng bào Phật Tử địa phương ít người biết đến chùa Thiên Đức. Bởi, Chùa đã không còn ý nghĩa của một ngôi chùa Phật như hiện nay ♦

¹ Tình trạng này xuất hiện đối với các tư liệu ghi chép về thiền sư Thiệt Định Ân Triêm, chùa Phước Lâm-Hội An.

² Tức ngài đã lập gia đình và sau mới xuất gia tu học.

THÔNG TIN VỀ DI TÍCH KHU MỘ TỘC NGUYỄN Ở KHỐI AN BANG, PHƯỜNG THANH HÀ

Nguyễn Cường

Nằm trong khu vực dự án quy hoạch cụm Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Thanh Hà ở khối An Bang, phường Thanh Hà hiện có một cụm ngôi mộ cổ có giá trị về lịch sử, văn hóa và kiến trúc được chính quyền thành phố Hội An quan tâm giữ lại và ghi vào danh mục di tích bảo vệ vào đầu năm 2018, đó là khu mộ tộc Nguyễn. Khu mộ này hiện có 01 mộ đơn và 01 mộ đôi nằm cạnh nhau. Theo nội dung bia mộ cho biết, chủ nhân các ngôi mộ này là người của tộc Nguyễn, thuộc làng Minh Hương ở Hội An xưa, có nguyên gốc ở tỉnh Phước Kiến (Trung Quốc).

Nhìn lại diễn trình lịch sử của Hội An cho thấy vào cuối thế kỷ thứ XVI, do nhiều nguyên nhân về khách quan và chủ quan đã dẫn đến một làn di cư lớn của thương nhân người Hoa đến xứ Quảng - Đà Nẵng mà chủ yếu tập trung ở Hội An lúc bấy giờ là một Đô thị - thương cảng quốc tế để hoạt động thương mại. Sang đầu thế kỷ XVII, triều đình nhà Minh (*Trung Quốc*) đến giai đoạn suy tàn. Các bộ tộc Mãn Châu nhân đó tiến vào Trung Nguyên gây ra các cuộc chiến tranh xâm lược. Trước tình cảnh này, nhiều quan lại và thần dân mà chủ yếu là thương nhân, thợ thủ công và nông dân ồ ạt xuống phương Nam để tìm nơi lánh



nạn, làm ăn, trong đó có Hội An vốn đã có người Hoa cư trú. Đến Hội An, nhiều người quyết định lưu trú vĩnh viễn tại đây và được Chúa Nguyễn cho phép, họ được lập làng, cư trú ổn định như những làng xã, thần dân của Chúa. Điều này đã dẫn đến sự hình thành của xã Minh Hương ở Hội An vào khoảng giữa thế kỷ XVII. Sau này còn có một số đợt di cư khác của người Hoa đến Hội An và sau những đợt di dân đó đã có thêm nhiều người Hoa gia nhập vào xã Minh Hương. Vì thế, xã Minh Hương là một cộng đồng gồm nhiều tộc họ.

Đối với tộc Nguyễn, hiện chúng tôi chưa có tư liệu xác định chính xác thời gian tộc này đến Hội An. Tuy nhiên qua một số tư liệu có được cũng cho phép phân nào hình dung về tộc này trong lịch sử. Theo sổ đình của xã Minh Hương năm 1788, xã Minh Hương lúc bấy giờ

có 83 tộc, trong đó có tộc Nguyễn. Tổng số người của tộc này lúc đó là 23 người. So với rất nhiều tộc khác thì đây là một trong những tộc của Minh Hương xã có số lượng người lớn. Xem bản phổ hệ chép tay chữ quốc ngữ năm 1958 hiện đang được họ Nguyễn lưu giữ cho biết họ này quê gốc ở phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc. Trước khi di cư đến Hội An, tộc này từng có nhiều người ra nước ngoài làm nghề thuốc, buôn bán. Theo văn bia các ngôi mộ cho biết, 02 ngôi mộ này được trùng tu cùng thời gian là vào năm Tỵ Đức thứ 17 (năm 1864) thì có thể thấy thời gian mất của các chủ nhân sẽ là sớm hơn năm 1864 bởi mốc thời gian này là năm trùng tu lại ngôi mộ.



Nội dung văn bia trên ngôi mộ đơn có ghi: “Hiên khảo thế y Khánh Thiện đường Nguyễn lão ông giai thành”. Như vậy chủ nhân ngôi mộ là nam giới, thuộc họ Nguyễn, làm nghề y, có hiệu thuốc tên là Khánh Đường. Dòng lạc khoản bên phải bia mộ có ghi con trai trưởng của người này là Duy Đức, con trai kế có Tú tài Duy Trinh, Duy Hóa, đích tôn có tên Chân, Hưng. Nội dung văn bia trên ngôi mộ đôi ghi: “Khảo tự Tích Thiện Nguyễn thọ ông, Tỉ hiệu Thành Phạm Lê từ thị” cho biết chủ nhân là cặp vợ chồng: ông họ Nguyễn, tên hiệu là Tích Thiện, vợ họ Lê, tên hiệu là Thành Phạm. Dòng lạc khoản bên trái bia mộ

ghi con trai đứng lập bia có Chân, Hưng. Đối chiếu với phổ hệ tộc Nguyễn cho biết chủ nhân ngôi mộ đơn thuộc thế hệ thứ năm có tên là Nguyễn Chiêu Diễn, hiệu Khánh Thiện, vợ là bà Ngụ Thị Sính. Ông này sinh hạ ra ông Nguyễn Duy Đức (thế hệ thứ sáu), có hiệu là Tích Thiện, vợ là bà Lê Thị Thu. Ông Nguyễn Duy Đức sinh hạ (thế hệ thứ bảy) 04 người con trai và 05 người con gái, trong số 04 người con trai có các ông Nguyễn Tấn Hưng và Nguyễn Tấn Chân. Như vậy có thể biết được chủ

nhân ngôi mộ đơn là cha của cặp vợ chồng là chủ nhân ngôi mộ đôi, danh tánh cụ thể của những người này cũng đã khá rõ. Một thông tin khác nữa là trong phổ hệ của tộc Nguyễn không ghi chép

về ông Nguyễn Duy Trinh. Tuy nhiên trong bảng Phổ đồ Hương hiền của Tỵ Tiên Đường Minh Hương được ghi chép vào năm Tỵ Đức thứ 33 (năm 1880) có ghi Hương quan Tú tài Nguyễn Duy Trinh đỗ khoa Đinh Mùi (có lẽ là năm 1847).

Hai ngôi mộ này cùng xoay mặt về hướng Tây Nam, lệch Nam. Mộ đơn nằm bên trái, mộ đôi nằm bên phải (nhìn từ mặt tiền vào). Các ngôi mộ có hình thức kiến trúc giống nhau, đều được xây bằng gạch thẻ và vữa vôi hợp chất. Hiện trạng kiến trúc 02 ngôi mộ đã bị hư hại một số vị trí nhưng tổng thể công trình vẫn còn

khá hoàn chỉnh cho thấy sự quy mô và giá trị nghệ thuật đặc sắc của khu mộ này. Phía sau lệch về bên trái còn có một nhà Hậu thổ nhỏ.

Mộ đơn: Kiến trúc ngôi mộ gồm có ngai, thành bao, bia, năm mộ và bình phong hậu với tổng diện tích khoảng $35m^2$ (5 x 7m). Ngai mộ làm đối xứng hai bên tạo nên một khoảng sân phía trước bia mộ. Thành ngai là sự kết hợp giữa các cạnh thẳng với các trụ xây tiết diện vuông. Mặt ngoài hai mảng tường phía trước đắp nổi mỗi bên một chữ Thọ tròn. Hai mảng tường bên xây tạo dáng bình phong hình cuốn thư. Hai cạnh trong xây nổi với hai trụ vuông lớn. Hai trụ này có kích thước 0,44 x 0,44 x 0,96m (dài x rộng x cao), cách nhau 0,92m tạo nên lối vào thứ hai của ngôi mộ; cách bia mộ khoảng 0,35m; đồng thời nối với thành mộ tạo khuôn viên khép kín bảo vệ năm mộ. Thành mộ xây cao 0,75m, dày 0,36m, dài khoảng hơn 4m, trong đó đoạn tường thẳng dài 3,8m, hai đầu vát cong. Mặt trong tường đắp đôi các đường chỉ thẳng tạo nên những ô vuông trang trí. Đoạn tường phía sau xây cao hơn tạo dáng bình phong hình cuốn thư, hai bên tạo dáng hai trụ biểu tròn. Mặt trên đoạn tường cong ở hai bên bình phong gắn chỉ tiết trang trí hình mây cuộn tạo thêm sự mềm mại. Năm mộ xây hình chữ nhật có kích thước: 2,03 x 0,76 x 0,25m (dài x rộng x cao). Xung quanh năm mộ làm nền rộng cách năm mộ 0,2m đều về các cạnh. Bia mộ làm bằng đá loại cẩm thạch, có kích thước 1,3 x 0,85m (dài x rộng) và được đặt trên đế bia bằng đá làm kiểu chân quỳ. Xung quanh bia có bao bia. Bao bia hai bên, mỗi bên rộng 0,19m, trên thân chạm nổi

hình cúc dây. Phần bao bia phía trên làm khá cầu kỳ: hai bên giạt cao tạo hình trụ tròn; mặt trên làm cong chạm nổi hình chữ Thọ tròn, 4 góc hình dây lá; chính giữa mặt trước chạm nổi cách điệu đề tài “song long châu nhật”, hai bên hình hồi văn. Riêng lòng bia có kích thước 0,8 x 0,47m, khắc chữ Hán sơn màu đỏ:

Nguyên văn: 明江 . 嗣德拾柒年
甲子仲秋穀旦重修 . 顯考世醫慶
善堂阮老翁佳城 (Phiên âm: Minh
Giang. Tự Đức thập thất niên Giáp Tý
trọng thu cốc đán trùng tu. Hiển khảo
thế y Khánh Thiện đường Nguyễn lão
ông giai thành). Dòng lạc khoản bên trái
đề tên con, cháu đứng lập bia.

Phía sau cách ngôi mộ khoảng 0,8m là bình phong hậu. Bình phong làm kiểu vòng cung, cao ở giữa và thấp dần về hai bên. Phần chính giữa rộng 2,5m, cao 1,4m, dày 0,35m. Mỗi cạnh bên dài 2m, ngoài cùng làm trụ tròn có đường kính 0,55m. Mép ngoài bình phong cách tường thành mộ khoảng 1,33m.

Mộ đôi: Mộ này cách mộ đơn khoảng 1m về phía bên phải. Hình thức kiến trúc của ngôi mộ này giống với mộ đơn nhưng quy mô lớn hơn (tham khảo thêm bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu mộ), bao gồm: ngai, thành bao, bia, năm mộ và bình phong hậu với diện tích mộ khoảng $90m^2$ (10 x 9m). Hiện trạng phần ngai bên trái còn nguyên vẹn nhưng phần bên phải đã bị hư hỏng hoàn toàn. Trong thành mộ có 02 năm mộ. Phía trước năm mộ là bia mộ. Bia mộ được làm bằng đá loại cẩm thạch, có kích thước 1,16 x 0,97m và được đặt trên đế bia bằng đá kiểu chân quỳ. Xung quanh lòng bia có bao bia. Bao bia hai bên, mỗi



bên rộng 0,16m chạm nổi hình cúc dây. Bao bia phía trên vát góc, rộng 0,16m chạm nổi đề tài mai, lan, cúc, trúc. Lòng bia có kích thước 1,03 x 0,65m (dài x rộng), xung quanh lòng bia trang trí thêm viền bia rộng 0,05m chạm nổi hồi văn, phần phía trên lòng bia còn trang trí hình cúc dây rủ xuống hai bên đến nửa trên lòng bia. Mặt bia khắc chữ Hán:

Nguyên văn: 大南 . 嗣德拾柒年
甲子仲夏穀旦 . 明鄉老顯, 妣號
成範黎慈氏, 考字積善阮 . 翁, 墓
(Phiên âm: Đại Nam. Tự Đức thập thất
niên Giáp Tý trọng hạ cốc đán. Minh
Hương lão hiển, Tỉ hiệu Thành Phạm Lê
từ thị, Khảo tự Tích Thiện Nguyễn thọ
ông, mộ). Dòng lạc khoản bên trái đề tên
con, cháu đứng lập bia.

Lịch về bên trái khu mộ, nằm về phía sau và cách ngôi mộ đơn khoảng 5m là nhà Hậu thổ. Nhà này có diện tích nhỏ, khoảng 0,4m² (0,58 x 0,7m), cao khoảng 0,7m. Xung quanh xây tường kín, phía trước làm cửa cuốn vòm, tường sau khắc 2 chữ Hán lớn: Nguyên văn: 后土 (Phiên âm: Hậu thổ). Mái

làm cách điệu hình bông hoa cánh nở ra xung quanh, nhụy nhô cao chính giữa.

Bước đầu tìm hiểu chúng tôi nhận thấy khu mộ là nguồn tư liệu thực địa có giá trị để tìm hiểu về quá trình nhập cư, định cư của người Hoa nói chung, người Minh Hương nói riêng ở Hội An trong lịch sử; góp phần minh chứng cho thời kỳ phát triển thịnh vượng của Đô thị -

thương cảng quốc tế Hội An trong thế kỷ XVII, XVIII. Hơn nữa, những thông tin trên bia mộ cho biết một trong những chủ nhân ở khu mộ này từng làm nghề y, một nghề truyền thống rất phát triển ở Hội An trước đây. Tuy nhiên ngoài tư liệu thành văn thì tư liệu thực địa hiện còn lưu lại ở Hội An về lĩnh vực này là rất ít, do đó đây là tư liệu quý không chỉ để minh chứng mà còn để tiếp tục nghiên cứu làm rõ hơn về nghề y ở Hội An trước đây. Trong điều kiện nghề y đã và đang suy giảm thì di tích còn có ý nghĩa bảo tồn, góp phần phát huy giá trị của nghề này trong thời gian đến. Về mặt kiến trúc nghệ thuật thì đây là một trong những công trình mộ táng khá tiêu biểu của thế kỷ XIX còn được gìn giữ ở Hội An, có sự hoàn chỉnh về bố cục, trang trí; góp phần tiếp tục nghiên cứu về loại hình di tích mộ táng ở Hội An nói chung. Thiết nghĩ giá trị di tích cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn; từ đó có được phương án quản lý, bảo tồn và phát huy phù hợp, hiệu quả nhất đối với khu mộ này

KHU VỰC RUỘNG RAU MUỐNG CHÙA BÀ MỤ QUA TIẾP CẬN KHẢO CỔ HỌC

Võ Hồng Việt

I. Vị trí, cảnh quan

Vị trí trong tiếp cận khảo cổ học ở khu vực Ruộng rau muống chùa Bà Mụ là nơi xây dựng “Hồ điều hòa” nhằm xử lý nguồn nước trước khi đổ vào sông Hội An qua lạch Chùa Cầu. Hạng mục xây dựng này nằm trong dự án do Trung tâm Bảo tồn Di sản Di tích Quảng Nam (nay là Trung tâm Quản lý Di tích và Danh thắng Quảng Nam) làm chủ đầu tư. Vị trí xây dựng hạng mục này nằm ở bờ phía Đông lạch Chùa Cầu, thuộc khối 2 (nay là khối An Thắng), phường Minh An, cách Chùa Cầu khoảng 70m về phía Bắc, cách Hội quán Quảng Triệu chừng 40m về phía Tây Bắc, cách Tam quan Chùa Bà Mụ trên dưới 100m về phía Tây. Đây là phần phía Nam của vùng đất trũng được dân địa phương sử dụng để trồng rau muống. Theo thông tin điều tra, trước kia vùng đất trũng này thuộc đất của xã Minh Hương do Tam Bảo Vụ quản lý nên có tên là ruộng Tam Bảo. Hơn nữa, do nằm ở trước chùa Bà Mụ nên còn gọi là ruộng rau muống chùa Bà Mụ. Những năm 30 thế kỷ XX, đường Phan Chu Trinh được xây dựng chia ruộng rau muống thành hai phần phía Bắc và phía Nam. Phần phía Nam, nhân dân đổ đất dọc theo đường Phan Chu Trinh để xây dựng nhà cửa nên khu ruộng còn lại (vị trí xây dựng Hồ điều hòa) có diện tích

tương đối nhỏ và nằm lọt giữa khu dân cư.

Vùng đất trũng này nằm ở đoạn cuối của dòng chảy cổ chạy từ Lai Nghi đến Hội An mà dấu vết còn lại là Rọc Gồm, Ao Làng và lạch Chùa Cầu. Men theo phía Bắc dòng chảy cổ là cồn cát cao, nơi phát hiện hàng loạt di tích thuộc nền Văn hóa Sa Huỳnh, Chăm sớm như Lai Nghi, Trảng Sỏi, An Bang, Thanh Chiêm, Hậu Xá, Xuân Lâm.

II. Quá trình tiếp cận, khảo sát

Hạng mục “Hồ điều hòa” được khởi công vào tháng 2 năm 2006. Đến



đầu tháng 8, khi đơn vị thi công dùng máy xúc mức đất ruộng để thi công chân móng bờ thành phía Bắc của hồ chúng tôi phát hiện nhiều mảnh gốm sành Việt Nam thế kỷ XVII, mảnh sứ Trung Quốc thế kỷ XVII - XVIII, sứ Hizen (*Nhật Bản*) và một số loại đá tảng chân cột. Những ngày tháng 10, đơn vị thi công tiếp tục triển khai xây dựng phần chân móng bờ thành phía Đông Nam và nền đáy lòng hồ. Tại vị trí này, các công nhân đã phát hiện một vò gốm tương đối nguyên vẹn và một số mảnh vỡ của một vò gốm khác nằm ở độ sâu khoảng 1m50 so với mặt ruộng hiện trạng. Ngoài ra, chúng tôi phát hiện rất nhiều mảnh gốm có chất liệu tương tự tại những đồng cát được đào lên từ lòng hồ. Theo nhận định ban đầu, những hiện vật này có niên đại khá sớm, khoảng thế kỷ III - IV sau Công nguyên. Để có cái nhìn đầy đủ hơn về những gì đã phát hiện và vị thế của khu vực nêu trên, chúng tôi đã yêu cầu tạm dừng thi công để đào thám sát chữa cháy. Hố đào chữa cháy có diện tích 2mx2m. Do ở vào thời điểm mùa mưa, hơn nửa vị trí mở hố thấp hơn so với lạch nước bên cạnh nên khi đào đến độ sâu 0m50 thì các vách hố bị sạt lở, mạch nước ngầm bên dưới trào lên quá mạnh vì thế chúng tôi phải kết thúc công việc đào thám sát.

II. Kết quả khảo sát

Đã phát hiện được 594 mảnh gốm, trong đó có 182 mảnh phát hiện tại hố đào thám sát, 412 mảnh còn lại được phát



hiện tại những đồng cát xúc lên từ lòng hồ.

Những mảnh gốm phát hiện được thuộc nhiều loại hình như vò, hũ, nôi, nắp... xương gốm thô, hơi thô, mịn, màu đen, đỏ, vàng nhạt, xám nhạt; hoa văn trang trí phong phú gồm văn chải, in ô vuông, in trám lồng, đập bằng bàn đập, khắc vạch, tô màu đỏ hay đen chì...; được tạo dáng theo phương pháp chuốt trên bàn xoay và nặn bằng bàn đập hòn kê.

- Về loại hình

+ **Vò:** 01 vò gốm còn khá nguyên và nhiều mảnh vỡ của một số loại vò khác. Căn cứ vào kiểu miệng có thể chia thành hai kiểu gồm kiểu vò miệng loe xiên và kiểu vò miệng loe cong. Xương gốm của kiểu vò miệng loe cong hơi thô, màu đỏ nhạt hay vàng nhạt trang trí hoa văn dập nét lớn, vừa và nhỏ. Kiểu vò miệng loe xiên có xương gốm mịn, màu vàng nhạt, trang trí văn chải từ vai trở xuống theo hướng từ bên trái sang phải.

Vò gốm tương đối nguyên vẹn có dáng hình trứng, màu vàng nhạt, vài nơi màu nâu đỏ và có một mảng màu đen,

miệng loe mép miệng vê tròn, cổ thấp, vai xuôi, trên vai có một đường gờ nhẹ, bụng phình, đáy chỏm cầu. Từ vai về đáy trang trí hoa văn dập nét lớn, mặt trong có nhiều vết lồi lõm. Xương thô màu vàng nhạt. Kích thước: cao 38,5cm, đường kính miệng 11,8cm, đường kính thân 30cm, xương gồm dày 0,8 - 1cm.

+ **Hũ:** Căn cứ vào kiểu dáng của các mảnh miệng (4/8 mảnh) có thể chia hũ thành 4 kiểu gồm kiểu hũ cổ cao, trang trí văn dập từ vai trở xuống, gờ vành miệng dày; kiểu hũ cổ cao vừa có hai đường viền, gờ vành miệng khá dày; kiểu hũ cổ cao vừa có hai đường viền, gờ vành miệng dày; kiểu hũ cổ cao vừa có hai đường viền, gờ vành miệng dày, mép miệng vuốt nhọn. Có hai loại xương gồm gồm xương thô màu vàng nhạt và xương mịn màu đỏ, nâu đỏ. Loại hũ xương mịn màu đỏ hoặc nâu đỏ trang trí hoa văn in ô vuông kích thước vừa và lớn.

Nồi: Căn cứ vào các mảnh miệng có thể chia làm hai kiểu gồm miệng loe và miệng khum. Kiểu miệng loe chia thành nhiều dạng gồm miệng loe vừa thân gầy (05 mảnh) xương thô màu đen hoặc nâu xám; miệng loe mép miệng gấp khúc (02 mảnh) xương thô màu đen; miệng loe xiên (04 mảnh) xương thô màu xám đen; miệng loe cong (04 mảnh) xương thô màu xám đen. Kiểu miệng khum (01 mảnh) xương mịn màu đỏ, mặt phía trong đen ánh chì. Hoa văn trang trí chủ yếu của loại hình nồi là văn chải, ngoài ra còn có văn in ô trám lồng (02 mảnh).

Nắp: 09 mảnh, có thể chia làm hai kiểu gồm kiểu mép miệng có gờ và kiểu mép miệng không có gờ. Kiểu mép

miệng có gờ (02 mảnh) xương thô cứng màu đen, mặt ngoài có nhiều đường lồi lõm do kỹ thuật tạo dáng; kiểu mép miệng có gờ (07 mảnh) xương thô màu xám đen và thô cứng màu đen.

- **Về chất liệu.** Đồ gốm phát hiện ở khu vực này có nhiều chất liệu khác nhau. Gốm xương thô chiếm tỉ lệ khá cao (528/594 mảnh), được làm từ loại đất sét pha nhiều cát có độ nung thấp phổ biến ở loại hình vò, hũ, nồi, nắp... Gốm xương hơi thô chiếm tỉ lệ khiêm tốn (30/594 mảnh), được làm từ loại đất sét đã qua lọc rửa bớt cát, xương cứng, phổ biến ở loại hình hũ, vò... Gốm xương mịn có màu đỏ, nâu đỏ hoặc vàng nhạt, phổ biến ở loại hình hũ, nồi, làm từ loại đất sét được lọc rửa khá kỹ, có độ nung cao nên xương cứng chắc. Gốm có chất liệu này chiếm tỉ lệ không nhiều (36/594 mảnh).

-**Về hoa văn trang trí:** Đồ gốm phát hiện ở khu vực này có hoa văn trang trí khá phong phú và đa dạng được thực hiện bằng kỹ thuật in ấn, dập, khắc vẽ và chải và tô màu. Hoa văn dập được thể hiện chủ yếu trên loại hình vò, nét dập có kiểu nét lớn, vừa và nhỏ, dập dọc theo thân đồ vật. Hoa văn chải tập trung chủ yếu ở loại hình nồi, thực hiện từ vai trở xuống, nét chải sâu, có nhiều kiểu chải khác nhau gồm chải dọc theo thân, chải xiên từ trái sang phải, chải chéo nhau tạo thành những ô hình lát chải... Hoa văn được thực hiện bởi thủ pháp khắc vạch gồm những viền tròn quanh thân hoặc cổ, những đường gấp khúc, nhóm đường xiên hoặc những hình không xác định, hình hoa sen quanh cổ. Hoa văn in gồm có văn in ô vuông và in ô trám lồng. Văn in ô vuông trang trí quanh thân của loại



về sự tồn tại của cộng đồng cư cổ tại khu vực này trong thời gian khá dài. Những hiện vật gốm phát hiện được minh chứng sự ổn định trong đời sống kinh tế và phong phú về đời sống tinh thần. Có lẽ xưa kia nơi đây là mồm cát ven sông, trải qua quá trình lịch sử, sự biến thiên của dòng chảy nên mới thành tạo nên cảnh quan như bây

giờ.

hình hũ có xương mịn màu đỏ hoặc nâu đỏ. Vẽ in ô vuông có hai kiểu gồm kiểu ô vuông có kích thước và nét in lớn, kiểu có kích thước và nét in nhỏ. Vẽ in ô trám lồng phát hiện ở loại hình nôi, trang trí từ cổ trở xuống. Ngoài ra chúng tôi còn phát hiện một mảnh gốm trang trí hoa văn in mép vỏ sò, xương gốm mịn màu đỏ.

- **Về kỹ thuật tạo tác:** Đồ gốm phát hiện ở đây được tạo dáng bởi bàn xoay và nặn bằng bàn đập hòn kê. Kỹ thuật tạo dáng bằng bàn đập hòn kê thể hiện chủ yếu ở loại hình vò gốm, các loại hình còn lại được tạo dáng bằng kỹ thuật bàn xoay.

IV. Những nhận xét bước đầu

Từ những thông tin thu thập được trong quá trình khảo sát chúng tôi có một số nhận xét bước đầu như sau:

- Qua diễn biến của kết cấu địa tầng, sự đồng nhất của hiện vật trong lớp đất cát gợi cho chúng ta những suy nghĩ

- Loại hình, hoa văn, chất liệu gốm có nhiều nét tương đồng với đồ gốm phát hiện được tại các di tích Văn hóa Sa Huỳnh và Chăm sớm ở Hội An như di tích Hậu Xá I, Ruộng Đồng Cao, Đồng Nà. Đặc biệt là sự xuất hiện của loại gốm có chất liệu mịn, màu đỏ, sự phổ biến của loại gốm trang trí hoa văn in ô vuông và ô trám lồng mang phong cách Hán... nên có thể đây là dấu tích cư trú của người Chăm cổ. Sự tồn tại dấu tích này (và *những mảnh gốm Chăm phát hiện ở đường Hoàng Văn Thụ*) trong khu phố cổ Hội An là điều hết sức thú vị, có nhiều ý nghĩa khoa học và lịch sử. Hơn nữa nó phản ánh sự tồn tại đan xen giữa các di tích Văn hóa Sa Huỳnh và di tích Văn hóa Chăm trên dải đất cát ven dòng sông cổ chạy từ Lai Nghi đến Hội An.

- Để có những kết luận chính xác, khoa học thì cần tiến hành thám sát, khai quật khảo cổ thêm ở khu vực lân cận

MỘT VÀI THÔNG TIN VỀ NGHỀ TRỒNG LÚA NƯỚC VÀ TÍN NGƯỠNG TRONG NÔNG NGHIỆP Ở HỘI AN TRƯỚC NĂM 1975

Trương Hoàng Vinh

Hội An là vùng đất chật người đông, đã từng là thương cảng, đô thị phát triển một thời nhưng trong sự phát triển của Hội An nông nghiệp từng đóng vai trò rất quan trọng, là cơ sở kinh tế, xã hội của nhiều địa phương của Hội An. Để có thêm những thông tin về nông nghiệp ở Hội An, trong bài này, chúng tôi xin giới thiệu “*Một vài vấn đề về nông nghiệp và tín ngưỡng trong nông nghiệp ở Hội An trước năm 1975*” được tổng hợp từ tư liệu thư tịch cổ và kết quả tham vấn kỹ ức năm 2017 do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An thực hiện.

1. Về giống lúa, thời vụ

Trong Quảng Nam xã chí - một tài liệu chép tay về khảo sát làng xã ở Quảng Nam, Hội An những năm 1941 - 1943 có khảo sát 11 làng liên quan đến Hội An, có 2/11 làng được khảo sát là không có ruộng (*làng Điện Hội hay còn gọi là làng Hội An và làng Minh Hương, cả hai làng này nay thuộc phường Minh An - người viết chú thích*), các làng/xã còn lại đều có ruộng, riêng làng Cẩm Phô có đến 180 mẫu ruộng/500 mẫu tổng diện tích của làng.

Theo thông tin của các nhân chứng thì vào nửa đầu thế kỷ XX đến nay, ở

Hội An chủ yếu trồng lúa nước, riêng tại Cù Lao Chàm do diện tích đất hẹp, phải dựa vào đất ở sườn núi canh tác nên người dân làm ruộng bậc thang. Trước năm 1975, đa phần các ruộng lúa đều canh tác dựa vào nước tự nhiên (*nước mưa*) hoặc nước tưới từ các ao, hồ, một ít dẫn từ sông là chính vì lúc đó chưa có hệ thống thủy lợi. Về giống lúa, trước năm 1975, các địa phương ở Hội An chủ yếu dùng giống lúa ba trắng (*tháng 5 cấy, tháng 8 chín*), lúa bắt quặt (*tháng 5 cấy, tháng 8 chín*), *lúa đen (tháng 5 cấy, tháng 10 chín, thích nghi chân ruộng cao)*, lúa lãng (*tháng 5 cấy, tháng 7, 8 chín*)¹ là chính. Ngoài ra, còn một số giống khác như lúa chiêm, lúa chùm tiêu, trùn mễ. Do có sự khác nhau về giống lúa và địa hình canh tác, số mùa vụ nên thời gian thu hoạch cũng khác nhau, thường thì các nơi trồng 2 vụ/1 năm (*xuân hè, thu đông*), nhưng một số nơi như Cẩm Kim, Cù Lao Chàm lại trồng 3 vụ/1 năm (*xuân hè, hè thu, thu đông*) dẫn đến thời gian cúng cơm mới cũng có sự khác nhau ở một số nơi.

¹ Theo hồi ức của nhân chứng và đối chiếu theo tài liệu: Cao Xuân Dục (2003): *Đại Nam Dư địa chí ước biên*, TS Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, Nhà xuất bản Văn học, tr 90, 518, 519.

Trước năm 1945, có một số làng có diện tích trồng lúa lớn ở Hội An như làng Cẩm Phô, An Mỹ - Cẩm Châu, Kim Bồng... (Đặc biệt, ở Cù Lao Chàm do không có nhiều di tích đất đồng bằng nên cư dân nơi đây đã dựa vào sườn núi để canh tác ruộng bậc thang như một số vùng núi cao của Việt Nam). Với địa hình của Hội An là vùng đất phù sa ven sông nên các giống lúa nước cổ ngấn ngày được chọn để trồng là: lúa đen, lúa chùm tiêu, lúa bát ngọt (*dân gian gọi là bắt quạt*), lúa trùm mễ... Đây là những giống lúa cũng khá phổ biến ở Quảng Nam. Tương ứng với giống lúa nước ngấn ngày và kết hợp với thời tiết của Hội An thì việc canh tác lúa 1 vụ, 2 vụ là khá phổ biến ở Hội An vào trước năm 1945¹. Sau năm 1975, hệ thống thủy lợi phân phối nước tưới tiêu đến khắp các xã, phường thì việc canh tác lúa nước được chủ động hơn, năng suất cũng ổn định hơn. Hai vụ trồng lúa chính ở Hội An, tùy theo lịch



Lễ cúng Cơm Mới ở An Mỹ hiện nay

thời vụ và hoàn cảnh canh tác của mỗi gia đình mà có thời điểm gieo trồng cụ thể nhưng thời gian chung là: vụ đông xuân đầu tháng 11 âm gieo cấy, tháng 3 âm năm sau gặt; vụ hè thu: tháng 5 cấy, tháng 8 gặt. Riêng có một số giống lúa cổ như lúa đen có thời gian canh tác trải qua từ mùa hè đến thu và đầu đông. Mỗi vùng có điều kiện đất đai khác nhau đã ứng dụng một số giống khác nhau và dẫn đến thời điểm thực hiện các nghi thức tín ngưỡng nông nghiệp cũng có phần khác nhau.

2. Một vài hoạt động tín ngưỡng chính trong nông nghiệp

- Qua tham vấn ký ức từ một số nông dân cao tuổi ở các địa phương: Cẩm Kim, Cẩm Thanh, Cẩm Châu... chúng tôi biết rằng, trước đây có 3 lễ cúng chính trong nông nghiệp là: Cúng thần nông - kết hợp cúng xuống đồng, cúng mục đồng và cúng cơm mới.

+ Cúng Thần Nông: Việc thờ cúng Thần Nông, Xã Tắc, đã được Triều đình nhà Nguyễn qui định khá cụ thể ở cấp Trung ương và cấp địa phương tại Đại

¹ Trong Đại Nam dư địa chí ước biên, tr 90, phần về Quảng Nam có ghi: “Đất đai nông nghiệp, gồm có 5 bậc: Ruộng chiêm cấy vào mùa đông, thu hoạch vào mùa hạ. Ruộng mùa cấy vào mùa hạ, thu hoạch vào mùa đông. Ruộng hai mùa thì vừa thu hoạch về mùa hạ, vừa thu hoạch vào mùa thu. Ruộng chiêm hạn, thì 1 vụ thu hoạch vào khoảng tháng 3, tháng 4, tháng 5, một vụ thu hoạch vào khoảng tháng 10,11. Những loại ruộng khác thì nhân ruộng cao hay thấp mà cấy sớm hoặc muộn... Nhà nông thường xem thời vật để nghiệm xem mưa ứng, được hay mất mùa như: Ruộng lúa sau khi cấy, cách một đêm mà nước trong thì năm ấy được mùa. Nước hơi đục thì thu hoạch kém... Dân Điện Bàn (vào thời Nguyễn, một phần lớn địa giới Hội An hiện nay thuộc huyện Điện Phước, phủ Điện Bàn – người viết chủ thích) ruộng đất phì nhiêu nên ở đây dân tục xa hoa ăn về”.

Nam Hội điển sự lệ¹. Theo đó, ở các Tỉnh và trong thực tế là ở các làng xã có làm nông đều có chọn đất xây dựng đàn Xã Tắc². Giải thích từ Hán Nôm: Xã là Thần Đất, Tắc là Thần Nếp, Thần Lúa, gọi chung là Thần Nông, ngoài ra Xã Tắc còn được hiểu rộng hơn là đất nước hay Tổ quốc. Việc thờ cúng Thần Nông mặc dầu có qui định chung từ triều đình

¹ Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia – Viện Sử học (2005): *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* - Nội các triều Nguyễn biên soạn, Huế: NXB Thuận Hóa, quyển 81, Quyển 89, Quyển 90.

² Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia – Viện Sử học (2005): *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* - Nội các triều Nguyễn biên soạn, Huế: NXB Thuận Hóa, quyển 81, cây ruộng tịch, tr 181: “Minh Mạng năm thứ 13, xuống dụ: Trẫm nghe: vua đời cổ đều trọng việc làm ruộng, trồng dâu, để phụng thờ Giao, miếu, đóng giả muôn dân. Mãi Minh thứ 9 đã từng cử hành cây ruộng tịch, hằng năm lấy làm thường lệ.... Phàm các địa phương đều chọn đất ở cõi phía đông ngoài thành tỉnh, chỗ nào có thể xây được, mở đặt 3 mẫu ruộng tịch, đắp tường đất vòng lấy chung quanh. Phía trước và bên tả, bên hữu đều đặt 1 cửa, 2 bên đều xây cột gạch, tùy theo khơi đào để tiện dẫn nước tưới. Ở chính giữa... Ở chính giữa đặt 1 đàn tiên nông, hướng nam, xây bằng tường gạch, trên đặt lan can, phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu đều có thềm bậc. Góc đông bắc đặt 1 kho thần, trước đặt 1 phương đình để thu thóc, bắt dân xã sở tại 15 đình tráng sung làm nông phu ở ruộng tịch, kiểm coi giữ đàn sở... Hằng năm, trung tuần tháng 4, Khâm thiên giám chọn ngày tốt, sau khi Kinh sư cây ruộng tịch vài ngày, do bộ Lễ sao lục đưa cho tuân làm, Các địa phương tức thì thôi thúc các nông phu họp lại, tới sở ruộng, liền ngày cây bừa, cần cho đất ruộng nát tơi ra, để tiện trồng cây”; Quyển 89, phần Đại tự, trang 272: “*Năm Gia Long thứ 5, đặt đàn (Xã tắc – người viết chủ thích) ở bên hữu trong hoàng thành, hằng năm lấy ngày mậu thương tuần 2 tháng của mùa xuân thu đến tế... Để thờ thần thái xã, thần thái tắc đều quay mặt về hướng bắc*”, tr 273: “Minh Mạng năm thứ 13, xuống dụ: ở các địa phương từ trước đến nay chưa đặt đàn Xã tắc, nay chuẩn cho bộ Lễ bàn, thi hành, để tỏ ra là vì dân cầu phúc, phải kính tuân đây. Cuân lời nghị: Các địa phương đều chọn khu đất rộng rãi ở cõi phía Tây bên ngoài tỉnh thành, để xây đàn Xã tắc 2 thành”; Quyển 90, Trung tự: “... *Tự Đức năm thứ 4, lời chuẩn nghị: Đàn Tiên Nông ở các trực tỉnh, xuân thu 2 kỳ tế*”.

(trước năm 1945) nhưng ở cấp địa phương vẫn có một số trường hợp khác biệt như ở Cẩm Phô có lập miếu Thần Nông với mái che, tường bao, bình phong... khác với nền Thần Nông, đàn Xã Tắc ở Cẩm Kim, Cù Lao Chàm, Cẩm Thanh. Lễ tế Thần Nông - lễ xuống đồng được cúng vào ngày 10/10 âm lịch, đây là dịp thu hoạch các giống lúa vụ hè thu và lúa đen 1 vụ. Thời gian này cũng trùng với dịp Tết Hạ Nguyên (*Rằm tháng Mười*) và cũng chuẩn bị vụ Đông xuân. Nhưng đây là điểm khác biệt so với lễ cúng Thần Nông và cây tịch điền của triều đình (trước 1945) vào trung tuần tháng 4 như trong Đại Nam hội điển sự lệ (tác giả đã trích dẫn). Lễ cúng Thần Nông và cúng xuống đồng là một lễ trọng trong năm được cộng đồng, chính quyền (xã, tổng) tổ chức nên việc chuẩn bị lễ vật, cúng tế khá trang trọng: có đầu heo, thực phẩm mặn... Cúng Thần Nông và lễ xuống đồng được thực hiện nhằm mục đích: Cầu Trời đất, Thần Nông, các vị thần linh xứ sở phù trợ cho việc nông nghiệp được thuận lợi bội thu cũng như tạ ơn cho những vụ mùa đã qua được thu hoạch. Qui trình cúng là cúng 1 lần, 1 điểm, trình tự các nghi thức cúng được thực hiện theo truyền thống: cúng 1 tuần nhang, 3 tuần rượu. Việc cúng tế lớn ắt hẳn phải có văn tế tuy nhiên những nhân chứng trong đợt tham vấn cho rằng không có văn tế. Người tham gia lễ cúng là toàn thể nông dân trong xóm, ấp, làng xã.

+ Cúng cơm mới: Đây là lễ cúng để tạ trời đất, Thần Nông sau một mùa vụ trồng trọt. Lễ cúng cơm mới được các hộ nông nghiệp cúng riêng lẻ tại nhà và tại ruộng mình đang canh tác, cúng vào

tháng 3 và tháng 10 âl, sau khi kết thúc mùa vụ đông xuân và hè thu. Ngày cụ thể phụ thuộc vào công việc thu hoạch của gia đình. Lễ vật cúng không thể thiếu là cơm được nấu từ gạo ngon vừa thu hoạch xong cùng muối mè, đậu phụng. Có một số gia đình có tục chỉ đốt đèn, không thắp nhang. Bàn cúng được bố trí ngoài sân của nhà. Trong qui trình cúng là cúng chủ yếu ở bàn ngoài sân (*cúng trời đất, Thần Nông*), có thắp hương vái bàn thờ tổ tiên, ngũ tự. Qui trình cúng được thực hiện thống nhất là 1 tuần nhang, 3 tuần rượu. Người đứng cúng là chủ nhà hoặc vợ, con chủ nhà/hộ. Cúng không có sớ, văn. Người cúng tự vái. Lễ cúng này hiện nay, còn ít người duy trì, có nguy cơ mai một cao.

+ Cúng mục đồng: Là lễ cúng cộng đồng do các hộ có chăn nuôi trâu bò chủ trì tổ chức để cầu an cho hoạt động chăn trâu, bò nói riêng và có nơi là chăn nuôi gia súc nói chung. Lễ cúng diễn ra tại các đoạn sông - bến - bãi - đồng cỏ mà các hộ chăn nuôi thường chăn thả tại đó hoặc cúng tại miếu Thần Nông, đàn Xã Tắc. Cúng mục đồng vào tháng 3 âl¹, sau khi kết thúc vụ đông xuân, người ta chọn 1 ngày cụ thể để cúng. Lễ vật không có gì đặc biệt, được bày ở hai bàn, 1 bàn cao để cúng trời đất, thần, 1 bàn thấp hơn để cúng âm linh, cô bác. Người tham gia cúng là các hộ có chăn nuôi và những mục đồng, người chăn trâu bò. Cúng xong có tiệc cho các mục đồng ăn. Lễ cúng này hiện còn duy trì ở một số địa phương có chăn nuôi trâu bò nhiều

như Cẩm Thanh, Cẩm Kim và nhìn chung là có nguy cơ mai một.

Qua tìm hiểu một số vấn đề về nghề trồng lúa nước và tín ngưỡng trong nông nghiệp ở Hội An, chúng tôi nhận thấy rằng để bảo tồn một số giá trị văn hóa đặc trưng của nghề nông cần tiến hành tư liệu hóa các di sản văn hóa phi vật thể (*quay phim tư liệu, báo cáo khảo sát*) liên quan đến nghề nông như sau: Lễ cúng mục đồng, Lễ cúng cơm mới, đồng thời tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể nghề trồng lúa nước để phục vụ công tác quản lý, phục hồi, phát huy (*nếu có điều kiện phù hợp*) ♦

Tài liệu tham khảo, trích dẫn

1. Cao Xuân Dục (2003): *Đại Nam Dư địa chí ước biên*, TS Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
2. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia – Viện Sử học (2005): *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* - Nội các triều Nguyễn biên soạn, Huế: NXB Thuận Hóa.
3. Phạm Phước Tịnh (2015): *Nghề trồng lúa ở Cù Lao Chàm*, Đặc san nghiên cứu lịch sử xứ Quảng, số 5/2014.
4. Trương Hoàng Vinh (2017): *Báo cáo xử lý kết quả tham vấn về hoạt động buôn bán trong Khu phố cổ năm 2016*, tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.
5. Trần Thị Lệ Xuân (2015): *Lễ lệ, lễ hội ở Cẩm Kim*, in trong tập *Thông tin nghiên cứu Kim Bồng - Cẩm Kim*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An thực hiện.

¹ Một nhân chứng ở Cẩm Thanh cho biết: Trong ngày cúng mục đồng, các chủ nuôi trâu, bò, vịt, heo, đều tham gia

VĂN HÓA XIN XĂM

GÓC NHÌN VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG

Huỳnh Đông

Văn hoá xin xăm là một hiện thực tín ngưỡng-tâm linh của người Việt Nam có từ rất lâu đời. Để có điểm nhất quán về việc nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về hiện tượng văn hoá khá phổ biến này trong đời sống văn hoá tâm linh của nhân dân hiện nay cũng là một vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý văn hoá, các nhà tâm lý học và xã hội học. Bài viết này chỉ đủ khả năng trình bày sơ lược, gợi ý vài nét sơ thảo về hiện tượng này trong văn hoá tâm linh của người Việt xưa và nay.

Ở Hội An quê tôi, vào những ngày tết Nguyên đán, Nguyên tiêu hay những ngày vía Ông, vía Bà¹ hàng năm, người bản xứ cũng như du khách thập phương đến về dâng hương, lễ bái ở các chùa chiền, hội quán đông vui, rộn ràng như trẩy hội. Đó cũng là dịp để du khách thập phương về phố cổ viếng thăm, chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính, trang nghiêm, trầm mặc của những ngôi chùa, lăng miếu có tuổi thọ hàng trăm năm mà người Hội An qua bao đời đã dày công tôn tạo, gìn giữ. Đây cũng là dịp để người hành hương thỏa mãn ước nguyện

tâm linh vào niềm tin phúc đức, vào những ân trạch tốt đẹp đang mong đợi mình trong tương lai... Họ đã đến dâng hương lễ bái các đền miếu, hội quán cầu xin một quẻ xăm đầu xuân, rồi để được cúng dường, góp chút công đức vào việc thờ phượng, trùng tu, bảo tồn các di sản văn hóa đó.

Cho đến nay, có thể, các nhà nghiên cứu văn hóa, xã hội hiện đại chưa quan tâm đúng mức đến hiện tượng xin xăm này. Vì thế, khi đọc nhiều sách và tài liệu viết về văn hóa và phong tục Việt Nam, chúng ta vẫn chưa tìm thấy một tác giả nào bàn đến nó với tư cách là một hiện tượng văn hóa của đời sống tinh thần cần nghiên cứu. Có lẽ, khi gạt bỏ các yếu tố cấu trúc tâm lý của người phương Đông trong sinh hoạt các lễ hội tâm linh, ta dễ dàng cho đây là một hiện tượng mê tín dị đoan có nguồn gốc lâu đời từ một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu. Điều đó hẳn đã đúng? Bởi hiện tượng này không chỉ khá phổ biến ở nước ta mà kể cả ở các nước có nền khoa học phát triển như cao như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Đó là những quốc gia có ảnh hưởng từ ba tôn giáo lớn của phương Đông: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo. Vì thế, tôi nghĩ rằng, nó cũng là một vấn đề đặt ra mà những nhà nghiên cứu văn hóa hiện đại cũng cần phải quan tâm và lý giải. Xăm là gì, vì sao nó lại có những tác động và ảnh hưởng nhất định trong sinh hoạt văn hóa,

¹ Vía Ông -vía Quan Công tại Chùa Ông Hội An hằng năm vào ngày 16/Giêng âm lịch; vía Bà - vía bà Thiên Hậu tại hội Phúc Kiến và hội quán Ngũ Bạng (Hội An) vào ngày 23/3 âm lịch hàng năm của cộng đồng người Hoa.

đời sống tinh thần và tâm lý của người hiện đại đến thế?

Xăm - một hiện tượng tín ngưỡng

Tín ngưỡng là niềm tin vào một triết lý siêu hình. Hiện thực của nó là một tương lai được mong đợi. Nơi ấy là siêu thời gian và không gian của thế giới tương lai - Niết Bàn, Tiên giới, Cõi trời, Địa ngục, Kiếp sau... Một khi tương lai siêu hình đó bị (được) đặt trong một niềm tin không có cơ sở khoa học của một triết lý tôn giáo hay không có một giải thích đúng đắn theo kiểu tư duy phổ quát, khoa học, đời thường, thì nó bị quy là mê tín. Hiện tượng xin xăm không thấy ở các tôn giáo khác nhưng bản chất “xăm” thì có như lời tiên tri, sấm ký, cơ bút, lời rao giảng của Thiên sứ... trong kinh sách của các tôn giáo.

Xăm là một biến tấu thuộc phạm trù Chiêm bốc (*chiêm tinh, bói toán*) của người phương Đông, xuất hiện từ rất lâu đời, có thể nói là trong thời kỳ khởi thủy của nền văn minh nông nghiệp. Thời nhà Chu của Trung Hoa cổ đại có hiện tượng Bốc phê, bói cỏ Thi của các hoàng đế, vua chư hầu, đại phu trước khi họ muốn tiến hành chiến tranh với một nước khác hay làm một công việc trọng đại cho quốc gia như trị thủy, xây - dời kinh đô, cúng tế Trời Đất để cầu xin vận nước... Kinh Chu Dịch do Khổng Tử san định, học thuyết Âm dương Ngũ hành của Lão giáo, Nông lịch cổ đại, tín ngưỡng đa thần giáo, bái vật... có thể nói là cơ sở lý luận và thực tiễn của Chiêm tinh và Bói toán học.

Xăm 讖 () xuất phát từ chữ sấm 讖 (như sấm ký, sấm truyền, sấm Trạng Trình) đọc trại ra theo âm Hán - Việt. Khi phiên thành chữ Nôm, người Việt đã bỏ bộ ngôn 言 là lời, chỉ giữ lại bộ trúc 竹 là tre (xem tự dạng ở trên) để biểu thị

rằng nó là một thanh tre, trên có viết những lời sấm (*tiên tri*). Theo tự điển Hán Việt của Thiên Chửu “Sấm (讖) là lời sấm ký, sự chưa xảy mà đã biết trước và nói ra bằng cách bí ẩn, không cho người biết đích ngay, chờ khi sự xảy ra rồi mới biết thế là sấm, như ta nói Sấm ông Trạng Trình vậy.”¹

Từ nhà Đinh đến nhà Lý (968 - 1225), ở nước ta, đạo Phật được xem như là quốc giáo, giới tăng lữ được kính trọng, họ được tham gia trị chính, những bài thơ, lời kệ của các bậc thiền sư có chứa điều bí ẩn về chính cuộc đời được xem như những lời sấm ký cần được suy nghiệm. Ví dụ bài thơ sau đây được cho là bài thơ sấm, xuất hiện vào năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình thứ năm (974) tiên tri về việc Đinh Tiên Hoàng và con là Đinh Liễn bị Đỗ Thích làm chức lại mục ở Đồng Quan giết, rồi sau có người họ Lê lên ngôi thánh minh (Lê Hoàn - Lê Đại Hành): 杜釋 ▪ 丁丁/ 黎家出聖明/ 境頭多橫死/ 道路 ▪ 人行 - Đỗ Thích thí Đinh Đinh/ Lê gia xuất thánh minh/ Cạnh đầu đa hoành tử/ Đạo lộ tuyệt nhân hành - Đỗ Thích giết Đinh Đinh/ Nhà Lê hiện thánh minh/ Cạnh tranh nhiều kẻ chết/ Đường sá, người vắng tanh². Suy nghiệm về lịch sử triều Đinh - Tiền Lê, ta giả thuyết, nếu bài sấm xuất hiện sau sự kiện, vào khoảng thời Lý thì đó là sự giải thích hiện tượng thời cuộc được quy vào sự thông tuệ huyền bí của cơ trời, làm tăng thêm và củng cố thêm niềm tin của quần chúng vào tín ngưỡng tôn giáo hiện thời; nếu nó xảy ra trước hoặc đồng thời với hiện tượng đã nói trên, thì đây lại là một sự

¹ Thiên Chửu, Từ điển Hán Việt, NXB TP.Hồ Chí Minh, trang 637.

² Theo Trần Quốc Vượng, Thơ văn Lý - Trần, T.1, NXB KHXH, HN, trang 200

tác động và chuẩn bị tâm lý của xã hội, sẵn sàng ứng xử với hiện tượng do các nhà tri chính, triết giả suy luận về thời cuộc sẽ xảy ra. Ta dễ dàng nhận thấy trong phương thức giành lấy vương triều của Lê Hoàn, Lý Công Uẩn và sau này là Lê Lợi với câu sấm viết bằng mật ong trên lá cây, cho kiến đục ròi thả trôi theo dòng nước “*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*” của Nguyễn Trãi cũng là một nghệ thuật sắp đặt và chuẩn bị tâm lý ứng xử cho chính trị xã hội theo cách đó. Như cái kiêu đã trình bày ở trên, ta thấy sấm ký dường như xuất hiện nhằm mục đích củng cố niềm tin của quần chúng vào triết lý cơ trời, thiên mệnh, tự nhiên, làm tăng thêm quyền năng cho các bậc triết giả vì họ chính là những người hiểu được thiên lý¹. Lâu ngày niềm tin ấy trở thành tập quán cố hữu và mạnh mẽ hình thành như một tín ngưỡng. Từ đó, ta lại thấy xăm mang tính dự báo và tính vận trù. “*Hoành sơn nhất đáí vạn đại dung thân*” là lời khuyên của một bậc thức giả, một hiền triết Lão Trang Nguyễn Bỉnh Khiêm - người có nhãn quan chính trị cực kỳ nhạy bén với một Nguyễn Hoàng đang khao khát kiểm chứng ý đồ thoát ly khỏi vòng cương tỏa của họ Trịnh. Để ngày nay người Việt vẫn tự hào về một thuở “*mang gươm đi mở cõi*” hào hùng của cha ông xưa.

Xăm - một hiện tượng tâm lý xã hội

Đâu phải dễ dàng mà người Việt lại có cách ứng xử với truyện Kiều của cụ Nguyễn Du như một công cụ để bói toán, xem quẻ, đoán vận mệnh tương lai. Bởi khi nghiên cứu truyện Kiều ta lại thấy Nguyễn Du không chỉ là một nhà thơ, nhà ngôn ngữ mà ông còn là một nhà tâm lý học và phân tâm học đại tài. Miêu tả nhan

sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều, Nguyễn Du đã đặt những vần thơ để tiên đoán về vận mệnh của hai chị em nhà họ Vương: “...*Vân xem trang trọng khác vời/ Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang/ Hoa cười ngọc thốt đoan trang/ Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da/ Kiều càng sắc sảo mặn mà/ So bề tài sắc lại là phần hơn/ Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh...*” cái sự “*đánh ghen*” của Trời xanh đối với sắc đẹp “*mây thua*” và “*tuyết nhường*” của Thúy Vân làm sao kinh hoàng cho bằng cái “*đánh ghen*” của “*Con Tào*” với cái “*Má hồng*” thập thành nhan sắc của nàng Kiều khi mà “*hoa*” phải “*ghen*”, “*liễu*” phải “*hờn*”. “*Ghen*” và “*hờn*” là trạng thái tâm lý dẫn đến hành động đáp trả ghê gớm hơn nhiều với “*thua*” và “*nhường*”. Ấy thế nên nàng Kiều tài sắc mới bầm dập, đoạn trường mười lăm năm trời... Đầu xuân, trong khói hương trầm nghi ngút, bên chung trà ướp sen thơm ngát, ông tôi và mấy cụ bạn lại giở quyển Kiều ra và bói mấy quẻ đầu năm, rồi nói chuyện thời cuộc, đàm đạo văn chương với nhau. Nét đẹp văn hóa ấy cứ sống mãi trong ký ức tuổi thơ của tôi cho đến tận bây giờ... Ngày nay, nhiều nơi thờ phượng linh hiển cũng thường trích những câu Kiều hay, làm thành những lá xăm, treo trên những cành mai vào những ngày tết, để cho khách thập phương về hái lộc đầu xuân. Đó cũng là một nét văn hóa đáng yêu. Và nó cũng đủ cho ta thấy, một hiện tượng tâm lý khi đã thành thói quen thì nó dễ dàng trở thành một hiện tượng văn hóa không dễ gì bị mai một. Tôi còn nhớ cách đây chừng mười lăm năm, tôi có dịch và hiệu đính giùm một bộ Xăm Ông (*Xăm Quan Thánh*) của chùa Nam Tôn ở Hội An, một ngôi chùa rất nổi tiếng về xin xăm, khách thập phương hằng ngày nườm nượp viếng chùa. Họ đến để cố gắng xin

¹ Thiên lý: lẽ trời, quy luật vận động của đất trời

cho được một lá xăm như tìm cho mình một lời tư vấn về vận mệnh, gia đạo, tình duyên trong tương lai. Vì là người nghiên cứu ngôn ngữ và văn học cổ, có những hiểu biết nhất định về Tâm lý học và Xã hội học, tôi cảm thấy rất thú vị. Tôi nghĩ, loại trừ các yếu tố tâm linh, thì nội dung và lời bàn của những lá xăm thật đáng cho các nhà tư vấn Tâm lý và Xã hội quan tâm nghiên cứu.

Xăm - nhà tư vấn Tâm lý - Xã hội huyền bí

Bộ Xăm Ông gồm có 100 lá, được đánh số từ 1 đến 100, lại chia ra các loại thượng kiết (tốt nhất), trung kiết (tốt vừa), hạ kiết (tốt ít), trung bình (không tốt không xấu, trung hạ (xấu vừa), hạ hạ (rất xấu)). Nội dung xăm là một bài thơ tứ tuyệt, bên cạnh ghi điển tích chính của lá xăm như là một việc “chỉ sự”, các điển tích thường lấy trong truyện Hán Sở tranh hùng, Tam quốc chí, hoặc các tác phẩm cổ sử Trung Hoa, để làm thí dụ điển hình. Bên dưới phía phải là “Thánh ý” tức là ý chính của lá xăm, tiếp theo là lời giải của Đông Pha. Chúng tôi nghĩ là của Tô Đông Pha (Tô Thức) một nhà thơ nổi tiếng đời Tống, Trung Hoa. Bởi ông là người mà tư tưởng có cả ba khuynh hướng Phật - Lão - Trang. Sau cùng là lời chú thích của Bích Tiên, có thể là của một đạo sỹ có pháp hiệu như vậy. Để minh họa cho những vấn đề đã nêu ở trên, tôi miêu tả lá Xăm số 01, loại Giáp - Giáp, Đại Kiết (tốt nhất - đánh số theo thập can). Nội dung xăm viết: “*Nguy nga độc bộ hướng vân gian/ Ngọc điện thiên cung đệ nhất ban/ Phú quý vinh hoa thiên phù nễ/ Phúc như Đông hải, thọ như san*”. Điển tích được dẫn để chỉ sự: Hán Cao Tổ nhập Quan (*Lưu Bang sau khi cùng Hạng Vũ diệt Tần, sợ ở lại Hàm Dương sẽ bị Hạng Vũ hại, nghe theo lời khuyên của Trương Lương, nên xin vào trấn thủ đất Quan Trung, tức là xứ Ba*

Thục (tỉnh Tứ Xuyên ngày nay). Giống với câu chuyện của chúa Nguyễn Hoàng ở trên, quẻ này nói việc Lưu Bang đã vào được Quan Trung, từ đây là hổ đã về rừng, rất thuận lợi, rất tốt cho vận mệnh của người xin được quẻ này). Thánh ý của quẻ viết: “*Công danh toại, phúc thọ toàn, tụng hữu lý, bệnh tức thuyên, tang ma thực, hôn nhân viên, dựng sinh tử, hành nhân hoàn*” (Công danh thì toại chí nguyện, phước lộc vẹn toàn, bệnh thì mau khỏi, dâu tằm chín tốt, hôn nhân đoàn tụ, có thai thì sinh con trai, người đi xa thì sẽ sớm về). Lời giải của Đông Pha là một bài thơ bát cú cổ phong: “*Vân gian độc bộ/ Bạt tủy siêu quần/ Danh đăng giáp đệ/ Đàm tiếu công huân/ Chung thân quang hiển/ Giai thiên sở tương/ Lộc hậu thọ cao/ Ý xưng mưu chí*”. (Đường mây thênh thang/ Vượt trội hơn người/ Danh đề bảng hổ/ Được ghi công trạng/ Vinh hiển cả đời/ Cùng như đất trời/ Giàu có sống lâu/ Đạt được mưu chí.). Lời chú thích của Bích Tiên viết là một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt: “*Nguyệt lý phân đơn quế/ Thành danh bộ ngọc kì/ Cầu vọng giai xưng ý/ Vạn sự túc vô nghi*” (Trăng đêm vịn cành quế/ Nổi danh chốn kinh kì/ Cầu mong đều toại ý/ Vạn sự tốt không nghi)¹

Tùy vào nội dung, sự tích, thánh ý, giải nghĩa và chú thích của lá xăm, với một người bàn xăm (giải quẻ) uyên bác về tâm thuật và Phật - Lão - Nho, họ có thể tư vấn cho người xin xăm về quy luật ngũ hành, âm dương, nhân quả, thiện đức, nên làm gì và không nên làm gì vào thời gian nào, phải chuẩn bị tinh thần ra sao và thái độ ứng xử với việc xấu, việc tốt như thế nào. Nếu bạn là một người đang lâm vào hoàn cảnh bi quan, chán chường, đang mắc vào một chuyện rắc rối... rút được lá xăm với nội dung thế này, với lời bàn hay

¹ Các lời dịch là của người viết

và đặc ý như kia, thì làm sao nó lại không mang đến cho bạn một niềm lạc quan, một trạng thái tâm lý nhẹ nhàng, và trong tâm trí bạn mọi gian khổ, vất vả, sự rối rắm đang chờ bạn kia có lẽ cũng sẽ nhẹ đi phần nào. Bạn lại có dịp suy nghiệm và tin tưởng vào lời khuyên của quẻ xãm. hẳn bạn sẽ nhìn cuộc đời lạc quan hơn, vì có niềm hy vọng đang chờ bạn phía trước. Khi bạn tin vào điều đó, cuộc sống và hoạt động của bạn có lẽ sẽ tích cực hơn. Tôi đã từng có cảm giác như thế!

Chúng ta sẽ ứng xử như thế nào với hiện tượng văn hóa này

Đây là một câu hỏi mở. Những vấn đề tôi đã viết ra ở trên, là những chuyện có thật ở thành phố cổ, quê hương tôi. Thói quen đi “*hái lộc đầu năm, xin xãm ngày tết*” đã ăn sâu vào trong sinh hoạt văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân ở nhiều địa phương từ rất lâu đời. Nó đã trở thành một nếp sinh hoạt của đời sống tinh thần với đủ sắc màu phong phú. Bởi bên cạnh truyền thống thờ cúng tổ tiên, người Việt rất giàu có về đời sống tinh thần, tâm linh và tín

ngưỡng... Cái không khí trong lành, cảnh sắc tươi đẹp của ngày xuân như làm cho con người thêm tràn đầy sức sống. Và để tích lũy năng lượng tinh thần bắt đầu một công việc mới, người ta lại muốn tìm đến những lời động viên, lời khuyên để tìm điểm tựa tích cực trong tâm lý của mình, nhưng hiện nay chúng ta quá thiếu vắng những nhà tư vấn tâm lý và xã hội. Vì thế cho nên, ngày xuân bên chung trà thơm, bên ly rượu ngọt ngào bàn mấy lá xãm của con cháu đi hái lộc mang về cũng là một thú vui tao nhã của các cụ già xưa. Những lời khuyên ăn ngay, nói thật, giữ uy tín trong công ăn việc làm, không tham lam của người của đời, biết nhẫn nại, biết phân đầu, biết vượt qua, chuyên cần vào công việc và học tập để đạt được thành công trong cuộc sống của những lá xãm luôn vẫn là những lời khuyên bổ ích với chúng ta. Cơ quan quản lý cần kiên trì vận động các cơ sở thờ tự và người dân (có nhu cầu xin xãm) tránh xa xu hướng “mê tín” hay xu hướng “thương mại hóa” hiện tượng xin xãm ♦



Lễ Nguyên Tiêu ở Quan Công miếu, ảnh Hồng Việt - 2013

BÀI VÕ TA “PHỤNG HOÀNG QUYỀN” CÒN LƯU TRUYỀN TRÊN ĐẤT QUẢNG NAM

Trần Xuân Mẫn

Dù không được xem là một “miền đất võ” như Bình Định nhưng Quảng Nam có một nền võ thuật cổ truyền căn cơ và lâu đời.

Ngay từ thời Hồ Quý Ly nhận đất Chiêm Động, lập Thăng Hoa, Tư Nghĩa vào năm 1402 và sau khi 30.000 tù binh Đàng Ngoài được đưa vào các phủ từ Điện Bàn đến Phú Yên vào năm 1640, Quảng Nam đã tiếp nhận nghệ thuật chiến đấu cổ truyền của người dân Đại Việt đất Thanh Nghệ trên đường di cư mở rộng đất phương Nam.

Cũng trong năm 1640, khi nhà Mãn Thanh chiếm Trung quốc, những người lính phản Thanh phục Minh và những thương nhân người Hoa lánh nạn chiến tranh bằng cách chạy sang nước ta đã du nhập các dòng võ cổ truyền của người Trung Hoa vào các tỉnh phía Nam Đại Việt, trong đó có Quảng Nam.

Đặc biệt, suốt mười lăm năm từ 1771 đến 1786 qua các thời kỳ quân Tây Sơn của Nguyễn Nhạc có mặt tại Quảng Nam (*Nguyễn Nhạc khởi binh đánh Chúa Nguyễn tại Qui Nhơn rồi dẫn quân Tây Sơn ra đánh lấy Quảng Nam vào năm 1771. Năm 1775 quân Trịnh vào Quảng Nam đánh Tây Sơn, Tây Sơn thua to phải chạy về Quảng Ngãi nhưng sau đó quân Trịnh bị dịch bệnh chết quá nhiều phải rút về Thuận Hoá, Quảng Nam lại thuộc về nhà Tây Sơn. Năm 1777 Chúa Trịnh Sâm phong cho Nguyễn Nhạc làm Quảng Nam trấn thủ,*

Tuyên úy đại sứ Cung quận công. Năm 1778 Nguyễn Nhạc xưng hoàng đế tại Quy Nhơn và làm vua từ Quảng Nam trở vào) võ Tây Sơn đã ăn sâu vào nền võ thuật cổ truyền trên đất Quảng Nam.

Từ năm 1787 khi vùng đất Quảng Nam thuộc về triều đình Phú Xuân của Quang Trung Nguyễn Huệ và kể cả sau này, dưới các triều đại nhà Nguyễn, thì võ cổ truyền Quảng Nam càng có thêm điều kiện để tiếp thu nền võ thuật Tây Sơn đã bước sang giai đoạn phát triển cực kỳ rực rỡ.

Với một nền tảng được xây dựng lâu dài, tiếp thu từ nhiều dòng võ thuật như thế, võ cổ truyền Quảng Nam sở hữu một số lượng không nhỏ bài bản có giá trị trong việc đấu tranh sinh tồn, chiến đấu giữ nước ngày xưa và trong việc xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh cho nhân dân ngày nay.

Trong số những bài quyền cổ bản có giá trị còn lưu truyền tại Quảng Nam như Ngọc Trần quyền, Lão Mai quyền, Siêu Ông, Song đầu côn, Bạch Mi Thập Tự quyền, Mai Hoa kiếm, Hùng Kê Quyền, Song Xi, Bia đao ..., “*Phụng Hoàng Quyền*” là bài võ Tây Sơn có nhiều động tác tượng hình phong phú, dễ tạo hứng thú cho người tập, và cùng với bài “*Lão Mai Quyền*” được giới nghiên cứu Võ Ta đánh giá là giàu chất nhân văn nhất.

Phụng Hoàng là con chim trong thần thoại của các dân tộc ở khu vực Đông Á, có vị trí cao quý là ngự trị trên tất cả các loài chim khác. Đó là lý do mà người xưa chọn Phụng Hoàng để đặt tên cho một bài quyền có giá trị đặc biệt hơn nhiều bài quyền khác.

Theo truyền thuyết thì chim phượng hoàng được mô tả có đầu gà, hàm én, cổ rắn, lưng rùa, đuôi cá, vẩy rồng...nên ngoài các thao tác uốn lượn, bay nhảy của loài chim Phụng; bài Phụng Hoàng Quyền còn có nhiều động tác mô phỏng hình tượng chiến đấu tự vệ để sinh tồn của nhiều loài cầm thú khác, kể cả những linh thú trong huyền thoại, như:

- Cọp: Mãnh hổ đấu sa phi. Mãnh hổ xuất lâm, tam tảo trụ

- Rồng: Song long triều bửu điện. Lưỡng long tranh châu, thiết mã toạ

- Ngựa: Thân mã phi nhất thác. Thiết mã địch song phi

- Gà: Kim kê thám thủy lập

- Khi: Lão hầu toạ tĩnh qui. Thần hầu hiển quả.

Bài quyền cũng dựa vào một số “nhân” vật trong điển tích Bát tiên để tăng tính nhân văn cho “thảo” (động tác, đòn, thế) và “thiệu” (lời thơ ghi nhớ động tác) như:

- Phật: Phiên thủ Quan Âm lập bộ khai

- Tiên: Đồng Tân toạ tẩy diện.

- Thần: Lữ Vọng điều ngư chi

- Yêu tinh: Luân thân loạn đả, Hồ Ly trụ

Chính vì có nhiều động tác tượng hình phong phú và giàu chất nhân văn

như đã nói trên nên bài Phụng Hoàng Quyền không chỉ là một bài võ giàu tính chiến đấu mà còn có tiềm năng dưỡng sinh rất lớn.

Chuyên cần rèn luyện bài Phụng Hoàng Quyền thường xuyên, hằng ngày, người tập sẽ sở đắc được một nhiều lợi ích cho sức khỏe:

1. Do các động tác được thực hiện ôn hoà, nhẹ nhàng, phù hợp với thể trạng của người tập nên khi tập xong, cơ năng tim của người tập hoạt động mạnh hơn mà không mệt, mồ hôi ra nhiều hơn, bộ máy bài tiết làm việc tốt hơn mà không bị mất sức.

2. Nhờ chân di chuyển theo các phép tấn, tay múa quyền hoa mỹ, liên tục đồng thời với thân thể xoay chuyển theo nhiều chiều hướng suốt hằng trăm động tác khác nhau mà đôi chân trở nên vững chắc, đôi tay linh hoạt, eo dẻo dai, thân mềm mại. Phép tập này cũng giúp cho cơ, bắp mềm mại, mạch máu dẫn nở, huyết dịch lưu thông dễ dàng đến đều khắp các bộ phận của cơ thể tạo điều kiện cho huyết áp được ổn định.

3. Hít vào, dẫn khí sâu xuống bụng dưới khi động tác thu về phòng thủ. Thở ra, thóp bụng đẩy hết hơi ra khi động tác khai mở tấn công. Hít và thở, khí đều qua mũi, nhẹ nhàng, tự nhiên và liên tục. Phép hít thở này thu nạp được nhiều dưỡng khí (oxy) làm sinh nhiều máu đỏ, đẩy được nhiều thán khí (carbonic) ra ngoài để thanh lọc buồng phổi, đồng thời tác động làm mạnh cơ năng các bộ phận tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá và bài tiết.

4. Khi luyện quyền, tập trung “sự chú ý” phối hợp với “mắt”, nhìn vào từng động tác tay, chân, làm cho não bộ phải làm việc cao độ, trung khu thần kinh được huấn luyện liên tục trong một

quãng thời gian dài, tạo điều kiện để cơ năng thần kinh được phát triển, tác dụng điều tiết đối với các bộ máy khí quan cơ thể được tăng cường, tính thích ứng của cơ thể đối với ngoại giới được gia tăng. Từ đó phát sinh khả năng đề kháng chống bệnh cho cơ thể và kéo dài tuổi thọ cho ngũ giác quan (*mắt, mũi, tai, lưỡi, da*).

5. Đặc biệt, bài Phụng Hoàng Quyền có nhiều động tác “*đứng thẳng bằng trên một chân*” và hướng sự chú ý vào mũi chân khi duỗi ra, càng rèn luyện thần kinh tiền đình và não bộ, làm giảm nguy cơ mất thăng bằng, chóng mặt, ngã té cho người tập.

Nhân đây, cũng xin giới thiệu nguyên văn “*Bài thiệu*” và “*Bài phú*” của bài Phụng Hoàng Quyền được bảo tồn và lưu truyền tại hai võ đường Hồ Tấn (*thành phố Tam Kỳ*) và Kỳ Sơn (*thành phố Hội An*) ở Quảng Nam như sau:

***Bài thiệu** (*tư liệu của võ đường Hồ Tấn*):

Phụng hoàng tranh chiết vĩ (Phụng hoàng xòe đuôi tranh đấu)

Mãnh hổ đấu sa phi (Hổ dữ chiến đấu, cát bay)

Song long triều bửu điện (Hai rồng cùng châu bửu điện)

Đoạt chân vũ uy trì (Uy nghi trấn vũ một nơi)

Thần mã phi nhất thác (Ngựa thần bay như thác đổ)

Thiết mã địch song phi (Ngựa sắt đá cả hai chân)

Đồng Tân tọa tẩy diện (Đồng Tân ngồi rửa mặt)

Lữ Vọng điều ngư chi (Lữ Vọng câu cá chờ thời)

Kim kê thám thủy lập (Gà vàng chân đi dò nước)

Lão hầu tọa tĩnh qui (Khỉ già ngồi tựa như rùa)

Mãnh hổ xuất lâm, tam tảo trụ (Rời rừng, Hổ ba lần trụ)

Luân thân loạn đả, Hồ Ly trụ (Chuyển thân loạn đả Hồ Ly)

Phiên thủ Quan Âm lập bộ khai (Quan Âm khoác tay khai bộ)

Lưỡng long tranh châu, thiết mã tọa (Hai Rồng tranh ngọc. Ngựa sắt ngồi)

Thần Hầu hiển quả. Lập như tiên (Thần khỉ dâng quả. Lập thế như lúc đầu)

***Bài phú** (*tư liệu của võ đường Kỳ Sơn*):

Phụng hoàng tranh đấu, xòe đuôi

Hổ dữ hỗn chiến giành mồi, cát bay

Hai rồng châu điện hăng say

Ngựa phi như gió, ngựa bay đại ngàn

Đồng Tân rửa mặt thạch bàn

Lữ Vọng câu cá Hàn giang chờ thời

Gà vàng dò nước nông, khơi

Khỉ già ngồi lặng, im hơi như rùa

Rời rừng, hổ lẩn quần hoài

Hồ ly loạn đả chịu thua, khép mình

Phật bà dẫn lối chúng sinh

Hai rồng ôm ngọc, ngựa tinh về ngôi

Khỉ thần dâng quả cả đôi

Khép chân thỉnh thủ hết rồi cuộc tranh ♦

MÓN NGON TỪ RAU ĐẮNG QUÊ NHÀ

Ngọc Hương

Đất Cẩm Thanh quê tôi vốn phèn chua nước mặn nên cây trái không được tươi tốt như mọi nơi. Vùng đất này bị chia cắt bởi nhiều hói, lạch, tạo môi trường thuận lợi cho cây dừa nước, cây mắm sinh trưởng, phát triển. Nhiều người dân nơi đây đi cắm chơm, dựng nò để bắt cá, tôm mưu sinh cho cuộc sống. Vào thời của ông bà, ba mẹ tôi, cuộc sống nơi đây cơ cực biết dường nào. Người đất Cẩm Thanh phải vất vả lắm mới trồng được cây lúa, cây khoai trên mảnh đất không mấy màu mỡ như những nơi khác. Còn cái nghề chài lưới ven sông, kiếm được chút ít cá tôm đem bán lấy tiền mua về cũng không được bao nhiêu gạo để nấu, những ngày mưa gió thì lại càng khó khăn hơn. Trong những ngày tháng khó khăn này, một ít cá tôm, củ khoai, hay một ít rau đắng cũng là đáng quý. Rau đắng có lẽ là loại rau phổ biến và sinh trưởng thích hợp nhất ở vùng đất này vào mùa mưa nên người dân quê tôi khi kể chuyện ngày xưa lại nhắc đến câu thành ngữ:

*“Trời mưa rau đắng
Trời nắng rau câu”*

Trên mảnh đất Cẩm Thanh quê tôi, mỗi khi mùa mưa về, những đám rau đắng căn cỗi mọc dựa các hồ nước, con mương, ruộng lúa lại bắt đầu vươn mình trỗi dậy xanh non tươi tốt. Cứ đến mùa này, mọi người dân rủ nhau ra đồng, ra mương hái rau đắng, cái đem đi chợ bán, cái thì để lại ăn. Rau đắng từ xưa đến

nay cũng là loại rau làm thức ăn quen thuộc của người dân nơi đây.

Rau đắng hay còn gọi biển súc, rau sam trắng, ba kích (*tên khoa học: Bacopa monnieri*) là họ Hoa mõm chó Scrophulariaceae, đây cũng là loài cây có thân thảo mọc, thân nhẵn láng mọc bò trên mặt đất, hoa màu trắng mọc riêng lẻ. Theo y học cổ truyền, rau đắng có tính mát vị đắng có khả năng thanh nhiệt giải độc, rau đắng vừa là món ăn vừa là vị thuốc gần gũi với người dân.

Rau đắng có thể nấu chín hoặc ăn sống đều được, cũng có thể kết hợp với một số loại thức ăn khác để làm nên những món ăn ngon, lạ miệng. Trước đây người dân quê tôi thường nấu canh rau đắng với con điệp cũng là một món ăn khá đặc biệt. Điệp là một loại nhuyễn thể, sống bám trong bẹ dừa nước. Người ta cạy về ngâm nước, rửa thật sạch rồi cho điệp lên nồi luộc chín. Khi chín, vớt ra gỡ lấy ruột. Nước luộc điệp được giữ lại cho rau đắng vào để nấu canh. Lúc rau vừa chín cho ruột điệp vào, nêm một ít mắm cái, ít bột ngọt, nếu ăn cay có thể cho một ít tiêu hoặc ớt xanh, nêm vừa miệng thì nhắc xuống. Cũng có thể cho thêm một ít lá nghệ tươi vào cho có mùi thơm. Canh rau đắng nấu với điệp, vị ngọt của điệp, vị đắng đắng của rau cùng với hương vị đậm đà của mắm cái và lá nghệ, trở thành món ăn thơm ngon đến lạ thường.

Rau đắng có thể ăn kèm với món “cáy um”. Đây cũng là một món ăn đặc trưng của người dân Cẩm Thanh. Con cây thuộc họ nhà cua, trông nó giống như con nha, con rạm. Cây sống trong các hốc của bẹ dừa nước bị mục, hay làm hang trên bờ lạch, hói, ăn rong rêu và các sinh vật nhỏ khác. Những ngày nước cạn, người dân thường đi câu hoặc dùng tay bắt cây đem về. Cây được đem về tách yếm, lưng rửa sạch. Ướp gia vị cho lên bếp um chín, nêm gai vị vừa ăn. Để lửa nhỏ khoảng mười lăm phút, cho thêm lá nghệ tươi cắt nhỏ vào nồi cây trộn đều, đợi nắm kỹ um cho đến khi cây vừa cạn nước rồi nhắc xuống. Rau đắng tươi hái về rửa sạch để ráo nước. Múc cây ra đĩa là chúng ta có được một món cây um ngon lành, thơm phức. Một miếng cây, vài cọng rau đắng cho vào miệng nhai giòn. Cái vị mặn mà, ngọt ngọt, béo béo của cây um, vị đắng đắng của rau thật tuyệt vời.

Ngoài ra, rau đắng luộc hoặc để tươi sống chấm mắm cái ăn (*một loại mắm rất phổ biến của người dân nơi đây*) cũng thật ngon cơm. Rau đắng trộn đậu phộng thì chẳng chê vào đâu được. Chỉ cần một ít rau đắng rửa sạch, bóp giấm hoặc chanh, bỏ thêm ít đường, bột ngọt, đậu phộng rang trộn đều là có một

món ngon miệng. “*Món rau đắng trộn*” với vị đắng của rau, chua của chanh, cộng thêm cái béo của đậu phộng tạo nên một hương vị riêng khó tả.

Ngày nay, rau đắng còn dùng để ăn kèm với các loại rau ăn lẩu, rau đắng còn dùng làm món gỏi trộn tôm thịt, nước sốt chua ngọt, tạo thành món ăn giòn, chua ngọt; món bò nhúng ớt cay cũng sử dụng nguyên liệu từ rau đắng làm món rau chính được nằm trong các thực đơn của các nhà hàng, quán ăn,...

Vùng đất quê tôi không có nhiều món ngon vật lạ, chỉ đơn sơ mộc mạc nhưng chính con người nơi đây, chỉ với món rau đắng đậm bạc chân quê, nhưng với những người con của đất Cẩm Thanh này thì cái hương vị đắng ngọt ấy sẽ mãi mãi in sâu trong tâm hồn mỗi người dân. Để mỗi khi nhớ về quê hương của những người con xa xứ, vùng ký ức ấy lại chợt hiện về, với mùi cháy của rơm rạ, tiếng là dừ sột soạt trong gió, tiếng gà gáy, tiếng ếch kêu mỗi khi mưa về và đặc biệt hơn cả là những món ăn mà bà, mẹ nấu thuở xa xưa với món cá kho, tôm cua đồng, hay chỉ những cọng rau trồng sau hè, hay hái ở bờ mương con nước, ruộng lúa mà thấm đẫm tình quê hương ấy, có ai đã từng trải qua khó lòng mà quên được ♦



NHẠC SĨ LAN ĐÀI

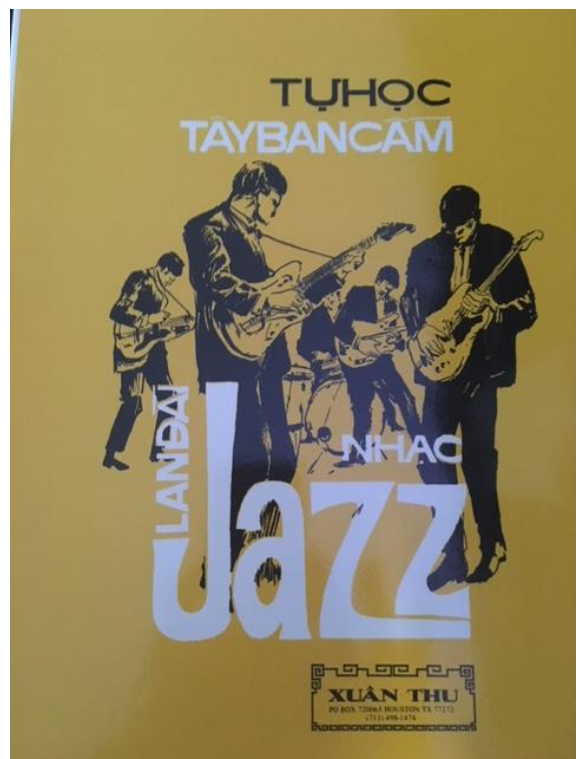
Trương Nguyên Ngã

Nhớ có buổi chiều muộn ngồi tán gẫu với điêu khắc gia Phạm Văn Hạng bên quán café ven đường. Anh Hạng tâm sự: *“Thú thật, dân văn nghệ làm chết người hết một đời cũng chưa chắc có ai biết đến. Mình may mắn được mọi người biết đến nhiều chứ nhìn quanh anh em nghề nghiệp nhiều người còn giỏi hơn mình đi đâu mà đâu mấy người biết đến. Nói chung phải có số nổi tiếng mới được nổi tiếng chứ đâu phải là chuyện hơn kém nhau trong nghề nghiệp”*. Thoạt nghe mình chỉ nghĩ đó là lời khiêm cung của một bậc đàn anh trong nghề. Sau nghiệm lại mới thấy ngoài sự khiêm cung của một người tài giỏi đó còn là sự chiêm nghiệm sâu sắc của một người từng sống chết gần cả một đời với nghệ thuật.

Thật vậy, những người nghệ sĩ chỉ vì yêu hoặc mang nghiệp dĩ dính tới văn nghệ đã trở thành những con tằm chỉ biết rút ruột mình ra để sáng tác, để cống hiến cho đời bằng khả năng của chính mình. Khi sáng tác mấy ai trong họ nghĩ đến sự nổi tiếng nếu tự thân sự nổi tiếng nó không tìm đường đến với mình. Người Hội An cũng chẳng khác, quan niệm làm văn nghệ cũng chỉ để văn nghệ cho vui. Có nổi tiếng hay không không hẳn là điều họ quan tâm, điều họ quan

tâm nhất chính là sở thích và đam mê của họ có mang lại niềm vui, lợi ích cho cộng đồng hay không mới là điều thiết yếu. Một trong những người Hội An như vậy là nhạc sĩ Lan Đài.

Nhạc sĩ Lan Đài tên thật là Nguyễn Kim Đài, sinh năm 1926 tại Hội An. Là một người có khả năng và yêu âm nhạc, từ những giai đoạn hình thành và sáng tác tân nhạc tại Hội An ông đã tham gia hoạt động âm nhạc bên cạnh những người bạn của mình như: Lê Trọng (*Lê Trọng Nguyễn*), Dương Minh Ninh,



Bìa ấn phẩm
“Tự học Tây Ban Cầm” của nhạc sĩ Lan Đài

Dương Minh Hòa, Trương Đình Quang, Hoàng Tú Mỹ, Hồ Văn Thiết, Huỳnh Bá, Huỳnh Đồng, Huỳnh Phụng, Huỳnh Cẩm dưới sự hướng dẫn nhạc lý của nhạc sĩ La Hối - người sáng lập Hội Ái Hữu Âm Nhạc FaiFo (*Societe philharmonique de FaiFoo*) năm 1942.

Thời kháng Pháp, ông cùng những người bạn của mình như: Lê Trọng Nguyễn, Phan Huỳnh Điểu, Huỳnh Bá, Hoàng Tú Mỹ, Dương Minh Hòa, tham gia vào Ban văn nghệ kháng chiến liên khu Năm. Sau 1954 ông trở về sinh sống với gia đình tại Hội An. Khoảng năm 1955 ông chuyển vào Phan Rang làm giáo sư dạy âm nhạc tại trường Nguyễn Bình Khiêm thị xã Phan Rang. Năm 1956 ông được chuyển vào dạy âm nhạc tại trường Trung học kiểu mẫu Thủ Đức và Trung học kỹ thuật Cao Thắng Sài Gòn, hai trường trực thuộc hệ thống Đại học Sư phạm Sài Gòn.

Năm 1957 thêm một lần phải chuyển nơi cư ngụ, ông được chuyển vào làm việc tại Bộ Thông tin Sài Gòn (cũ). Từ 1959 trở về sau ông mở lớp dạy tân nhạc tại Sài Gòn và phụ trách “Chương trình Lan Đài”, một chương trình chuyên về âm nhạc trên đài truyền hình Sài Gòn. Đồng thời ông cũng đã sáng tác tân nhạc, nhiều nhạc phẩm của ông cũng đã được phổ biến trên các đài phát thanh, truyền hình, và in ra đĩa nhựa (*đĩa nhạc*) trong thời điểm này.

Có thể kể đến các nhạc phẩm đã xuất bản của ông như: “Chiều Tưởng Nhớ”, “Câu Chuyện Tâm Tình”, “Nuối Tiếc”, “Đôi tay Ngọc Nữ”, “Quán

Chiều”, “Nụ Cười Tái Ngộ”. “Tà Áo Trinh Nguyên”. “Nói Đi Em”. “Sao Vẫn Còn Thương”. “Xếp Áo Thư Sinh” - viết chung với Đăng Vân, “Em Là Tất Cả” và “Tà Áo Tím” - viết chung với Mạnh Phát, “Tìm Về” - viết chung với Y Vân. Tuyển tập nhạc dành cho thiếu nhi “Nhạc Xanh” viết chung với Y Vân. Tuyển tập nhạc “Nhạc Ru Tuổi Hồng” viết chung với các nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Lê Trọng Nguyễn, Hoàng Nguyên, Anh Việt. Các nhạc phẩm và tuyển tập nhạc đều được các nhà xuất bản như Xuân Thu, Khai Trí, Văn Hiến hợp đồng ấn hành trên toàn quốc (*miền Nam*).

Mặt khác ông viết sách dạy sử dụng các loại nhạc cụ, khiêu vũ, sáng tác nhạc, hòa âm, hòa điệu và lý thuyết âm nhạc căn bản như các sách: “Cẩm nang Tây ban cầm”, “Tự học Hạ uy cầm”, “Tự học Hạ băng cầm”, “Tự học Đại hồ cầm”, “Tự học Ukulele”, “Tự học Măng cầm”, “Tự học Tây ban cầm điện”, “Tự học Tây ban cầm điện trầm”, “Tự học Khiêu vũ”, “Nghệ thuật độc tấu Tây ban cầm”, “Tự diễn Tây ban cầm 2000 thế bấm”, “Để sáng tác một bản nhạc phổ thông” “Hòa điệu sơ cấp” “Nhạc lý căn bản”, “Kỹ thuật hòa âm”, “Hòa điệu tổng quát”, “Tự học Khẩu cầm - Đồng chuyển và dị chuyển” viết chung với Đăng Vân. Các sách này hầu hết đều được các nhà xuất bản Khai Trí, Xuân Thu ấn hành trên toàn quốc (*miền Nam*).

Cảm nhận về nhạc Lan Đài, nhà thơ Tô Thùy Yên viết: “...và Lan Đài với Chiều Tưởng Nhớ một thứ *elégie* (bi thương) nào nùng. Ta tưởng chừng như

đang đắm mình trong một buổi chiều thu
xám, ngoài trời lá chết rụng đầy, tiếng
trầm hồ cầm đầu dây đang rền rĩ, than
van cho một nức nở sinh ly - *Bàn tay đâu
tìm đâu thấy nữa/ Bờ môi đâu mất đâu ôi
tìm đâu*”.

Nhưng đâu phải chỉ có một Lan
Đài bi thương nào nùng trong Chiều
Tưởng Nhớ, đâu đó trong những nhạc
phẩm của ông ta còn bắt gặp một Lan
Đài lãng mạn, đong đầy yêu thương.
Trong bản luân vũ Đôi Tay Ngọc Nữ
“*Làn môi thắm tươi làm sáng duyên thơ/
Với đôi tay ngà chờ đón duyên mơ*” để
rời mơ về một ngày được đoàn viên bên
người yêu dấu “*Rồi đây cánh chim giang
hồ muôn hướng/ Ước mong mây chiều về
bên gác vàng*”.

Nhiều thế hệ cầm đàn nối tiếp
nhau từ ngày ấy đến bây giờ chắc không
ít người đã từng học vỡ lòng từ những
cuốn sách dạy nhạc của ông. Mấy ai còn
nhớ? Thời gian trôi nhanh, đâu bề cuộc
đời là điều không tránh khỏi, những tác
phẩm của ông giờ lưu lạc phương nao,
chắc có còn bao người lưu giữ.

Kỷ niệm ba mươi lăm năm ngày
mất của Lan Đài, đôi dòng tưởng nhớ về
ông xem như một nén tâm hương của
một kẻ hậu sinh mê nhạc để nhắc nhớ
đến một người Hội An cả một đời đam
mê âm nhạc ♦

* Trân trọng cảm ơn nhạc sĩ Đăng Vân đã
cung cấp tư liệu và hình ảnh.



Vải chài, ảnh Vĩnh Tân

HỘI AN - ĐÔI ĐIỀU TRẦN TRỞ

Trần Phương - Hoàng Phúc

Hội An với vị trí địa lý đặc biệt quan trọng trong con đường giao lưu thương nghiệp một thời đã đóng vai trò trung tâm thương mại quốc tế quan trọng trên bán đảo Đông Dương, là địa điểm diễn ra các hoạt động giao lưu kinh tế - văn hóa mạnh mẽ, hình thành nên một trong những thương cảng sầm uất, phồn thịnh. Nơi đây đã từng tồn tại và phát triển qua nhiều nền văn hóa, từ văn hóa Sa Huỳnh đến văn hóa Chăm-pa, văn hóa Đại Việt. Đặc biệt, dưới thời trị vì của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, các chúa đã áp dụng chính sách cởi mở, chú trọng phát triển ngoại thương, từ đó tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho cư dân nước ngoài như Bồ Đào Nha, Pháp, Ý, Hà Lan, Nhật Bản, Trung Quốc đến Hội An cư trú và làm ăn. Có thể nói rằng, Hội An là nơi hội tụ, giao thoa văn hóa đa dân tộc, từ các vùng miền trên đất nước cho đến các quốc gia xa xôi trên thế giới, từ đó tạo nên một bức tranh văn hóa sinh động, đa dạng mà đặc trưng. Đến thế kỷ XIX, trước những tác động của thời cuộc lẫn sự biến đổi điều kiện tự nhiên, Hội An dần mất đi vị thế vốn có của mình. Đến nay, Hội An vẫn còn hiện hữu một hệ thống di tích khá nguyên vẹn và đa dạng từ khu phố, bến cảng cho đến các kiến trúc dân dụng, kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng cộng đồng.

Với những giá trị đặc biệt đó, ngày 4/12/1999, UNESCO đã ra quyết định công nhận Đô thị cổ Hội An là di sản văn hóa thế giới, dựa trên 2 tiêu chí: “*Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế*” (Tiêu chí 2); “*Hội An là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo*” (Tiêu chí 5).

Hội An trong quá khứ là vậy, với sự hội tụ của nhiều yếu tố thuận lợi, có thể tạm gọi là “*Thiên thời, địa lợi, nhân hòa*”, đã có lúc phát triển cực thịnh, trở thành một trong những đô thị thương cảng phồn thịnh lúc bấy giờ. Trải qua những biến thiên của thời cuộc, những yếu tố thuận lợi trên cũng dần chuyển dịch... Thời điểm từ nửa sau thế kỷ XIX, Hội An dần rơi vào tình cảnh suy thoái, nguyên nhân chính lý giải cho sự suy thoái này là do giao thông đường thủy ở đây không còn thuận tiện, nhường chỗ cho Đà Nẵng khi đó đang được người Pháp đầu tư xây dựng, từ đó Hội An mất vị thế vốn có của mình. Trong khi đó, Đà Nẵng dần chuyển mình một cách mạnh mẽ, từ kinh tế đến cơ sở hạ tầng, văn hóa, con người, họ đã rũ bỏ một cách nhanh chóng “*lớp áo*” cũ kỹ được cho là lỗi thời lúc bấy giờ để khoác

lên mình một “lớp áo” mới. Hội An và Đà Nẵng lúc đó là 2 sự đối lập, giữa một bên là quá khứ vàng son nay trở nên điêu hiu, già cỗi, một bên là sự trỗi dậy của vùng đất phát triển theo hướng hiện đại. Hội An lúc bấy giờ như một cá thể lạc lõng giữa thời cuộc, người đương thời gọi Hội An là “*Thành phố dưỡng già*”. Một bài viết có tiêu đề “*Faifo với cổ tục*” đăng trên báo Tràng An, số 138, ngày 7 tháng 7 năm 1936, bài viết có nội dung so sánh giữa Hội An (Faifo) và Đà Nẵng (Tourane) với một sự chênh lệch lạ lùng. Đầu tiên là so sánh về việc tiếp thu làn gió văn hóa mới từ phương Tây giữa hai Thành phố: “*Cùng một tỉnh, chỉ cách nhau 22 cây số, mà hai thành phố Tourane và Faifo khác nhau một trời một vực. Chỉ trong mấy năm gần đây mà dân Tourane đã nghiêm nhiên hóa ra những người mới mẻ, có lẽ quá mới mẻ nữa kia, truyền bá và hấp thụ một cách sốt sắng những cách tự do và sự giản-dị thái-tây, từ cách sinh hoạt cho đến ngôn ngữ cử chỉ. Faifo thì khác xa. Người nào vừa kinh-quá Tourane, vừa nhận thấy thanh niên Tourane đánh đổ hẳn cổ tục và xây dựng một nền phong tục mới mà không khỏi ngạc nhiên? Tourane có vẻ hoạt động bao nhiêu thì Faifo có vẻ suy nhược bấy nhiêu; Tourane hăng hái bài trừ cổ tục thì Faifo điềm nhiên ôm ấp lấy những việc ông bà lưu truyền từ mấy nghìn năm nay, ôm ấp như một vật báu không thể rời bỏ...*”. Và lý giải cho sự chênh lệch lạ lùng trên, từ những ngôi nhà mà cư dân nơi đây cư ngụ: “*Phải chăng những tòa nhà thấp - nhỏ, tối - tăm và cũ kỹ như ngôi chùa, những*

đường - sá chật hẹp, bản thủ, đã gieo vào trí não của dân cư Faifo, bất cứ về việc gì, một giới hạn hẹp hòi, mờ tối?”. Về cảnh vật: “*Cảnh vật chung quanh thường có ảnh hưởng đến tâm trí mình, nên trí não của phần đông những người ở Faifo cũng cũ kỹ như những nhà xưa thấp ảm bịt bùng họ ở, không hề thay đổi một tí*”. Và sự truyền bá: “*Phải chăng Faifo thiếu thốn những người truyền bá sự mới mẻ, hay ít giao thiệp với người Pháp mà ở đó rất ít?*”. Đây là những nhận xét của một nhà báo cách đây hơn 80 năm và có lẽ nếu ông đến hôm nay, tác giả bài báo sẽ có những ý kiến khác với những điều mình đã viết.

Những điều nêu trong bài viết trên với một sự đối lập thật lạ lùng, Hội An - Faifo lạ lùng đến nỗi trở thành một điều gì đó gây khó chịu cho nhiều người đương thời, trước làn sóng văn hóa mới. Hội An - Faifo như thu mình lại trong một vỏ bọc, bảo vệ bản thân mình trước những điều mới mẻ, xa lạ trong tâm thức của cư dân nơi đây. Người Hội An là vậy, bởi lẽ vùng đất này trong suốt chiều dài lịch sử với những biến động của một nơi từng là thương cảng sầm uất, phồn thịnh, giao thương nhộn nhịp, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau nhưng Hội An vẫn giữ cho mình nét văn hóa đặc trưng riêng biệt. Vì thế, khi đứng trước những cái mới, có phần xa lạ, người Hội An luôn đón chào với một tâm thế vững vàng, họ không đón nhận một cách vồ vập mà thay vào đó là sự bình tĩnh đến kinh ngạc, họ lặng lẽ quan sát,

chiêm nghiệm và chất lọc những điều tinh túy, phù hợp với mình để từ đó tạo nên bản sắc văn hóa địa phương đặc trưng mà không phải là một sự lai căng khó chịu. Để rồi, đến một ngày, những giá trị độc đáo của Hội An được nhìn nhận đúng mực, Khu phố cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới, từ đó Hội An đã từng bước phát triển trở lại nhưng là phát triển theo một phương diện khác, không còn là thương cảng phồn hoa như quá khứ vàng son mà thay vào đó là điểm đến tham quan của du khách trong và ngoài nước. Du khách khắp nơi trên thế giới đều về đây để được chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính của những ngôi nhà, đình, chùa, miếu, sự tĩnh lặng trong không gian cổ kính của khu phố đồng thời cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn từ sự bình dị, chất phác của cư dân Hội An. Đến với Hội An, họ thấy được một vẻ đẹp thuần chất Á Đông và cảm nhận trong mình sự bình yên, thanh thản.

Hội An trong ký ức của những người con phố Hội khi các hoạt động du lịch mới “gõ cửa” vùng đất này, nhịp sống nơi đây thật nhẹ nhàng và an bình. Qua thời gian, du lịch phát triển kéo theo nhiều dịch vụ đi kèm, đời sống kinh tế người dân phố Hội được cải thiện, hay nói đúng hơn là giàu có lên từ đó. Do đó,



Phố cổ Hội An mùa lụt năm Giáp Thìn – 1964. Ảnh Vĩnh Tân

việc bảo tồn khu phố cổ rất được coi trọng, ngoài việc gìn giữ một điều gì đó rất “*thiêng liêng*”, đó còn là việc duy trì “*miếng cơm manh áo*” của hàng ngàn con người nơi đây. Bởi vậy, cả Thành phố đang rất cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa Hội An, cả phần “*xác*” lẫn phần “*hồn*”. Để gợi lại hình ảnh Hội An xưa, cứ mỗi tháng một lần, hoặc các dịp lễ, du khách sống lại được hòa mình trong cái không khí của những ngày xưa cũ, “*vẫn ánh đèn đêm xôn xao chợ khuya, vẫn tiếng rao trăm năm vọng về*”¹, vẫn quang cảnh trên bến dưới thuyền... Động, mà xem chừng tĩnh! Những cái xô bồ, vồ vập của cuộc sống hiện đại bị đẩy lùi, nhường chỗ cho những hình ảnh lung linh, huyền ảo của một thời vang bóng. Du khách khi đến nơi đây không chỉ được ngắm nhìn một di sản kiến trúc nghệ thuật mà còn nhiều điều thú vị khác vì di sản kiến trúc không phải là thành tố duy nhất tạo nên giá trị của Hội

¹ Trích lời bài hát “Đêm hội phố Hoài” của nhạc sĩ Nguyễn Duy Khánh

An. Những di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng nơi đây còn góp phần tạo nên linh hồn của Hội An thông qua các hoạt động lễ hội, phong tục cổ truyền, nghệ thuật biểu diễn, làng nghề truyền thống, trò chơi dân gian, ẩm thực và đặc biệt không thể thiếu đó là con người Hội An, với một sự nhẹ nhàng, chân chất, ấm áp tình người.

Đến với Hội An, mỗi người đều tự mình “*sống chậm*” lại một tí, tĩnh tâm hơn một tí. Viễn khách từ bốn phương trời đến rồi đi trong chốc lát, đa phần đều cảm nhận được vẻ đẹp của phố và người nơi đây. Nhưng để hiểu Hội An đủ sâu sắc, đủ căn kẽ hơn, có lẽ họ phải gắn bó với mảnh đất này lâu hơn nữa, cùng ăn cùng ngủ với phố, có thể mới hiểu phố ngày càng già cỗi, đang rệu rã qua từng ngày, hồn phố đang rất nhạy cảm với những tác động của thời cuộc, dù là rất nhỏ.

Du lịch Hội An phát triển, đời sống kinh tế người dân địa phương đi lên, nhưng vấn đề nào cũng có hai mặt của nó. Việc du khách đến đây đông hơn, chính hoạt động của họ sẽ có những tác động vừa tích cực vừa tiêu cực đến Hội An. Xem chừng “tĩnh”, mà lại đang “động”!

Mặc dù với những chính sách, chủ trương của địa phương trong công tác quản lý di sản Hội An đã đạt được nhiều thành quả đáng kể nhưng vẫn còn đâu đó vài điều chưa tốt, chưa hay khiến Hội An bớt đẹp đi phần nào. Trước tiên, ta thử nhìn tổng quan kiến trúc, quy hoạch của thành phố: Các khách sạn cao tầng

bao vây vùng đệm của Khu phố cổ, như ở khu vực Quảng trường Sông Hoài chẳng hạn, gây cho ta cảm giác ngột ngạt, khó chịu khi đứng từ cầu An Hội nhìn về phía quảng trường. Những dự án xây dựng, công trình kiến trúc được phê duyệt khiến nhiều người phân vân về tính hợp lý của nó, như: Khu Trung tâm Hội nghị và làng Du lịch Gami Hội An ở cồn đất thuộc phường Cẩm Nam, Nhà biểu diễn (*Lune*) ở khu bãi bồi bên An Hội... gây tác động không nhỏ đến cảnh quan kiến trúc. Những tác động tiêu cực rất dễ thấy của các hạng mục công trình kiến trúc, kè cứng của Khu Trung tâm Hội nghị và làng Du lịch Gami Hội An đến cảnh quan sinh thái khu vực này: mạch chảy của sông Hoài bị cắt đứt về hai bên, dâng mạnh hơn vào khu dân cư hai bên bờ vào mùa mưa lũ; tác động xấu đến hệ sinh thái hạ lưu; các tòa nhà với quy mô lớn giữa lòng sông, phá vỡ cảnh quan kiến trúc... Cồn đất xanh ngát, đẹp như tranh giữa lòng sông Hoài đã vĩnh viễn mất đi, nay chỉ còn trong ký ức của những người dân phố Hội mà thôi.

Việc phát triển hạ tầng để phục vụ phát triển kinh tế, phát triển du lịch là điều cần thiết, lãnh đạo các cấp buộc phải có những quyết định, chọn lựa để đạt được mục tiêu trên. Lẽ thường, được cái này thì mất cái khác, để “*phát triển*” thì phải đánh đổi một vài hoặc nhiều thứ, phải cân đo đong đếm, chọn lựa giữa “*được*” và “*mất*”. Cái “*được*” thì ai cũng thấy, nhưng cái “*mất*” thì khó thấy hơn, đôi khi, có những cái “*mất*” khiến ta có

cảm giác nuôi tiếc, ngậm ngùi. Ví như, việc xây đường dẫn cầu Cửa Đại xuyên qua trung tâm Rừng dừa Bảy Mẫu xã Cẩm Thanh khiến cảnh quan khu vực này không còn vẻ nên thơ như trước đây. Hay như Khu Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, nhiều diện tích rừng đặc dụng bị san ủi để xây dựng các cơ sở lưu trú phục vụ du lịch. Với tầm vóc là một Khu Sinh quyển thế giới nhưng Cù Lao Chàm đã và đang bị xâm hại nặng, rơi vào trạng thái đáng báo động. Báo động ở đây không chỉ về việc phá vỡ hệ sinh thái mà trong tương lai, khi các resort, khách sạn đi vào hoạt động sẽ hút cạn nguồn nước ngọt để sử dụng, từ đó ảnh hưởng vô cùng đến đời sống của cư dân xã đảo.

Bài toán ách tắc giao thông trong phố cổ vẫn chưa có lời giải thích hợp. Do đặc thù, đường sá không thể mở rộng thêm nhưng mật độ xe đưa đón khách du lịch loại lớn ngày càng nhiều, thường xuyên gây ùn ứ vào giờ cao điểm, đặc biệt là khu vực đường Trần Hưng Đạo và Quảng trường Sông Hoài, gây bức xúc cho không ít người dân khu vực này và những người thường xuyên đi - về qua cầu Cẩm Kim. Hay tiêu biểu như bãi xe ngay đầu đường Trần Phú, một nút giao thông quan trọng, mật độ phương tiện lưu thông vốn đã cao, nay thêm nhiều xe ô tô vào ra, liệu có phù hợp?

Đó là một vài quan điểm về cái nhìn tổng thể. Nhìn ở góc độ hẹp hơn là những biến dạng di tích trong vùng lõi khu phố cổ hiện nay với nhiều điều phải trăn trở. Việc thay đổi cấu trúc bên trong

nhằm biến di tích trở thành cửa hàng, cửa hiệu diễn ra âm thầm nhưng lại vô cùng quyết liệt. Đi đâu cũng thấy các shop hàng lưu niệm, hàng hóa che khuất mặt tiền, các cấu kiện kiến trúc gỗ đẹp, các câu liễn đối có giá trị cũng bị che khuất, nhiều nhà có gian thờ bị dẹp bỏ. Bên cạnh đó là việc thay đổi chủ sở hữu di tích không phải là người địa phương cũng kéo theo nhiều hệ lụy đáng phải suy ngẫm... Đây là một hiện tượng phổ biến ở nhiều thành phố du lịch trên thế giới và Hội An không phải ngoại lệ. Những người giàu từ Hà Nội, Sài Gòn đã và đang mua lại những ngôi nhà trong phố để mở các cửa hàng kinh doanh, từ đó phố cổ mất dần người dân gốc, dần dần trở thành một khu phố chuyên phục vụ du lịch, mất dần đi những không gian sinh hoạt truyền thống của một gia đình.

Các dịch vụ phục vụ du lịch phát triển ồ ạt, và đôi khi, việc chạy theo lợi nhuận khiến hình ảnh của Hội An trong mắt du khách bị méo mó. Tiếc thay, một bộ phận không nhỏ người dân không hiểu được điều đó. Dẫu biết rằng những việc làm đó cũng vì cuộc sống mưu sinh trong thời buổi kinh tế khó khăn nhưng việc gì cũng vậy, cần phải hoạt động trong khuôn khổ chung của xã hội nhằm đảm bảo sự cân bằng trong phát triển. Nhiều mặt hàng lưu niệm kém chất lượng, đơn điệu được nhập từ Trung Quốc; nạn cò mồi, chèo kéo du khách dù đã hạn chế nhưng vẫn còn đang diễn ra, một số phụ nữ bán hàng rong lấy giá cao, làm mẫu chụp hình rồi xin tiền đã bị các lực lượng chức năng xử phạt nhưng

vẫn còn tái diễn; một số điểm giữ xe trên vỉa hè thu tiền phí không đúng với giá niêm yết; các nhà hàng, quán bar mọc lên nhan nhản bên khu vực An Hội với ánh sáng lòe loẹt, âm thanh chát chúa hằng đêm không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của các hộ dân lân cận mà còn khiến cho nhiều du khách phản hồi tiêu cực, ... Họ đến Hội An là để được hòa mình vào cái tĩnh lặng, yên bình của Hội An mộc mạc chứ không phải là sự xô bồ của người người, của âm thanh ánh sáng hiện đại.

Đôi khi, hình ảnh chưa đẹp còn đến từ chính những cán bộ làm quản lý trong khu phố cổ, thái độ ứng xử của cán bộ kiểm soát vé đối với hướng dẫn viên, du khách cũng gây cho họ nhiều nỗi bất bình, khó chịu. Nhiều sự việc được đăng trên các phương tiện truyền thông, các trang mạng xã hội với sự không hài lòng nhất định, khiến cho hình ảnh đẹp của Hội An không còn tròn trịa trong mắt bạn bè, du khách trong và ngoài nước.

Những điều đó như một vết cộm khiến người khác thấy Hội An đẹp, nhưng đẹp nhàn nhạt, trong khi thực tế Hội An không phải như vậy! Đồng tiền có sức mạnh thật đáng sợ, nó là phương tiện mang đến cho con người sự no đủ, nhưng cũng có thể làm thay đổi nhiều giá trị, nếu không khéo gìn giữ, biết đâu chừng còn thay đổi cả về giá trị nhân văn. Để đạt được sự giàu có (*chưa hẳn là “giàu sang”*), dư dả về tiền tài, đôi khi người ta phải chấp nhận đánh đổi một số thứ! Việc giữ hình ảnh của Hội An vừa “*sắc*” vừa “*huơng*” sao cho tròn

vẹn, quả là chuyện không đơn giản! Nhưng không phải là không làm được, mà điều cốt lõi ở đây là sự đồng lòng, là ý chí của chính quyền và người dân địa phương. Đứng trước những điều nguy hại đến di sản mà ông cha đã để lại, mỗi người con Hội An cần phải có trách nhiệm với tổ tiên, với chính bản thân mỗi người và với con cháu sau này.

Trở lại với bài viết trên báo Trảng An đã nêu ở trên, Hội An năm 1936, trong bối cảnh nền văn hóa mới xâm nhập vào Việt Nam, khi những vùng lân cận, rõ ràng nhất là Đà Nẵng đã thay đổi trở thành một thành phố hiện đại, rũ bỏ đi lớp áo cũ, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Trong khi đó, Hội An vẫn khư khư ôm lấy những điều xưa cũ. Có nhiều ý kiến cho rằng Hội An giữ được khá nguyên vẹn khu phố như hôm nay là do... nghèo. Người dân nghèo nên không có điều kiện để xây nhà mới, hiện đại. Điều đó có thể đúng, nhưng chưa đủ. Vì Hội An khi đó không chỉ giữ lại những ngôi nhà xưa cổ cũ kỹ, ảm thấp mà còn lưu giữ những nếp sống văn hóa đặc trưng mà theo tác giả bài báo gọi là “*cổ tục*”. Điều đó có thể lý giải vì sao trong thời kỳ thuộc Pháp, chính Hội An khi đó mới là trung tâm văn hóa của tỉnh Quảng Nam mà không phải là Đà Nẵng. Thiết nghĩ, trong bối cảnh thời bấy giờ, trước sự xâm nhập mạnh mẽ của làn sóng văn hóa mới, những chỉ trích nặng nề của người đương thời nhưng Hội An vẫn đứng vững, vẫn gìn giữ được những nếp nhà xưa, những công trình tín ngưỡng trước sự tàn phá của chiến tranh

và những giá trị văn hóa tinh thần của mình để trở thành Di sản văn hóa của nhân loại, Hội An đã khẳng định được giá trị đặc biệt và riêng có của mình, được khắp nơi trên thế giới ca tụng, ngưỡng mộ thì không thể vì một nguyên do chủ quan nào mà ngày nay chúng ta lại không gìn giữ được một Hội An cổ kính với những ngôi nhà xưa, những cánh đồng lúa xanh mơn mẫm, những cồn bãi cây cối xanh tốt, tạo nên bức tranh Hội An hài hòa, phát triển Hội An thành một “*Thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch*”. Tất nhiên, trước thời đại mới, xu thế hội nhập, phát triển, quá trình đô thị hóa là điều khó tránh khỏi, nhưng không phải vì thế mà có thể xây dựng những công trình quá hiện đại, cao lớn và hoành tráng ở những vị trí quá gần khu phố cổ, điều đó sẽ tác động nguy hại đến khu phố cổ về nhiều mặt. Những ai muốn cảm nhận được sự nhẹ nhàng, sâu lắng, yên bình của phố cổ Hội An bây giờ chỉ khi rảo bước trên các con đường phố cổ vào những buổi sáng sớm hay đêm khuya. Chỉ khi đó, con người mới cảm nhận được cảm giác “*sống chậm*” trong không gian yên bình, thuần khiết, tách biệt nhịp sống hối hả thường ngày.

Một ngày nào đó, không may Hội An mất đi, con cháu có ra sức giữ đến đâu đi nữa cũng chỉ là giữ được “*cái xác không hồn*”, một cái đẹp vô vị, nhạt nhòa. Lúc đó có hối hận đi nữa, âu cũng đã quá muộn màng. Là người Hội An, ai ai cũng tự hào về Di sản văn hóa thế giới của mình, cả về giá trị vật thể và phi vật

thể, nhưng không phải ai cũng ý thức được việc gìn giữ các giá trị đó là hết sức cần thiết, quan trọng. Bởi tác động của thời cuộc, các giá trị truyền thống và đời sống văn hóa đang dần bị mai một, nếu không khéo gìn giữ, nó sẽ nhanh chóng tàn lụi và mất đi.

Việc dung hòa giữa việc bảo tồn và phát triển luôn là thách thức lớn, cần có những giải pháp thích hợp để di sản “*sống*” và phát huy được giá trị vốn có của nó. Dưới đây là một số đề xuất nhằm góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An: Thực hiện hiệu quả Luật Di sản văn hóa, vận dụng linh hoạt các Nghị định của Chính phủ và quy định của địa phương cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá địa phương; Mở các lớp tuyên truyền, tập huấn cho nhân dân để người dân thấy được họ vừa là người bảo vệ vừa là người được hưởng lợi từ việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa; Đối với các đề án quy hoạch kiến trúc cảnh quan, ngoài việc tổ chức những cuộc hội thảo, trưng cầu ý kiến của các chuyên gia, các cấp, các ngành liên quan đang hoạt động trong khu vực có di sản để góp ý cho bản quy hoạch thì cần chú trọng đến vai trò phản biện của người dân địa phương nhiều hơn nữa; Kiên quyết nói “*không*” với việc phát triển Hội An theo hướng đô thị hóa hiện đại, nên tập trung xây dựng, phát triển Hội An theo hướng du lịch sinh thái; Cần có chính sách hỗ trợ về kinh tế cho những hộ dân là người địa phương trong khu phố cổ, đặc biệt là những hộ dân sinh sống trong kiệt, hẻm

không có điều kiện kinh doanh buôn bán (trích từ nguồn thu bán vé tham quan). Đối với các làng nghề thủ công truyền thống, cần có những chương trình định hướng nhằm đa dạng các sản phẩm lưu niệm có chất lượng, mang bản sắc văn hóa địa phương, thu hút được thị hiếu của du khách; Hoạt động bán, soát vé tham quan cần có thái độ nhẹ nhàng, tâm lý đối với du khách, tránh tình trạng đôi co, chạy theo soát vé du khách; Có chính sách ưu tiên đối với trường hợp du khách là người khuyết tật như giảm giá vé tham quan, lắp đặt các thiết bị hỗ trợ việc di chuyển trong quá trình tham quan. Thiết lập đường dây nóng, phổ biến rộng rãi tại các điểm công cộng để du khách phản ánh những trường hợp chưa đúng để hỗ trợ, khắc phục kịp thời;

Có quy định cụ thể và kiên quyết xử phạt nghiêm trường hợp các nhà hàng, quán bar mở nhạc với công suất lớn, hoạt động quá giờ quy định; ...

Trên đây là đôi điều trần trở của chúng tôi - những người đang công tác tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An, gắn bó mật thiết với Di sản. Những nhận định, góp ý của chúng tôi trong bài viết này có thể đúng, chưa đúng hoặc còn nhiều hạn chế, suy nghĩ chưa thật sự thấu đáo, tuy nhiên, đó là tấm lòng, là mong mỏi của chúng tôi, mong muốn Hội An ngày càng phát triển, nhưng phải là phát triển bền vững theo định hướng “*Thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch*” như mục tiêu lãnh đạo Thành phố đã đề ra từ nhiều năm nay ♦



Một góc phố cổ Hội An. Ảnh: Hồng Việt

THÔNG TIN TƯ LIỆU

MỘT SỐ TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ LÀNG GỐM THANH HÀ

Trần Văn An

Sự phát triển của làng gốm Thanh Hà gắn liền với sự phát triển của Đô thị - thương cảng Hội An nói riêng, xứ Quảng nói chung. Cũng giống như sự có mặt của một số làng nghề thủ công khác, sự có mặt của làng gốm Thanh Hà là một minh chứng cụ thể về quá trình đô thị hóa và sự phát triển của nền sản xuất kinh tế hàng hóa ở Hội An, xứ Quảng ngay từ thời các Chúa Nguyễn. Một số tư liệu Hán Nôm giúp ta xác định thực tế này.

Tư liệu sớm nhất liên quan đến nghề gốm Thanh Hà mà chúng tôi được biết cho đến nay là một ghi chép trong cuốn sổ ngân lễ làng Minh Hương năm Đinh Mão (1747). Trong đó có ghi lại việc viên chức làng Minh Hương cử người đến Thanh Hà (淸霞) mua bảy chiếc chậu để trồng một số loài hoa quý biểu quan Cai Án kiêm Tri Tàu Vụ. Điều này cho thấy, muộn nhất cũng vào giữa thế kỷ XVIII, cách đây hơn 270 năm, đồ gốm Thanh Hà đã có thương hiệu vì không dễ gì mà làng Minh Hương chọn chậu gốm Thanh Hà để trồng hoa tặng các quan.

Một cuốn địa chí khá sớm của triều Nguyễn được viết vào đầu đời Gia Long (1806) là Hoàng Việt nhất thống dư địa chí của Lê Quang Định, trong đó có đoạn ghi: “... 742 *tầm*, bên Nam chạy dọc theo phù sa của sông, bên Bắc là dân cư xã Thanh Hà, dân ở đây chuyên làm nghề đúc gạch ngói, làm đồ gốm và nấu vôi trắng, đến nền cũ miếu Bát Vị, ở địa phận xã Thanh Hà”¹.

Như vậy, đến đầu thế kỷ XIX làng gốm Thanh Hà đã đi vào hoạt động chuyên nghiệp, ổn định với các nghề làm gạch ngói, làm đồ gốm, nung vôi. Đây là các nghề thủ công làm nên danh tiếng một thời của làng Thanh Hà trong các thế kỷ trước đây. Gạch ngói, vôi Thanh Hà là những vật liệu chính (cùng với gỗ) để xây dựng các công trình ở phố Hội An và các vùng lân cận. Gạch ngói Quảng Nam, trong đó có gạch ngói Thanh Hà cũng đã được triều Nguyễn huy động để xây dựng cung đình Huế, điều này chứng tỏ uy tín của sản phẩm gạch ngói Thanh Hà, xứ Quảng. Đại Nam thực lục, bộ chính sử đồ sộ nhất của triều Nguyễn, phần về đời Gia Long cho biết, từ năm 1803, để chuẩn bị xây dựng miếu điện, Gia Long đã: “... Sai các địa phương đều chở vật liệu đá, gỗ sản ở địa phương đến nộp (Nghệ An thì gỗ lim, Gia Định thì ván gỗ, Thanh Hóa

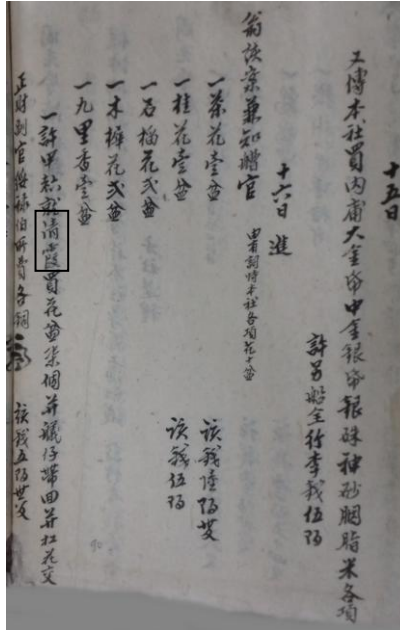
¹ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, 2005, tr 222, bản gốc trang 40b.

thì đá lát, Quảng Ngãi thì mật bột, Quảng Nam thì gạch ngói, Bắc Thành thì son, sơn và vàng quỳ”¹.

Nghề gốm Thanh Hà đã cung cấp các sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt thường ngày của cư dân địa phương cũng như nhu cầu trao đổi, buôn bán tại chỗ và xuất khẩu. Chủng loại đồ gốm Thanh Hà trước đây khá phong phú, một số loại trong chúng đã được tìm thấy ở Nhật Bản và một số nước trong khu vực. Đồ gốm ở đây ngoài loại gốm đỏ còn có gốm sành và gốm men đơn sắc như nâu, vàng chanh... Trong các tư liệu văn khế mua bán đất đai của làng Thanh Hà xuất hiện các từ: Cương lô (土圞 炉), Diêu lô (窑 炉). Có thể hiểu đó là các lò gốm xanh (đồ sành) và các lò gốm đỏ (đồ gốm) theo cách gọi dân gian.

Đặc biệt, tư liệu thư tịch cũng cho biết, làng gốm Thanh Hà từ rất sớm đã có thợ thạo nghề nấu gạch ngói lưu ly. Trong Quảng Nam xã chí thực hiện bởi Viện Viễn Đông bác cổ năm 1943, phần khai của làng Thanh Hà có liệt kê văn bằng, sắc phong ba tượng mục của làng. Đó là Võ Văn Hòa (1861), Bùi Phước Châu (1841) và Bùi Phước Thạnh (1829). Trong đó bằng tượng mục cấp cho ông Bùi Phước Thạnh năm Minh Mạng thứ 10 (1829) ghi rõ: “Do rành nghề nấu ngói và gạch lưu ly”. Phải biết

rằng kỹ thuật nấu gạch, ngói lưu ly là kỹ thuật đặc biệt, không phổ biến ở các thợ người Việt. Có lẽ thợ Thanh Hà đã học kỹ thuật này từ người Hoa. Rất tiếc kỹ thuật này đến nay đã thất truyền tại địa phương.



Một trang trong cuốn sổ ngân lễ làng Minh Hương có xuất hiện tên gọi Thanh Hà (chúng tôi khoanh trong hình chữ nhật)

Đại Nam nhất thống chí, bản Tự Đức (1848 – 1883) khi kê khai các sản vật tiêu biểu của Quảng Nam đã ghi: “Đồ gốm: Sản ở xã Thanh Hà, có hộ chuyên nghiệp”². Trong sách này, Hội An có ba sản vật được liệt kê là yến sào, bánh in đậu xanh và đồ gốm, toàn những sản vật nổi tiếng. Đây là sự tôn vinh chính thức của triều Nguyễn đối với một số sản vật của địa phương, trong đó có gốm Thanh Hà.

Cũng cần nói rằng, tại Thanh Hà hiện lưu truyền địa danh Nam Diêu (Giao) và ngôi miếu tổ nghề có tên là Nam Diêu tổ miếu (南窑祖廟). Nam Diêu là gốm của phương Nam, của người Nam trong mối tương quan với gốm phương Bắc, người Bắc. Một danh xưng có tính lịch sử gắn với sự tự hào về nghề nghiệp hiếm thấy ở địa phương khác.

Một số tư liệu Hán Nôm như vậy để chúng ta có thể thấy được sự phát triển và tâm vóc của nghề gốm Thanh Hà trong tiến trình phát triển các nghề thủ công truyền thống của xứ Quảng nói riêng, Đàng Trong, Việt Nam nói chung ♦

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Viện Sử học phiên dịch, Nxb Giáo dục, 2007, tập 1, tr 552.

² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, 1997, tập 2, tr 396.

THÔNG TIN VỀ CÁC LÀNG XÃ Ở HỘI AN TRONG ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN DINH QUẢNG NAM NĂM 1812

Phạm Phước Tịnh

Sau khi lên ngôi lập ra vương triều nhà Nguyễn, bên cạnh việc củng cố, xây dựng bộ máy trung ương tập quyền vững chắc, vua Gia Long rất coi trọng việc lập địa bạ để thuận tiện trong việc quản lý, sử dụng đất đai trên cả nước. Công việc lập địa bạ bắt đầu tiến hành từ đời vua Gia Long thứ 4 (1805) đến đời vua Minh Mạng thứ 17 (1836) mới hoàn thành, kết quả hầu hết các làng xã từ thành thị đến vùng miền núi trên lãnh thổ Việt Nam đã được ghi chép khá đầy đủ về từng mảnh ruộng, sở đất, con đường, khu rừng... Nằm trong diễn trình lịch sử đó, nhiều làng xã tại vùng đất Quảng Nam (*dinh Quảng Nam*) được được lập địa bạ vào năm Gia Long thứ 11 (1812).

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi giới thiệu một số thông tin về các làng xã Hội An được lập địa bạ vào đời vua Gia Long thứ 11 (1812). Tất cả các thông tin này chúng tôi trích dẫn trong tập sách Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - dinh Quảng Nam (2 tập) của tác giả Nguyễn Đình Đầu sưu tầm và giới thiệu, được nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh xuất bản vào năm 2010. Các làng xã ở Hội

An được giới thiệu trong tập sách gồm 15 làng xã, cụ thể:

- Tổng Phú Chiêm hạ, huyện Diên Khánh¹, phủ Điện Bàn: 10 làng xã

- Thuộc Vồng Nhi, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn: 4 làng xã

- Thuộc Hoa Châu, huyện Duy Xuyên, phủ Thăng Hoa: 1 làng xã

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu thông tin chi tiết về các làng xã Hội An này:

1. Các làng xã thuộc tổng Phú Chiêm hạ, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn

1.1. An Mỹ xã:

Về địa giới, xã An Mỹ Đông giáp xã Hoa Phố, lấy bờ ruộng làm giới; Tây giáp xã Hoa Phố, lấy bờ ruộng làm giới; Nam giáp xã Đẻ Vồng (*thuộc Vồng Nhi*), lập cọc gỗ làm giới; Bắc giáp xã Hoa Phố, lấy bờ ruộng làm giới.

Toàn diện tích xã là 62.7.9.9 (*đọc là 62 mẫu 7 sào 9 thước 9 tấc*) gồm công điền cho nơi khác là 4 sào 7 thước 5 tấc; Tư điền là 58 mẫu 2 sào 2 thước 4 tấc; Tư điền của người nơi khác là 1 sào; Thần từ là 1 mẫu 5 sào; Mộ địa là 2 mẫu 5 sào.

1.2. Cẩm Phố phụ lũy xã

Về địa giới, Cẩm Phố phụ lũy xã Đông giáp xã Thanh Hà, xã An Mỹ, xã Hà My, xã Hoa Phố, xã phụ lũy Hội An,

¹ Năm 1822, huyện Diên Khánh đổi tên thành huyện Diên Phước.



Một góc làng An Mỹ - ảnh Hồng Việt, 2014

xã Minh Hương, lấy bờ sông làm giới; Tây giáp xã Thanh Hà, xã Viêm Minh, xã Hoa Phố, xã Hà My; Nam giáp xã Minh Hương, xã phụ lữ Hội An, xã Hoa Phố; Bắc giáp xã Thanh Hà, xã Hoa Phố, xã Hà My, xã Tân An, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 648.1.9.5 (đọc là 648 mẫu 1 sào 9 thước 5 tấc) gồm công điền là 150 mẫu 9 thước 5 tấc; Tư điền là 111 mẫu 5 sào 9 thước 3 tấc; Tư thổ (trồng dâu) là 28 mẫu 2 sào, 10 thước 7 tấc; Thần từ Phật tự là 1 mẫu 9 sào 10 thước; Mộ địa là 199 mẫu 4 sào; Cát trắng là 150 mẫu 9 sào.

Ngoài ra, có Khe 950 tầm, 3 thước; Thủy đạo 695 tầm; Ao 2 sở.

1.3. Đông An xã

Về địa giới, Đông An xã Đông giáp xã Phong Hộ, xã phụ lữ Hội An, lập cột đá làm giới; Tây giáp xã Cổ Trai, xã phụ lữ Hội An, lập cột đá làm giới; Nam giáp sông; Bắc giáp xã phụ lữ Hội An, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 7.8.2.7.9 (đọc là 7 mẫu 8 sào 2 thước 7 tấc 9 phân) gồm Tư thổ là 1 mẫu 3 sào 3 thước 5 tấc; Thần từ Phật tự là 3 sào 7 thước 6 tấc 2 phân; Mộ địa là 6 mẫu 1 sào 6 thước 6 tấc 7 phân.

1.4. Hoa Phố xã

Về địa giới, Hoa Phố xã Đông giáp xã Viêm Minh, xã An Mỹ, xã Thanh Châu (thuộc Võng Nhi, Hòa Vang), xã Đề Võng; Tây giáp xã Cẩm Phố, xã Hội An, xã Phong Hộ, lập cột đá làm giới; Nam giáp xã Cẩm Phố; Bắc giáp xã Diêm Hộ.

Toàn diện tích xã là 302.6.1.4.5 (đọc là 302 mẫu 6 sào 1 thước 4 tấc 5 phân) gồm Công điền là 61 mẫu 3 sào 14 thước 2 tấc; Tư điền là 104 mẫu 7 sào 10 thước 5 tấc; Công thổ là 22 mẫu 2 sào 1 thước 7 tấc 2 phân; Tư thổ là 8 mẫu 1 sào 12 thước 3 phân; Tư điền của người khác là 17 mẫu 5 sào 8 thước 5 tấc; Thần từ Phật tự là 1 mẫu; Mộ địa là 50 mẫu 8 sào 13 thước; Hoang nhân thổ phụ là 36 mẫu 6 sào 1 thước 5 tấc.

1.5. Hòa An xã

Về địa giới, Hòa An xã Đông giáp xã Thanh Hà, lập cột gỗ làm giới; Tây, Nam, Bắc đều giáp xã Thanh Hà.

Toàn diện tích xã là 30.0.0.0 (đọc là 30 mẫu), gồm Tư thổ (cát) là 15 mẫu; Cát trắng là 10 mẫu 3 sào; Thần từ là 1 mẫu 3 sào 3 thước; Mộ địa là 3 mẫu 3 sào 12 thước.

1.6. Hội An phụ lữ xã

Về địa giới; Hội An phụ lũy xã Đông giáp xã Hoa Phố, xã Minh Hương (*biệt nạp doanh trực lệ Quảng Nam*), xã Đông An, xã Cổ Trai; Tây giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, lập cột đá làm giới; Nam giáp xã Phong Hộ, lập cột đá làm giới; Bắc giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 48.6.8.1 (*đọc là 48 mẫu 6 sào 8 thước 1 tấc*), gồm Tư thổ (cát) là 2 mẫu 4 sào 11 thước 6 tấc; Mộ địa là 46 mẫu 1 sào 11 thước 5 tấc.

1.7. Minh Hương biện nạp xã

Về địa giới, xã Minh Hương Đông giáp xã Hội An, xã Cổ Trai, lập cột đá làm giới; Tây giáp xã Cẩm Phố, lập cột đá làm giới; Nam giáp sông; Bắc giáp xã Cẩm Phố, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 17.7.10.9 (*đọc là 17 mẫu 7 sào 10 thước 9 tấc*), gồm Tư thổ (cát) là 12 mẫu 4 sào 14 thước 7 tấc; Thần từ thổ là 5 mẫu 2 sào 11 thước 2 tấc.

1.8. Phong Hộ xã

Về địa giới; xã Phong Hộ Đông giáp xã Hoa Phố, lấy miếu làm giới; Tây giáp xã Đông An, lập cột đá làm giới; Nam giáp xã Hoa Phố và sông; Bắc giáp xã Hội An, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 7.7.7.0 (*đọc là 7 mẫu 7 sào 7 thước*), gồm Mộ địa là 3 mẫu 5 sào; Cát trắng là 4 mẫu 2 sào 7 thước.

1.9. Tân An xã

Về địa giới; xã Tân An Đông giáp xã Thanh Hà, lấy bờ

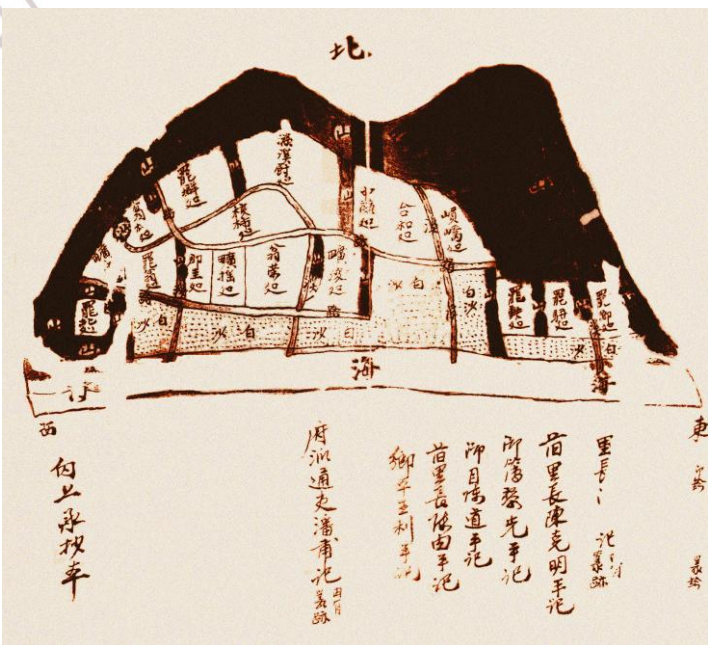
ruộng làm giới; Tây giáp xã Thanh Hà; Nam giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, lập cột đá làm giới; Bắc giáp xã Thanh Hà, lập cột gỗ làm giới.

Toàn diện tích xã là 20.0.0.0 (*đọc là 20 mẫu*), gồm Tư thổ là 4 mẫu; Thần từ là 1 sào; Mộ địa là 10 mẫu 5 sào; Hoang nhàn là 5 mẫu 4 sào.

1.10. Thanh Hà xã

Về địa giới, xã Thanh Hà Đông giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, xã An Tân, xã An Mỹ, phường Xuân Mỹ (*tổng An Nhơn Trung*), châu Kim Bồng (*thuộc Hoa Châu, huyện Duy Xuyên*); xã Hòa An, lập cọc gỗ làm giới; Tây giáp xã Phú Chiêm (*tổng An Nhơn Trung*), xã Lai Nghi, xã An Lưu; Nam giáp xã An Mỹ, xã Tân An và sông; Bắc giáp xã Tân An, xã Hòa An, lập cọc gỗ làm giới.

Toàn diện tích xã là 2295.9.14.9 (*đọc là 2295 mẫu 9 sào 14 thước 9 tấc*) gồm Công điền là 190 mẫu 2 sào 1 thước 5 tấc; Tư điền là 290 mẫu 8 sào 11 thước



Hòn Lao trong địa bộ xã Tân Hiệp thời Bảo Đại

3 tấc; Công thổ là 4 mẫu 3 sào; Tư thổ là 5 mẫu 5 sào 1 tấc; Công điền cho nơi khác là 1 sào; Tư điền của người nơi khác là 1 mẫu 6 sào; Thần từ Phật tự là 5 mẫu; Mộ địa là 372 mẫu 2 sào 14 thước; Thổ phụ là 260 mẫu 1 sào 8 thước; Hoang nhân là 1165 mẫu 9 sào 10 thước.

2. Các làng xã thuộc thuộc Võng Nhi, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn

2.1. Đại An xã

Về địa giới, xã Đại An Đông giáp xã phụ lũy Phúc An, lại giáp xã Thanh Hà (*tổng Phú Chiêm hạ, huyện Diên Khánh*) và biển; Tây giáp xã Hà My (*tổng Phú Chiêm hạ*), lập cọc gỗ làm giới; Nam giáp xã Thanh Hà (*tổng Phú Chiêm hạ*), lập cọc gỗ làm giới; Bắc giáp xã Hà Mỹ (*tổng Phú Chiêm hạ*), lập cọc gỗ làm giới.

Toàn diện tích xã là 869.2.10.0 (*đọc là 869 mẫu 2 sào 10 thước*), gồm Cát trắng là 450 mẫu 6 sào 10 thước; Hoang nhân là 418 mẫu 6 sào.

2.2. Đê Võng xã

Về địa giới, xã Đê Võng Đông giáp xã Hoa Phố (*tổng Phú Chiêm hạ*), lấy bờ ruộng làm giới; Tây, Bắc giáp xã Hoa Phố, xã An Mỹ (*đều thuộc tổng Phú Chiêm hạ*); Nam giáp xã Hoa Phố (*tổng Phú Chiêm hạ*).

Toàn diện tích xã là 24.4.8.6 (*đọc là 24 mẫu 4 sào 8 thước 6 tấc*), gồm Tư điền là 2 mẫu 9 sào 8 thước 6 tấc; Thần



từ là 1 mẫu 4 sào 4 thước; Cát trắng là 20 mẫu 11 thước.

* Đê Võng xã (*phụ chép năm Minh Mạng thứ 12 – 1831*):

- Không có tứ vi.
- 1 sở khẩu để trúc đăng.

2.3. Tân Hiệp phường

Về địa giới, phường Tân Hiệp Đông giáp biển và núi; Tây giáp núi; Nam giáp biển và núi; Bắc giáp biển.

Toàn diện tích phường là 27.9.5.0 (*đọc là 27 mẫu 9 sào 5 thước*), gồm Tư điền là 16 mẫu 8 sào 3 thước; Thần từ là 4 sào 2 thước; Hoang nhân là 10 mẫu 7 sào.

2.4. Thanh Châu xã

Về địa giới, xã Thanh Châu Đông giáp xã Hoa Phố (*tổng Phú Chiêm hạ, Diên Khánh*) và sông; Tây giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, xã An Mỹ, xã Hoa Phố (*đều thuộc tổng Phú Chiêm hạ*) và sông; Nam, Bắc giáp xã Hoa Phố và sông.

Toàn diện tích xã là 409.1.8.7 (*đọc là 409 mẫu 1 sào 8 thước 7 tấc*), gồm Tư điền là 367 mẫu 3 sào 11 thước 2 tấc; Tư thổ là 4 sào 7 thước 5 tấc; Thần từ là 1 mẫu 1 sào 5 thước; Mộ địa là 6 mẫu 6 sào; Hoang nhàn là 33 mẫu 6 sào.

3. Các làng xã thuộc thuộc Hoa Châu, huyện Duy Xuyên, phủ Thăng Hoa

3.1. Kim Bồng châu

Về địa giới, Kim Bồng châu Đông giáp xã phụ lục Cẩm Phố, xã Thanh Hà (*đều thuộc tổng Phú Chiêm hạ, huyện Diên Khánh*), châu Hà Da, châu Trà Nhiêu và sông; Tây giáp xã An Phúc (*tổng An Lạc hạ*), xã Phú Chiêm (*tổng An Nhơn trung, huyện Diên Khánh*); Nam giáp xã phụ lục Cẩm Phố (*tổng Phú*

Chiêm hạ) và sông; Bắc giáp xã Thanh Hà, lấy bờ ruộng làm giới.

Toàn diện tích là 544.9.4.6.5.5 (*đọc là 544 mẫu 9 sào 4 thước 6 tấc 5 phân 5 ly*), gồm Tư thổ là 518 mẫu 4 sào 3 thước 1 tấc 5 phân 5 ly, trong đó Thực trung là 447 mẫu 6 sào 3 thước 8 tấc 5 ly, Lưu hoang là 70 mẫu 7 sào 14 thước 3 tấc 5 phân; Thần từ là 10 mẫu 1 sào 14 thước 5 tấc; Mộ địa là 10 mẫu 3 sào 2 thước; Hoang nhàn, cát là 6 mẫu.

Ngoài ra có khe 50 tầm.

Tóm lại, những làng xã ở Hội An được đề cập trong tập sách cung cấp nhiều thông tin có giá trị để nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển làng xã Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung ♦



Một góc làng Kim Bồng - ảnh Hồng Việt, 2015

TIN TỨC – SỰ KIỆN

Tiếp nhận Tình nguyện viên JICA - bà Tanaka Saki đến làm việc tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Bảo Vy



Với mục tiêu góp phần bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa Hội An cũng như tăng cường mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Hội An - Việt Nam và Nhật Bản, trong những năm qua, tổ chức JICA - Nhật Bản đã phái cử nhiều tình nguyện viên đến làm việc, hỗ trợ Trung tâm trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An. Ngày 02/4/2018 vừa qua, Trung tâm đã tiếp nhận thêm tình nguyện viên mới của JICA phái cử đến hỗ trợ trong công tác bảo tồn di sản là bà Tanaka Saki, người kế nhiệm bà Chikara Wakako vừa kết thúc nhiệm kỳ hồi đầu tháng 7/2017. Bà Tanaka Saki tốt nghiệp tại Đại học Nghệ thuật và Thiết kế Kyoto, từng công tác trong các lĩnh vực bảo tàng, điện ảnh và thiết kế.

Trao đổi tại buổi tiếp nhận tình nguyện viên mới, ông Phạm Phú Ngọc - Phó Giám đốc Trung tâm bày tỏ sự cảm kích đối với Văn phòng JICA đã luôn kịp thời trong công tác phái cử tình nguyện viên đến làm việc tại Trung tâm, đồng thời tin tưởng rằng với những kinh nghiệm của mình, tình nguyện viên Tanaka Saki sẽ tích cực hỗ trợ Trung tâm trong thiết kế, trưng bày hệ thống các bảo tàng ở Hội An. Trung tâm sẽ luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tình nguyện viên có thể công tác tốt, thực hiện nhiệm vụ đạt được những kết quả tích cực. Đáp lại, đại diện JICA, ông Ohi Toshiaki - cố vấn cao cấp chương trình JOCV và bà Nguyễn Thị Ngu - cán bộ JICA đã đánh giá cao thiện chí và mong muốn sẽ tạo được mối liên kết và phối hợp chặt chẽ giữa Trung tâm và tình nguyện viên Tanaka Saki. Sau buổi làm việc, tình nguyện viên Tanaka Saki đã thăm và chào xã giao tại các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm. Cùng ngày, Trung tâm và đại diện JICA cũng đưa tình nguyện viên Tanaka Saki đến thăm và chào xã giao tại UBND thành phố.

Tình nguyện viên Tanaka Saki sẽ có 01 tháng học tiếng Việt tại Đà Nẵng trước khi chính thức làm việc tại Trung tâm vào giữa tháng 5 đến với nhiệm kỳ 2 năm ♦

Tọa đàm về nghề đóng ghe thuyền ở Hội An, xứ Quảng

Hồng Việt

Sáng ngày 9/4, tại hội trường Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã diễn ra tọa đàm với chủ đề Nghề đóng ghe thuyền truyền thống ở Hội An, xứ Quảng. Tọa đàm này được tổ chức bởi sự phối hợp giữa Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An, Chi hội Văn nghệ Dân gian Hội An và Hội Khoa học Kỹ thuật Công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Tham dự buổi tọa đàm có ông Đỗ Thái Bình - Phó chủ tịch Hội Khoa học Kỹ thuật Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TS. Nguyễn Thị Huyền Trang - Đại học Bách khoa Đà Nẵng, nhà văn Nguyên Ngọc, các nhà nghiên cứu ở Hội An và đông đảo sinh viên Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Tại buổi tọa đàm, sau khi nghe các báo cáo tham luận, các đại biểu đã trao đổi nhiều vấn đề thú vị liên quan đến ghe bầu Hội An, xứ Quảng từ tiếp cận dân gian đến góc độ kỹ thuật, cũng như sự cần thiết và những vấn đề cần quan tâm trong nghiên cứu về ghe thuyền truyền thống ở Việt Nam.

Tọa đàm này mang ý nghĩa gợi mở tiếp cận nghiên cứu ghe thuyền truyền thống một cách toàn diện để làm sáng tỏ các vấn đề về văn hóa, kỹ thuật, kinh nghiệm hàng hải và bản lĩnh chinh phục sông nước, biển cả, hướng tiếp cận và khai thác biển của người Việt ♦

Tham vấn cộng đồng về tín ngưỡng thờ cúng ông Táo ở Hội An

Trang Thi

Thờ cúng ông Táo là một trong những hình thức tín ngưỡng có từ lâu



trong đời sống văn hóa của dân tộc nói chung, tại Hội An nói riêng. Để nhận diện rõ hơn những biểu hiện của tín ngưỡng này phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An, sáng ngày 12/4 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi tham vấn cộng đồng về tín ngưỡng thờ cúng ông Táo ở Hội An. Tham dự buổi tham vấn có các vị cao niên am hiểu về văn hóa truyền thống đến từ các địa phương trên địa bàn thành phố. Tại buổi tham vấn có nhiều ý kiến trao đổi, đóng góp thú vị liên quan đến thời gian, địa điểm, lễ vật, người đứng cúng, trình tự cúng ông Táo ở Hội An xưa và nay. Buổi tham vấn cũng hé mở nhiều thông tin dân gian về các tập tục, niềm tin, kiêng cử liên quan đến ông Táo, bếp núc,... cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ♦

Hoạt động làm quen với Di sản

Lê Thị Tuấn

Ngày 12 và 17 tháng 4 năm 2018, Bảo tàng Hội An tổ chức cho 40 em học sinh của Trường Mầm non Vườn Ươm tham quan, trải nghiệm tại vườn rau Trà Quế, 272 em học sinh Trường Mầm non Cửa Đại và Cẩm Châu tham quan Bảo tàng Hội An.



Đến với làng rau Trà Quế các em được xem bác nông dân làm rau và nhận biết một số loại rau, phân biệt các bộ phận của rau xà lách, hành,... qua tiết học ngoài trời. Tại Bảo tàng Hội An, các em được nghe kể chuyện về Ông Xí mà qua hiện vật “đôi găng xí mà” trưng bày tại bảo tàng,...Ngoài ra, các em đến với bảo tàng còn được tham gia những hoạt động vui chơi gắn với việc giáo dục môi trường như làm thùng rác, cây xanh bằng giấy...

Đây là hoạt động rất hữu ích, góp phần bồi dưỡng ý thức gìn giữ di sản cho thế hệ mầm non hôm nay để ngày mai các em là những công dân Phố Hội tiếp tục sự nghiệp vun đắp gìn giữ tài sản vô giá mà cha ông để lại ♦

Tiếp Ông Patrick Scott, phóng viên báo The New York Times (Mỹ)

Diệu Châu

Chiều ngày 16/4/2018, ông Patrick Scott, phóng viên tờ báo The New York Times (Mỹ) đã đến làm việc tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. The New York Times là tờ báo xuất bản tại thành phố New York và phân phối ở khắp Hoa Kỳ cũng như nhiều nơi trên thế giới. Ông Patrick Scott đến Hội



An để có sự trải nghiệm thực tế tại vùng đất xứ Quảng và viết bài giới thiệu về văn hóa, du lịch Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung. Trong buổi nói chuyện, ông đã tìm hiểu về văn hóa Hội An, đặc biệt là thời kỳ sơ khai người Nhật đến Hội An lập phố, xây dựng chùa Cầu - biểu tượng của Hội An ngày nay, đồng thời ông cũng trao đổi về công tác quản lý và những quy định về bảo tồn di sản, nhà cổ hiện nay của chính quyền Hội An. Cuối buổi làm việc, Ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm cũng đã giới thiệu, chia sẻ cho ông Patrick một số địa điểm tham quan ở Hội An, chúc ông có một chuyến đi thật thành công, đây ý nghĩa khi đến với phố cổ Hội An ♦

Tham dự hội thảo “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới quần thể danh thắng Tràng An gắn với phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình”

Hồng Việt

Quần thể danh thắng Tràng An - Ninh Bình được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa - thiên nhiên thế giới vào 25/6/2014. Nhân kỷ niệm 1050 năm nhà nước Đại Cồ Việt, cũng như với mục đích bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị của quần thể danh thắng Tràng An



trong tương lai, ngày 20/4 vừa qua, UBND tỉnh Ninh Bình đã tổ chức hội thảo với chủ đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới quần thể danh thắng Tràng An gắn với phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình”. Đồng chủ trì hội thảo có GS.TSKH Lưu Trần Tiêu - Chủ tịch Hội đồng Di sản quốc gia; ông Đinh Trung Phụng - Phó chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. Tham dự hội thảo có đại biểu Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện khoa học địa chất và khoáng sản Việt Nam, các nhà khoa học trong và ngoài nước, các cơ quan quản lý di sản thế giới Thành nhà Hồ, Quần thể di tích cố đô Huế, Đô thị cổ Hội An, doanh nghiệp khai thác du lịch, lãnh đạo UBND tỉnh Ninh Bình và các cơ quan ban ngành của tỉnh. Có 24 bài tham luận khoa học tham gia hội thảo. Hội thảo đã lắng nghe một số báo cáo tham luận và nhiều ý kiến phát biểu tâm huyết, trách nhiệm, khoa học nhằm hướng đến mục tiêu bảo tồn và phát huy hiệu quả, bền vững các giá trị của di sản thế giới Tràng An.

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử ông Võ Hồng Việt tham dự hội thảo này với bài tham luận về những kinh nghiệm trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới Đô thị cổ Hội An ♦

Lễ cúng cầu an tại di tích đình Sơn Phô, phường Cẩm Châu

Hoàng Phúc



Nhằm tri ân tiên tổ và thể hiện sự thành kính đối với các bậc tiền nhân có công trong việc khai cơ lập ấp, dựng làng, hăng năm, bà con nhân dân khối Sơn Phô, phường Cẩm Châu tổ chức lễ tế xuân cầu an tại di tích đình Sơn Phô vào ngày 16/3 âm lịch. Lễ cúng năm nay diễn ra trong hai ngày 30/4 và 1/5 dương lịch. Ngày thứ nhất cúng lễ túc - làm lễ cáo yết để báo cáo, mời thỉnh các chư thần. Ngày thứ hai là ngày tế lễ chính, gồm lễ tế âm linh và cúng kỳ yên. Lễ cúng diễn ra trong không khí tôn nghiêm, trang trọng theo nghi thức truyền thống, thu hút đông đảo bà đến tham dự. Bên cạnh việc cầu cho mưa thuận gió hòa, dân tình yên ổn, làm ăn phát triển thịnh vượng, tránh được thiên tai, dịch bệnh, thông qua lễ cúng, cộng đồng cư dân địa phương còn cầu mong cho những âm linh xiêu mô lạc nầm, chiến sĩ trận vong... được siêu thoát, không quấy phá dân làng. Lễ cúng cầu an tại di tích đình Sơn Phô là một hoạt động tín ngưỡng, mang tính cộng đồng cao, cần được duy trì và tiếp tục phát huy ♦

Tham vấn cộng đồng về lễ cúng tất niên và cúng giao thừa ở Hội An

Lệ Xuân



Bên cạnh di sản văn hóa vật thể, bộ phận di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An cũng hết sức phong phú, đa dạng, góp phần tạo nên đặc trưng của văn hóa Hội An. Trong đó, những tập tục, lễ nghi trong sinh hoạt thường ngày là rất đặc trưng của cộng đồng cư dân Hội An. Đặc biệt, lễ cúng tất niên và lễ cúng giao thừa là những lễ tục truyền thống quan trọng trong dịp Tết nguyên đán của dân tộc nói chung, ở Hội An nói riêng.

Trong những năm qua, những thông tin liên quan đến lễ tiết, lễ tết ở Hội An đã được tìm hiểu, thu thập. Tuy nhiên, việc thu thập chưa được đầy đủ so với những giá trị hiện hữu của bộ phận di sản này. Theo thời gian, ký ức về những tập tục, lễ nghi ở Hội An dần dần bị mất đi làm mai một một bộ phận di sản văn hóa địa phương. Vì vậy, việc sưu tầm, nhận diện, nghiên cứu về lễ cúng tất niên và giao thừa ở Hội An là hết sức cần thiết. Với ý nghĩa đó, vào ngày 02/5 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi tham vấn cộng đồng về lễ cúng tất niên và giao thừa ở Hội An.

Tại buổi tham vấn, các cụ cao niên am hiểu về văn hóa địa phương đã trao

đổi sôi nổi, nhiệt tình xoay quanh những nội dung về thời gian, mục đích cúng tế, đối tượng cúng tế, các thủ tục, diễn trình của lễ cúng, những lễ vật, những kiêng cử trong lễ cúng tất niên và giao thừa ở Hội An trước đây và hiện nay. Mặc dù thời gian của buổi tham vấn không nhiều nhưng bà con nhân dân đã cung cấp nhiều thông tin hết sức thú vị, thể hiện được nét đặc trưng về lễ cúng tất niên và lễ cúng giao thừa ở Hội An, góp phần nhận diện rõ hơn về những lễ tục trong dịp tết cổ truyền của địa phương ♦

Sinh hoạt chuyên đề trao đổi về Quy trình lễ cúng xóm cầu an ở Hội An

Ngọc Hương



Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/ĐU ngày 24/7/2017 của Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An về việc Đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017 - 2019, vào chiều ngày 3/5 vừa qua, Công đoàn cơ sở Trung tâm đã tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề trao đổi về “*Quy trình lễ cúng xóm cầu an ở Hội An*”. Tham dự buổi sinh hoạt chuyên đề có đồng chí Nguyễn Chí Trung - Bí thư Đảng ủy Trung tâm, các đồng chí trong Ban giám đốc, đại diện các đoàn thể cùng các cán bộ chuyên môn của Trung tâm. Mở đầu buổi sinh hoạt, đồng chí

Trần Phương - chuyên viên phòng Quản lý Di tích đã báo cáo sơ lược về quy trình lễ cúng xóm cầu an ở Hội An thông qua tiếp cận lễ cúng xóm cầu an tại khu miếu ấp Thanh Chiêm ở Thanh Hà.

Trên tinh thần trao đổi khoa học, buổi sinh hoạt chuyên đề đã diễn ra trong không khí sôi nổi, đã thông tin một số nội dung cơ bản về lễ cúng xóm cầu an ở Hội An, cũng như đã gợi mở nhiều hướng tiếp cận, nhiều khía cạnh, nội dung nghiên cứu chuyên sâu cùng những phương pháp thực hiện để việc nhận diện lễ cúng xóm cầu an ở Hội An được đầy đủ hơn.

Sinh hoạt chuyên đề về lịch sử - văn hóa, về bảo tồn di sản văn hóa Hội An, là một trong những hoạt động được Ban chấp hành công đoàn Trung tâm duy trì thường xuyên hằng năm nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, viên chức, lao động Trung tâm, qua đó tăng cường hiệu quả thực thi các nhiệm vụ được giao ♦

Bàn giao mặt bằng thi công sửa chữa nhỏ một số di tích và tu bổ phục dựng di tích nhà ông Nguyễn Vinh ở Cù Lao Chàm - xã Tân Hiệp

Ngọc Hương

Sáng ngày 11/5 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành của thành phố và UBND xã Tân Hiệp tiến hành bàn giao mặt bằng thi công sửa chữa nhỏ một số di tích ở Cù Lao Chàm gồm lăng Tiên Hiền, giếng Xóm Cấm, giếng xóm Đình, miếu Thổ Thần, miếu Cô và tu bổ phục dựng di tích nhà ông Nguyễn Vinh cho đơn vị thi công là Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Thái. Tổng kinh phí đầu tư được phê duyệt để sửa chữa,



tu bổ phục dựng các di tích nêu trên là 1.766.110.000 đồng, từ nguồn ngân sách của thành phố Hội An. Trong đó sửa chữa nhỏ các di tích là 775.243.000 đồng; phục dựng nhà ông Nguyễn Vinh là 990.867.000 đồng. Thời gian thi công hoàn thành các công trình sửa chữa nhỏ trong 60 ngày, tu bổ phục dựng nhà ông Nguyễn Vinh là 45 ngày.

Việc sửa chữa và tu bổ, phục hồi các di tích này nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích tại Cù Lao Chàm nói riêng, di sản văn hóa Hội An nói chung ♦

Lễ đón Bằng UNESCO vinh danh Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

Hồng Việt

Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam (ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Đà Nẵng) là một loại hình nghệ thuật đa dạng, kết hợp âm nhạc, thơ ca, diễn xuất, hội họa và văn học. Loại hình nghệ thuật này được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào ngày 07/12/2017, tại Phiên họp Ủy ban Liên Chính phủ Công ước



2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 12 của UNESCO diễn ra tại Jeju, Hàn Quốc.

Vào tối ngày 7/5/2018, tại phố cổ Hội An, UBND tỉnh Quảng Nam đã long trọng tổ chức lễ đón Bằng UNESCO vinh danh Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Từ Bảo tàng Hội An, Bằng của UNESCO được hàng trăm nghệ nhân hô hát Bài chòi Quảng Nam rước trên kiệu hoa diễu hành qua các ngã đường phố cổ dưới ánh đèn lồng lung linh về không gian tổ chức lễ đón nhận tại sân khấu công viên Đồng Hiệp trong sự hân hoan chào mừng của nhân dân và du khách. Đúng 20h20, buổi lễ đón bằng chính thức bắt đầu và được truyền hình trực tiếp trên kênh truyền hình QRT.

Tham dự buổi lễ có bà Phạm Thị Thanh Hương - Đại diện Văn phòng UNESCO Việt Nam tại Hà Nội; về phía các cơ quan Trung ương có ông Nông Quốc Thành - Phó Cục trưởng, Cục Di sản Văn hóa, ông Dương Quốc Thanh - Phó Vụ trưởng Vụ Văn hóa, Bộ Ngoại giao; về phía tỉnh Quảng Nam có ông Đinh Văn Thu - Chủ tịch UBND tỉnh, ông Võ Xuân Ca - Chủ tịch UBND tỉnh, ông Nguyễn Chín - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các đại biểu trong Ban thường trực HĐND - UBND tỉnh, đại biểu lãnh đạo sở ban

ngành và các địa phương của tỉnh Quảng Nam, đại biểu lãnh đạo UBND tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh Trung Bộ và hàng trăm nghệ nhân hô hát bài chòi cùng hàng nghìn người người dân địa phương và du khách.

Tại buổi lễ, trước sự chứng kiến của đại diện Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, các đại biểu cùng nhân dân và du khách, ông Đinh Văn Thu đã long trọng trao Bằng UNESCO vinh danh Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại cho lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.

Ngoài việc giới thiệu các giá trị của Nghệ thuật Bài chòi và ý nghĩa của việc UNESCO vinh danh Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, tại buổi lễ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng UBND tỉnh Quảng Nam đã trao tặng bằng khen cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Nghệ thuật Bài chòi trong thời gian qua. Cuối buổi lễ là chương trình giao lưu nghệ thuật hô hát bài chòi giữa các địa phương trong tỉnh♦

Lễ cầu ngư ở làng Ông Ngư - Cù Lao Chàm

Hồng Việt

Di tích lăng Ông Ngư ở thôn Bãi Làng - xã Tân Hiệp là một trong những công trình kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu ở Cù Lao Chàm. Di tích đã được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích cấp quốc gia vào ngày 13/12/2006. Hằng năm vào ngày mùng 3-4 tháng 4 âm lịch, tại di tích, cộng đồng ngư dân Cù Lao Chàm long trọng tổ chức lễ cầu ngư theo nghi thức truyền thống nhằm tạ ơn và



cầu mong ngài Nam Hải cùng chư thần biển phù hộ, độ trì cho ngư dân làm ăn được bình an, thuyền về tôm cá đầy khoang.

Năm nay, lễ cầu ngư tại di tích lăng Ông Ngư được tổ chức quy mô, bài bản với sự tham dự của đông đảo người làm nghề trên biển và cộng đồng cư dân trên đảo. Ngày đầu tiên là lễ nghinh thần, lễ túc và diễn xướng bả trạo, ngày thứ hai là lễ tế âm linh và lễ chính tế Ông Ngư. Bên cạnh phần lễ, trong dịp này cộng đồng cư dân còn tổ chức một số hoạt động vui chơi thể thao như bơi lội, lắc thúng chai, kéo co dưới nước,... vừa rèn luyện sức khỏe, đồng thời cũng thể hiện tinh thần đoàn kết, chinh phục khó khăn trong cuộc sống mưu sinh ♦

Sinh viên trường Đại học RMIT, Úc thực hiện chương trình nghiên cứu về thích ứng biến đổi khí hậu, thiên tai tại Hội An

Bảo Vy

Ngày 18/5/2018, tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã diễn ra buổi báo cáo nghiên cứu của nhóm các học viên cao học, thuộc chương trình về Thiên tai, Thiết kế và Phát triển, đến từ trường Đại học RMIT, Úc do Giáo sư John làm trưởng đoàn. Buổi báo cáo tập trung vào việc đánh giá



thực trạng tại Hội An trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai và phát triển đô thị; tính dễ bị tổn thương của Hội An trước các thách thức khí hậu, đặc biệt về lũ lụt và nước biển dâng, thông qua đó nhóm nghiên cứu đề ra cách tiếp cận về lập kế hoạch thích ứng và một số khuyến nghị, đề xuất để nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng cho Hội An trước các rủi ro khí hậu, đặc biệt là ngập lụt. Buổi báo cáo này là kết quả của một tuần làm việc của nhóm tại Hội An thông qua các đợt khảo sát thực địa, đánh giá thực trạng một số khu vực dễ bị tổn thương, tham vấn các chuyên gia địa phương và người dân các vấn đề về biến đổi khí hậu, ngập lụt và khả năng thích ứng. Buổi báo cáo đã nhận được sự quan tâm của các cơ quan địa phương tham gia góp ý cho nhóm trong việc điều chỉnh và hoàn thiện kết quả báo cáo cuối cùng để đáp ứng được các mục tiêu, định hướng phát triển của thành phố Hội An nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung ♦

Các em tham gia chương trình “Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng” và giao lưu với nghệ sĩ Kiều MaiLy

Khiếu Thị Hoài

Sáng thứ bảy vừa qua, tại bảo tàng Hội An, những em nhỏ tham gia chương



trình “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức đã được giao lưu với nghệ sĩ Kiều MaiLy - người Chăm ở Ninh Thuận. Kiều MaiLy là một nghệ sĩ múa tự do, một người làm công việc nghiên cứu độc lập và là một nhà thơ. Nghệ sĩ đã có những tập sách được xuất bản như “*Độc đảo âm thực Chăm*”, “*Palei Phước Nhơn của tôi*”, “*Giữa hai khoảng trống*”.

Trong chương trình “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” diễn ra ở bảo tàng Hội An sáng thứ bảy vừa qua, các em nhỏ đã được nghệ sĩ Kiều MaiLy chia sẻ về nét đặc trưng hoa văn trên trang phục của người Chăm, hướng dẫn cách cắt và trang trí áo dài của người Chăm trên chất liệu giấy. Cũng trong chương trình, các em nhỏ đã được xem nghệ sĩ Kiều MaiLy biểu diễn một điệu múa Chăm. Đặc biệt, các em rất thích thú với một món bánh Kazaya của người Chăm do chính Kiều MaiLy thực hiện. Cuối chương trình giao lưu và trải nghiệm, các em nhỏ đã chụp ảnh lưu niệm với nghệ sĩ Kiều MaiLy tại khu vực trưng bày những hiện vật, hình ảnh về văn hóa Chăm ở Hội An tại Phòng trưng bày chuyên đề Lịch sử - văn hóa Hội An.

Chương trình “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” Trung tâm

Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức định kỳ vào các buổi sáng thứ bảy hàng tuần nhằm giới thiệu những giá trị của bảo tàng nói riêng, di sản văn hóa Hội An nói đến với thế hệ trẻ, qua đó gieo vào lòng các em nhỏ Hội An niềm tự hào và yêu mến di sản văn hóa của cha ông ♦

Lễ cúng cơm mới ở Hội An

Phước Tịnh



Cúng cơm mới là một lễ lệ có từ xa xưa, cho đến nay vẫn còn duy trì tại một số địa phương ở Hội An. Lễ cúng cơm mới ở Hội An thường diễn ra sau vụ thu hoạch chính - vụ Đông Xuân. Thời gian cúng không quy định cụ thể mà thường căn cứ vào thời hạn thu hoạch lúa về nhà. Thông thường vào tháng 3 âm lịch.

Qua khảo sát thực địa, tại phường Cẩm Châu hiện nay có một số hộ gia đình còn tổ chức cúng cơm mới, trong đó tiêu biểu là trường hợp hộ gia đình bà Trần Thị Hương ở khối Sơn Phô 2, phường Cẩm Châu. Bà Hương cho biết, cúng cơm mới nhằm tạ ơn các vị thần, đặc biệt là Thần Nông đã bảo vệ mùa màng tươi tốt, bội thu và cầu cho vụ lúa tiếp theo tiếp tục được mùa hơn.

Năm nay, sau vụ thu hoạch Đông Xuân, vào ngày 25/5/2018 gia đình bà Hương đã tổ chức lễ cúng cơm mới. Lễ

cúng được tổ chức vào buổi sáng. Lễ vật gồm mâm cơm với 14 chén cơm được nấu từ gạo lúa mới, trên mỗi chén có muối đậu. Bên cạnh đó, lễ vật còn có hương đèn, áo giấy. Sau khi kết thúc lễ cúng, mọi người trong gia đình cùng thưởng thức cơm mới sau một vụ mùa thu hoạch.

Việc duy trì lễ cúng cơm mới như tại gia đình bà Trần Thị Hương đã góp phần gìn giữ, bảo tồn nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, thể hiện đạo lý “*uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” của cư dân làm nông nghiệp nói chung, trồng lúa nói riêng ở Hội An

Tổ chức hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá Bảo tàng” cho học sinh tại xã đảo Tân Hiệp (Cù Lao Chàm)

Lê Thị Tuấn



Hoạt động “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” là một cách tiếp cận mới để đưa di sản đến với học đường đã được Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức thường xuyên từ năm 2013 đến nay với sự tham gia tích cực của các học sinh tại các trường học trên địa bàn thành phố thuộc khu vực đất liền. Để tạo điều kiện cho các em

học sinh ở xã đảo tham gia, trong những ngày từ 28-30/5, lần đầu tiên hoạt động này được Trung tâm tổ chức tại trường Quang Trung xã Tân Hiệp bằng hình thức riêng nhưng hết sức thú vị, phù hợp với điều kiện không thể tiếp cận thực tế bảo tàng. Qua hoạt động các em học sinh tại xã đảo say sưa tìm hiểu di sản của quê hương qua hình ảnh được trình chiếu và tham gia hoạt động trải nghiệm tích hợp môn học Mỹ thuật vẽ tô hình Chùa Cầu, vẽ tranh trên lồng bình và nặn hình bằng đất sét với những hình ảnh về ngôi nhà hạnh phúc hay mái trường xanh. Sắp đến hoạt động này sẽ được tiếp tục thực hiện tại Tân Hiệp để các em học sinh có điều kiện tiếp cận các thông tin về di sản văn hóa của địa phương

Bàn giao đưa vào sử dụng di tích lăng ông Ngọc - Khối Ngọc Thành - Phường Cẩm Phô – Hội An

Ngọc Hương

Di tích lăng ông Ngọc ở khối Ngọc Thành, phường Cẩm Phô là di tích kiến trúc nghệ thuật, được ghi vào danh mục bảo vệ của Thành phố năm 2000. Di tích là nơi thờ cúng tiền hiền và các vị thần bảo hộ của cư dân ấp Ngọc Thành xưa. Trải qua thời gian sử dụng, di tích bị xuống cấp và đã được UBND thành phố Hội An thống nhất chủ trương tu bổ. Sau hơn 4 tháng thi công tu bổ, đầu tháng



5/2018, công trình tu bổ di tích lăng ông Ngọc được hoàn thành. Tổng mức đầu tư tu bổ di tích là 1.187.114.000 đồng, từ nguồn ngân sách của thành phố Hội An. Chiều ngày 14/5, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành thành phố, UBND phường Cẩm Phô tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng di tích nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng nhân dân địa phương. Việc tu bổ hoàn thành di tích góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa Hội An

Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên có tính chất xây dựng cơ bản đợt II năm 2018

Ngọc Hương

Trên cơ sở quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND thành phố Hội An về việc phê duyệt danh mục bố trí vốn và phân công chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2018, vào ngày 15/5/2018, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 755/QĐ-UBND về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên có tính chất xây dựng cơ bản đợt II năm 2018 cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An từ nguồn vốn ngân sách thành phố bố trí trùng tu các di tích nhà nước, tư nhân tập thể. Theo quyết định này tổng số kinh phí được phân bổ đợt II là 2.097.145.000 đồng. Trong đó, bố trí cho các công trình tu bổ di tích nhà nước là 2.063.645.000 đồng, hỗ trợ tu bổ các di tích tư nhân tập thể và chi thường xuyên có tính chất xây dựng cơ bản là 33.500.000 đồng. Việc

ban hành quyết định phân bổ kế hoạch vốn đợt này tạo điều kiện cho công tác tu bổ di tích và thực hiện các hoạt động chuyên môn nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An

Sinh hoạt chuyên đề trao đổi về công tác tu bổ di tích

Hồng Việt



Với mục đích nâng cao chất lượng công trình tu bổ di tích, đáp ứng các nguyên tắc về bảo tồn di sản kiến trúc theo các công ước quốc tế, vào chiều 25/5 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề về công tác tu bổ di tích. Tham dự buổi sinh hoạt chuyên đề, ngoài Ban Giám đốc, các cán bộ chuyên môn làm công tác nghiên cứu, công tác chuẩn bị đầu tư và giám sát tu bổ di tích, tình nguyện viên JICA đang làm việc tại Trung tâm còn có giám đốc, phó giám đốc và nhân viên kỹ thuật của 9 đơn vị thi công, đơn vị tư vấn thiết kế và tư vấn giám sát tu bổ di tích.

Tại buổi sinh hoạt chuyên đề, sau nghi nghe các báo cáo về: Quy trình tu bổ di tích, Một số hạn chế trong công tác tu bổ di tích ở Hội An, Giới thiệu một số quy định về phương pháp ghi lại công trình vào ảnh ở Nhật Bản, Một số

phương pháp để cải thiện môi trường trong công trường, các thành viên tham dự đã trao đổi cởi mở, chia sẻ chân tình nhiều vấn đề liên quan đến công tác tu bổ di tích ở Hội An hiện nay. Trong đó có những vấn đề cần cải thiện, khắc phục hoặc ưu tiên quan tâm thực hiện để công tác tu bổ di tích đạt hiệu quả hơn. Riêng về phía các đơn vị thi công, một vấn đề được quan tâm trao đổi nhiều nhất là định mức vật liệu và nhân công thực hiện công tác tu bổ di tích chưa hợp lý làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình tu bổ di tích.

Kết quả của buổi sinh hoạt chuyên đề này có ý nghĩa hết sức thiết thực, vừa mang tính chất như buổi tập huấn về công tác tu bổ di tích, cũng vừa là diễn đàn để Trung tâm nắm bắt những ý kiến phản hồi từ các đơn vị thi công để có những đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp vì mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa thế giới Hội An

Lễ Phật đản Phật lịch 2562 tại Hội An

Phước Tịnh

Thường niên, từ ngày 14/4 đến ngày 15/4 Âm lịch, tại thành phố Hội An, Ban trị sự giáo hội Phật giáo thành phố Hội An và ban Trị sự các chùa Phật đã long trọng tổ chức lễ Phật đản tại chùa Pháp Bảo. Trước ngày lễ chính, Ban trị sự Phật giáo Thành phố tổ chức nhiều chương trình hoạt động như thắp sáng 7 đóa sen tại sông Hoài, lễ rước Phật Đản sanh, lễ tắm Phật, diễu hành xe đạp có cờ Phật giáo đi quanh thành phố... Ngoài những hoạt động tổ chức thường niên vào dịp lễ Phật đản, điểm mới năm



nay, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo thành phố Hội An đã tổ chức thi hội thi tiếng hát Phật tử với quy mô lớn.

Lễ Phật đản chính thức được tổ chức vào lúc 19h ngày 14/4 Âm lịch (nhằm ngày 28/5/2018). Tham dự lễ Phật đản có đại diện của các cơ quan, ban ngành của thành phố, đông đảo chư tăng ni, đại đức, thượng tọa, hòa thượng của các chùa, tịnh xá cùng Phật tử, gia đình Phật tử trên địa bàn thành phố. Sau tiết mục văn nghệ chào mừng, đại diện giáo hội Phật giáo thành phố Hội An đọc thông điệp của đức Pháp chủ giáo hội Phật giáo Việt Nam và thông điệp của Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Nam gửi chư tăng ni, gia đình Phật tử. Tiếp đến là đọc thư chúc mừng ngày lễ Phật đản của lãnh đạo thành phố Hội An. Sau khi lễ chính kết thúc, là lễ diễu hành cộ hoa đi qua một số tuyến đường của thành phố. Từ chùa Pháp Bảo đoàn diễu hành đi qua đường Phan Châu Trinh, qua cầu An Hội đi vào đường Nguyễn Phúc Chu qua đường Bạch Đằng và trở về đường Lê Lợi. Trên đường đi, đoàn diễu hành đã tổ chức phóng sanh đăng tại bờ sông Hoài.

Lễ Phật đản ngoài mục đích kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh còn nhằm cầu an cho chư tăng ni, Phật tử và đông đảo chúng sinh được duy trì thường

xuyên hàng năm tạo nên một điểm nhấn trong sinh hoạt Văn hóa – Lễ hội của địa phương

Triển lãm tranh mỹ thuật “Hội ngộ tháng 6” tại điểm dừng chân nhà số 57 - Trần Phú - Hội An

Thu Hương



Nằm trong chương trình giao lưu giữa Câu lạc bộ Mỹ thuật Đăk Lăk và Câu lạc bộ Mỹ thuật Hội An - Quảng Nam, vào chiều ngày 15/6, tại điểm dừng chân nhà số 57 Trần Phú - Hội An đã diễn ra buổi lễ khai mạc triển lãm tranh với chủ đề “*Hội ngộ tháng 6*”. Tham dự buổi lễ khai mạc có các đại biểu khách mời, các đồng nghiệp, bạn bè văn nghệ sĩ trong và ngoài nước của 21 tác giả có tranh tham gia triển lãm.

Những tác phẩm tham gia triển lãm có nội dung giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam. Triển lãm này kéo dài 1 tuần, từ ngày 15 - 21/6/2018. Trong thời gian triển lãm, các tác giả có chuyến thực địa tại Hội An để vẽ về con người và cảnh sắc Hội An nhằm quảng bá hình ảnh Di sản Hội An đến với bạn bè trong nước và thế giới

Hoạt động của nhóm cán bộ phụ trách việc tiếp đón, trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và trùng tu di tích ở Hội An với khách trong nước và quốc tế

Khiếu Thị Hoài

Nhằm thực hiện tốt công tác đón tiếp và trao đổi với các đoàn đến làm việc tại Trung tâm liên quan đến vấn đề quản lý, bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị Di sản Hội An cũng như hướng dẫn, giới thiệu các đoàn tham quan Khu phố cổ, vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã thành lập nhóm cán bộ phụ trách việc tiếp đón, trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và trùng tu Hội An với khách trong nước và quốc tế. Thành viên của nhóm là những cán bộ trẻ đang công tác tại một số phòng chuyên môn thuộc Trung tâm như phòng Quản lý Di tích, Bảo tàng, Hành chính Lưu trữ và Đối ngoại. Nhiệm vụ của nhóm là sau khi đón tiếp, giới thiệu đến các đoàn khách những giá trị lịch sử - văn hóa Hội An cũng như các giá trị nổi bật toàn cầu của khu di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An tại Trung tâm, nhóm sẽ đưa khách đi thực tế tìm hiểu về vấn đề quản lý, bảo tồn, trùng tu và phát huy di sản tại khu phố cổ. Những địa điểm dừng chân giới thiệu của nhóm là tại Công viên Kazik, các bảo tàng, các di tích đang được trùng tu hoặc những di tích vừa trùng tu xong... Trong quá trình di chuyển trên phố cổ, nhóm sẽ tổ chức trò chơi đòi hỏi sự quan sát của khách để cùng khám phá, nhận diện sự khác nhau của mặt tiền các ngôi nhà.

Từ khi thành lập đến nay, nhóm cán bộ này đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, khẳng định được vai trò của

mình trong hoạt động đối ngoại theo hướng chuyên môn để góp phần quảng bá về công tác bảo tồn, tu bổ di tích ở Hội An

Bổ sung mộ bà Nguyễn Quý Nương ở An Bang vào Danh mục di tích lịch sử - văn hóa của thành phố Hội An

Hoàng Phúc



Mộ bà Nguyễn Quý Nương (vợ ông *Thống suất họ Lê*) hiện tọa lạc tại tổ 17, khối An Bang, phường Thanh Hà là ngôi mộ có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, kiến trúc. Ngôi mộ xoay mặt về hướng Đông - Đông Bắc, xây bằng vữa vôi hợp chất, có quy mô khá bề thế, với diện tích khoảng 62,7m², tổng thể gồm có: tay ngai, bao bia và bia mộ, nắm mộ, quynh (*huynh*), bình phong hậu. Bia mộ làm bằng sa thạch, còn rất tốt, diềm bia trang trí hoa văn mang đặc trưng thời chúa Nguyễn. Dòng chữ chính trên bia có nội dung: *Hiển tử y phu Thống Suất*

Lê Hầu phối thất Nguyễn Quý Nương thụy Trinh Thục chi mộ. Mặc dù đã xuống cấp ở một số hạng mục, tuy nhiên tổng thể công trình vẫn còn khá hoàn chỉnh. Ngôi mộ có niên đại thế kỷ XVIII.

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa đã lập hồ sơ, trình và được UBND Thành phố thống nhất ghi ngôi mộ này vào Danh mục di tích lịch sử - văn hóa của thành phố Hội An tại Thông báo số 390/TB-UBND ngày 10/5/2018 của UBND Thành phố. Việc bổ sung ngôi mộ vào danh mục di tích của Thành phố là cơ sở quan trọng để các cấp chính quyền thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của ngôi mộ trong thời gian đến

Tập huấn về phương pháp đo vẽ ghe thuyền truyền thống ở Hội An

Hồng Việt



Ghe thuyền là một trong những phát minh quan trọng của loài người để phục vụ việc di chuyển trên môi trường sông nước, biển cả. Ở mỗi khu vực, ghe thuyền có những nét khác nhau về hình thức, cấu trúc, kỹ thuật đóng, tên gọi các chi tiết, bộ phận cấu thành. Tại Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung, ghe thuyền truyền thống mà cư dân dùng để đi lại, giao thương, hành nghề đánh bắt

thủy hải sản,... rất đa dạng về kích cỡ, hình thức, chất liệu, kỹ thuật đóng. Hiện nay, trước xu hướng hiện đại hóa và hội nhập, nhiều loại ghe thuyền truyền thống ở Hội An, Quảng Nam đang đứng trước nguy cơ bị mai một.

Với mục tiêu nghiên cứu, nhận diện những giá trị, đặc điểm của ghe thuyền truyền thống ở Hội An và khu vực lân cận, vừa qua Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với ông Đỗ Thái Bình - Phó Chủ tịch Hội khoa học kỹ thuật công nghiệp tàu thủy Việt Nam tổ chức buổi tập huấn trao đổi về phương pháp đo vẽ ghe thuyền truyền thống và thực hành đo vẽ mô hình ghe đang trưng bày tại bảo tàng Hội An. Phương pháp đo vẽ ghe thuyền được giới thiệu trong buổi tập huấn cũng chính là một trong những phương pháp nghiên cứu của ngành Dân tộc học hàng hải hiện nay♦

Gặp mặt cộng tác viên Bảo tồn Di sản 6 tháng đầu năm 2018

Khánh Vân

Ngày 28/6/2018, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi gặp mặt các cộng tác viên Bảo tồn Di sản 6 tháng đầu năm 2018 nhằm trao đổi những vấn đề liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An nói chung, khu phố cổ Hội An nói riêng. Tham dự buổi gặp mặt có 33 cộng tác viên, lãnh đạo Trung tâm và các phòng trực thuộc Trung tâm, đại diện UBND phường Cẩm Phô, Minh An, Sơn Phong. Trong buổi gặp mặt này, các cộng tác viên đã trao đổi sôi nổi những vướng mắc, kinh nghiệm, biện pháp trong công tác phối hợp nhằm thực hiện tốt hơn việc quản lý, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hoá Hội An.

Sau phần trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn, phát huy di sản, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã trao đổi, thông báo đến các cộng tác viên trong việc hỗ trợ đề chuẩn bị triển khai cho công tác điều tra, khảo sát tình hình tu bổ, sửa chữa, sử dụng di tích trong khu vực I Khu phố cổ trong thời gian đến♦

Công tác cấp phép và giám sát tu bổ di tích nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ 6 tháng đầu năm 2018

Ngọc Hương

Nhằm đáp ứng nhu cầu tu bổ, sửa chữa di tích nhà ở của người dân, góp phần bảo tồn các giá trị kiến trúc, cảnh quan trong khu phố cổ, từ đầu năm 2018 đến nay, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiếp nhận 128 lượt hồ sơ xin phép sửa chữa, tu bổ di tích nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ, trong đó: Khu vực I: có 39 hồ sơ, Khu vực IIA: có 37 hồ sơ, Khu vực IIB: có 52 hồ sơ. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét hồ sơ, Trung tâm đã tham mưu để UBND thành phố giải quyết cấp phép 117 hồ sơ, hướng dẫn trả lời bằng văn bản và gửi lại 03 hồ sơ cho công dân tại Trung tâm Hành chính công thành phố Hội An, đang thụ lý 5 hồ sơ, 03 hồ sơ còn lại chủ di tích xin rút để chỉnh sửa, bổ sung. Bên cạnh công tác tham mưu cấp phép, Trung tâm cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng, sửa chữa, tu bổ tôn tạo di tích nhà ở cũng như việc kinh doanh của của nhân dân trong khu phố cổ nhằm ngăn chặn việc sửa chữa, xây dựng sai phép, không phép làm ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan và sai lệch giá trị của di tích♦

Hoạt động đối ngoại của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trong 6 tháng đầu năm 2018

Ngọc Hương

Hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An nhằm quảng bá hình ảnh Hội An đến với bạn bè trong nước và thế giới, đồng thời qua đó tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ về công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Trung tâm đã triển khai kế hoạch hoạt động năm 2018 của Câu lạc bộ các Di sản Thế giới tại Việt Nam; hưởng ứng và phát động cuộc thi ảnh quốc tế của Tổ chức các thành phố di sản thế giới khu vực Châu Á-Thái Bình Dương; đón tiếp và làm việc với 4 đoàn khách quốc tế đến tìm hiểu, học tập kinh nghiệm về công tác quản lý và bảo tồn di sản Hội An; phối hợp chặt chẽ với tổ chức JICA - Nhật Bản tiếp tục thực hiện dự án “Đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông, ngư nghiệp vùng sâu vùng xa” như xây dựng bộ chương trình tuyến tham quan mới tại Cù Lao Chàm, hoàn chỉnh nội dung và thiết kế bản đồ du lịch Cù Lao Chàm; hỗ trợ các thủ tục cần thiết để trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (Nhật Bản) và trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội xử lý hiện vật khảo cổ tại Bãi Làng, Cù Lao Chàm; tiếp nhận tình nguyện viên Tanaka Saki của JICA đến hỗ trợ Trung tâm trong công tác bảo tàng; hỗ trợ tài liệu và hình ảnh cho Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Bộ Nội vụ để tổ chức triển lãm trực tuyến với chủ đề “Việt Nam - Nhật Bản: Nhìn lại lịch sử quan hệ hợp tác qua tài liệu lưu trữ”.

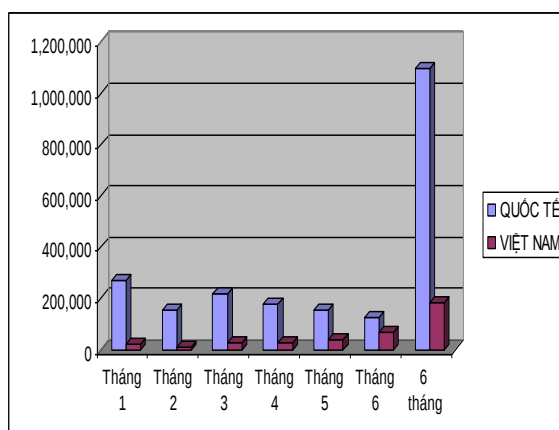
Qua thực hiện những hoạt động trên đã tạo thêm mối quan hệ hữu nghị,

sự gắn kết giữa Trung tâm, thành phố Hội An với các tổ chức trong và ngoài nước, giúp cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An ngày càng hiệu quả hơn.

Tình hình khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý trong quý II/2018

Kiều Li

Trong quý II năm 2018, các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý đã đón 583.981 lượt khách tham quan, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách quốc tế là 454.850 lượt, khách Việt Nam là 129.131 lượt. Tổng cộng, trong 6 tháng đầu năm 2018 các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm quản lý đã đón 1.282.594 lượt khách tham quan, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2017. Có được kết quả này là nhờ vào chính sách quảng bá thu hút khách du lịch cũng như việc ra mắt những sản phẩm du lịch mới, việc tổ chức các sự kiện văn hóa - lễ hội của thành phố. Ngoài ra, kết quả này còn xuất phát từ sự nỗ lực của Trung tâm trong công tác cải thiện, nâng cao sức hấp dẫn của các điểm di tích, bảo tàng đối với du khách.



VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Quản lý Di tích

Ngày 5/4/2017, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã ký ban hành Nghị định số 04/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng. Nghị định này gồm 4 điều, có hiệu lực từ ngày 01/6/2017. Trong số này, Ban biên tập trích giới thiệu điều 1 của Nghị định từ mục 1 đến mục 10 để chúng ta cùng tham khảo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, bao gồm:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Dự án đầu tư xây dựng được phân loại theo quy mô, tính chất, loại công trình chính của dự án. Dự án theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm: Dự án quan trọng quốc

gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật xây dựng năm 2014, trong đó phương án thiết kế sơ bộ bao gồm các nội dung sau:

a) Sơ bộ về địa điểm xây dựng; quy mô dự án; vị trí, loại và cấp công trình chính của dự án;

b) Bản vẽ thiết kế sơ bộ tổng mặt bằng dự án; bản vẽ thể hiện giải pháp thiết kế sơ bộ công trình chính của dự án;

c) Sơ bộ về dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ (nếu có)”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Thẩm quyền lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 8 vào Điều 10 như sau:

“2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Trừ các dự án quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo

quy định tại Điều 76 Nghị định này (sau đây gọi chung là Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành) chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án sau đây: Dự án do Thủ tướng Chính phủ giao; dự án nhóm A; các dự án nhóm B, nhóm C (trừ các dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan ở trung ương) quyết định đầu tư; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên;

b) Trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 Nghị định này (sau đây gọi chung là Sở quản lý xây dựng chuyên ngành) chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh;

c) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức thẩm định các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư;

d) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc người quyết định đầu tư thì cơ quan này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án; các trường hợp còn lại do người quyết định đầu tư xem xét, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ giao, dự án nhóm A; dự án nhóm B, dự án nhóm C (trừ các dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) do các cơ quan ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi chung là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước) hoặc tổng công ty trực thuộc bộ quyết định đầu tư; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên, trừ các dự án quy định tại điểm c, d khoản này;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại các điểm a, d và đ khoản này;

c) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở của dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư;

d) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các

hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng;

đ) Trường hợp tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có đủ điều kiện năng lực và có đề nghị được tự tổ chức thẩm định, Bộ trưởng Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chủ trì tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C có công trình xây dựng từ cấp II trở xuống do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư thuộc chuyên ngành do Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quản lý.

Việc phân cấp, ủy quyền phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện theo quy định của pháp luật. Người được phân cấp, ủy quyền thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định do mình thực hiện. Kết quả thẩm định phải được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành để theo dõi, quản lý theo quy định.

5. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp I trở lên (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m); dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng được đầu tư

xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên;

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án theo quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại các điểm a và b khoản này.

8. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện việc phân cấp, ủy quyền thẩm định dự án, thiết kế cơ sở đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 34 của Luật tổ chức Chính phủ và Điều 13, Điều 14 của Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành được phân cấp hoặc ủy quyền các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án cụ thể thuộc thẩm quyền thẩm định của mình sau khi được Bộ trưởng Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chấp thuận;

b) Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thực hiện phân cấp hoặc ủy

quyền cho phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thăm định dự án, thiết kế cơ sở đối với các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện như sau:

1. Đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình cấp I trở lên do các cơ quan ở trung ương quyết định đầu tư;

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư;

c) Theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật xây

dựng năm 2014 đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

d) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do các bộ, cơ quan ở trung ương quyết định đầu tư trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này. Kết quả thẩm định phải được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành để theo dõi, quản lý theo quy định.

Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định thì yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành hoặc Sở quản lý xây dựng chuyên ngành nơi thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

2. Đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình cấp I trở lên do các cơ quan ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư;

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4

Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư;

c) Theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

d) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 và phần thiết kế công nghệ (nếu có) đối với các dự án quy định tại các khoản a, b và c Điều này;

đ) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do các bộ, cơ quan ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này. Kết quả thẩm định phải được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành để theo dõi, quản lý theo quy định.

Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định thì yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây

dựng tại cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành hoặc Sở quản lý xây dựng chuyên ngành nơi đầu tư xây dựng dự án.

3. Đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành này chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình cấp I trở lên (trừ công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m); công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng nằm trên địa bàn hành chính của hai tỉnh trở lên;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III nằm trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại khoản 4

Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, trừ các nội dung thẩm định do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại các điểm a và b khoản này.

4. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“1. Việc tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

2. Công trình công cộng có quy mô lớn, có yêu cầu kiến trúc đặc thù phải tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc gồm:

a) Công trình công cộng có quy mô cấp I, cấp đặc biệt;

b) Công trình có yêu cầu kiến trúc đặc thù gồm: Nhà ga đường sắt trung tâm cấp tỉnh, nhà ga hàng không dân dụng; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên, ga đường sắt nội đô từ cấp II trở lên; công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình có ý nghĩa quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về Hội đồng tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc; hình thức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc; trình tự, thủ tục, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thi tuyển, tuyển

chọn phương án thiết kế kiến trúc và chi phí cho việc thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

4. Khi có đủ điều kiện năng lực thực hiện theo quy định thì tổ chức, cá nhân có phương án thiết kế kiến trúc được lựa chọn được ưu tiên thực hiện các bước thiết kế tiếp theo của dự án”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 17 như sau:

“1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực (sau đây gọi là Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực) để giao làm chủ đầu tư một số dự án và thực hiện nhiệm vụ quản lý đồng thời nhiều dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, tham gia tư vấn quản lý các dự án khác khi cần thiết.

Tùy thuộc số lượng, quy mô dự án được phân cấp quản lý và điều kiện tổ chức thực hiện cụ thể, Bộ trưởng có thể ủy quyền cho Tổng cục trưởng trực thuộc Bộ thành lập Ban quản lý dự án trực thuộc để quản lý các dự án được phân cấp cho Tổng cục quyết định đầu tư.

3. Cơ chế hoạt động của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực:

a) Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

thành lập là đơn vị sự nghiệp đặc thù, áp dụng cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực do người đại diện có thẩm quyền của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định thành lập là đơn vị thành viên hạch toán độc lập hoặc là đơn vị hạch toán phụ thuộc sử dụng tư cách pháp nhân của công ty mẹ để quản lý thực hiện dự án. Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực được tổ chức lại, thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo kinh phí hoặc được cấp kinh phí hoạt động trong trường hợp là đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty mẹ.

c) Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực có tư cách pháp nhân đầy đủ, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng thương mại theo quy định; thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư và trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư về các hoạt động của mình; quản lý vận hành, khai thác sử dụng công trình hoàn thành khi được người quyết định đầu tư giao”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây

dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định này để thực hiện”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình cấp đặc biệt, cấp I (trừ công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m); công trình do Thủ tướng Chính phủ giao; các công trình thuộc dự án chuyên ngành do mình quyết định đầu tư; các công trình thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ hai tỉnh trở lên, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản này;

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình quy định tại điểm a khoản này;

c) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*); thiết kế

bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) của công trình cấp đặc biệt, cấp I (*trừ công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m*); công trình từ cấp III trở lên của dự án thuộc chuyên ngành do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý của mình quyết định đầu tư; công trình do Thủ tướng Chính phủ giao và các công trình của dự án thuộc chuyên ngành do mình quyết định đầu tư, các công trình thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ hai tỉnh trở lên, trừ các công trình quy định tại các điểm c và d khoản này;

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình từ cấp III trở lên được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình quy định tại các điểm a và d khoản này;

c) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư;

d) Trường hợp tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có đủ điều kiện năng lực và có đề nghị được tự tổ chức thẩm định, Bộ trưởng Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*), phân thiết kế công nghệ (*nếu có*) của công trình từ cấp II trở xuống của dự án do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư thuộc chuyên ngành do Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quản lý.

Việc phân cấp, ủy quyền phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện theo quy định pháp luật. Người được phân cấp, ủy quyền chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định do mình thực hiện. Kết quả thẩm định phải được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành để theo dõi, quản lý;

đ) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phân thiết kế, dự toán phần công nghệ (*nếu có*) đối với các công trình quy định tại các điểm a, b và c khoản này” ♦

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

VƯỜN BÁCH THẢO SINGAPORE

Diệu Châu
(Sưu tầm & dịch)

Vườn Bách thảo Singapore là di sản thế giới đầu tiên của Singapore, được UNESCO công nhận ngày 04/7/2015. Khu vườn tọa lạc tại trung tâm thành phố Singapore, khu vườn là minh chứng cho sự phát triển của vườn nhiệt đới thời thuộc địa Anh nay đã trở thành trụ sở khoa học hiện đại đẳng cấp thế giới sử dụng cho mục đích bảo tồn và giáo dục. Cảnh quan văn hóa đa dạng phong phú về các công trình kiến trúc, các loài thực vật, những đặc trưng cổ xưa của một khu vườn từ khi được xây dựng vào năm 1859. Đây là trung tâm quan trọng về khoa học, nghiên cứu, bảo tồn thực vật, đặc biệt có liên quan tới việc trồng trọt của đồn điền cao su tại Đông Nam Á từ năm 1875.

Vườn Bách thảo Singapore nằm ở trung tâm thành phố Singapore, thể hiện sự phát triển của một vườn thực vật nhiệt đới

thời thuộc địa Anh từ một “Vườn Giải trí” theo phong cách cảnh quan Anh, tới một vườn thuộc địa với các điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu thực vật và làm vườn, đến một vườn thực vật hiện đại và đẳng cấp thế giới, trụ sở khoa học và nơi bảo tồn, vui chơi giải trí và giáo dục. Vườn Bách thảo Singapore là một cảnh quan văn hóa đã được định rõ với sự đa dạng phong phú của các công trình kiến trúc, các loài thực vật, các đặc trưng cổ xưa, là một minh chứng cho sự phát triển của Vườn Bách thảo từ khi xây dựng vào năm 1859. Nhờ thiết kế cảnh quan được bảo tồn tốt và tính liên tục của mục đích mà Vườn Bách thảo Singapore là một ví dụ nổi bật của một vườn bách thảo nhiệt đới Anh, đóng vai trò quan trọng trong tiến bộ về kiến thức khoa học, đặc biệt ở các lĩnh vực thực vật học





nhật đới và trồng trọt, bao gồm cả sự phát triển của việc trồng cao su.

Tiêu chí (ii): Vườn Bách thảo Singapore đã trở thành trung tâm nghiên cứu thực vật ở Đông Nam Á từ thế kỷ 19, đóng góp đáng kể cho sự mở rộng trồng trọt cao su vào thế kỷ 20, và tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong trao đổi ý tưởng, kiến thức và chuyên môn trong khoa học trồng trọt và thực vật học nhiệt đới. Trong khi Vườn Bách thảo Kew (*Vương quốc Anh*) đã cung cấp các cây giống ban đầu, thì Vườn Bách thảo Singapore đã cung cấp các điều kiện dành cho thực vật, sự phát triển và phân phối khắp Đông Nam Á và một số nơi khác.

Tiêu chí (iv): Vườn Bách thảo Singapore là một ví dụ nổi bật của một khu vườn thực vật nhiệt đới thời thuộc địa Anh, và đáng chú ý là thiết kế cảnh quan được bảo tồn, gìn giữ và tính liên tục của mục đích từ khi tạo lập.

Tính nguyên vẹn

Vườn Bách thảo Singapore phản ánh tất cả các đặc trưng cần thiết để làm rõ giá trị nổi bật toàn cầu và bao hàm đầy đủ bối cảnh nguyên gốc của khu Vườn Bách thảo. Một số thuộc tính riêng biệt gồm thực vật và cây cối cổ thụ, thiết kế khu vườn, kiến trúc/các công trình lịch sử nhằm minh chứng cho mục đích quan trọng của khu Vườn Bách thảo Singapore trong lịch sử. Tính nguyên

vẹn của di sản có thể được tăng cường hơn nữa nhờ những chính sách phát triển thêm về việc thay thế và duy trì các loài thực vật quan trọng.

Tính chân xác

Tính chân xác của Vườn Bách thảo Singapore được minh chứng bởi tính sử dụng liên tục của vườn bách thảo và như là một nơi nghiên cứu khoa học. Tính chân xác của di tích được minh chứng bởi các cây cổ thụ đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và các loài cây khác (bao gồm các mẫu thực vật cổ thụ), các yếu tố lịch sử của không gian và công trình kiến trúc lịch sử đang được sử dụng cho mục đích ban đầu hoặc thích ứng với công dụng mới phù hợp với các giá trị của chúng.

Yêu cầu về bảo tồn và quản lý

Phần lớn Vườn Bách thảo Singapore nằm trong Công viên Quốc gia, và các khu khác bao gồm: Khu vực Bảo tồn, Khu vực Bảo tồn cây và Khu vực Bảo tồn Thiên nhiên (áp dụng cho khu vực rừng nhiệt đới). Có 44 cây di sản và một số công trình kiến trúc được bảo

vệ như những ngôi nhà từ số 1 đến 5 của Trường Raffles trước đây, Raffles Hall, E.J.H. Corner House, Burkill Hall, Holtum Hall, Ridley Hall, Nhà số 6, Nhà để xe, Sân khấu và Vọng lâu Hồ Thiên nga.

Vườn Bách thảo Singapore được bảo vệ chủ yếu thông qua Đạo luật Quy hoạch của Singapore, quy định việc bảo tồn, phát triển và đòi hỏi phải có giấy phép cho các công trình hoặc việc phát triển, mở rộng mới. Kế hoạch Khái niệm Singapore hướng dẫn lập kế hoạch chiến lược trong một thời kỳ 40-50 năm và quy hoạch sử dụng đất ở Singapore được thực hiện bởi URA, là cơ quan bảo tồn và quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các chính sách phát triển, phân vùng và sử dụng đất của Singapore được thiết lập bởi một kế

hoạch tổng thể theo luật định (2014) dựa vào Đạo luật Quy hoạch. Kế hoạch tổng thể được xem xét một cách thường xuyên và có các điều khoản cho các kế hoạch kiểm soát phát triển cụ thể cung cấp hướng dẫn về chiều cao và vị trí của các khu mở rộng mới cũng như các nguyên tắc bảo tồn cho các công trình kiến trúc được bảo tồn và cách bố trí của chúng.

Đất trong vùng đệm có các hướng dẫn về chiều cao và hình thức xây dựng dành cho việc phát triển nhà ở. Theo các hướng dẫn này, việc phát triển trong khu vực đệm nên duy trì ở mật độ thấp. Kế hoạch Quản lý đã được soạn thảo cho Vườn Bách thảo Singapore với mục đích chính là đảm bảo cho việc bảo tồn và bảo vệ hiệu quả và truyền tải Giá trị Nổi bật Toàn cầu của khu di sản



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2018

1. Công tác nghiên cứu khoa học

- Đề tài “Nghiên cứu biên soạn Địa chí Hội An”: Xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện đề tài năm 2018; Xử lý 788 trang tư liệu liên quan đến Hội An, Quảng Nam thu thập được tại Trung tâm lưu trữ quốc gia III.

- Đề tài Điều tra nghiên cứu đề xuất hướng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa làng Thanh Hà: Suu tầm, tập hợp, lập danh mục tư liệu tài liệu liên quan, lập 13 mẫu phiếu điều tra, 02 kịch bản tham vấn cộng đồng về cảnh quan, địa danh và ẩm thực nghề truyền thống hát múa, diễn xướng, lễ hội, trò chơi ở Thanh Hà.

- Rà soát, lập kế hoạch và dự trù kinh phí thực hiện công tác lập mới và hoàn thiện hồ sơ quản lý di sản văn hóa năm 2018.

- Kiểm kê, xử lý hiện vật khảo cổ nhà 16 Nguyễn Thị Minh Khai và chùa Cầu.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

2.1. Đối với công tác quản lý di tích

- Quản lý di sản văn hóa vật thể

+ Khảo sát, tham mưu văn bản nhắc nhở các địa phương và chủ di tích về trang trí, đảm bảo an toàn cho di tích trong dịp Tết nguyên đán; Khảo sát và báo cáo tình hình di tích, cây cổ thụ quý I, II; Khảo sát, gửi văn bản nhắc nhở công tác quản lý tại 03 di tích¹ trong quá trình tu sửa, quản lý; Tham mưu nội dung dự thảo quy chế quản lý bảo tồn di sản văn hóa Khu phố cổ Hội An.

+ Khảo sát khảo cổ di tích mộ thứ phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn; Tham mưu nội dung thuyết minh giới thiệu 3 di tích².

+ Lập hồ sơ các di tích khu phố mang dấu ấn kiến trúc Pháp đề nghị công nhận di tích cấp Tỉnh; Lập hồ sơ mộ tổ tộc Nguyễn (*mộ ông Nguyễn Khánh Thiện và vợ chồng ông Nguyễn Tích Thiện*), mộ bà Nguyễn Quý Nương khôi An Bang - phường Thanh Hà đề nghị Thành Phố đưa vào danh mục di tích được thành phố bảo vệ.

- Quản lý di sản văn hóa phi vật thể

¹ đình ấp Xuân Lâm, mộ Không Thiên Như, mộ Chu Kỳ Sơn

² giếng Tứ Tộc, mộ Chu Kỳ Sơn, giếng vườn bà Thủ Khóa

+ Hoàn tất thủ tục trình 2 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể nghề gốm Thanh Hà, tết Trung thu gỏi Sờ Văn hóa, Thờ thao và Du lịch, đề nghị đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

+ Xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí thực hiện tham vấn ký ức năm 2018; triển khai 03 cuộc tham vấn lễ cúng ông Táo, lễ cúng Giao thừa và tất niên, cưới hỏi ở Hội An và lập 02 báo cáo kết quả xử lý nội dung tham vấn cộng đồng về lễ cúng ông Táo, lễ cúng giao thừa và tất niên.

+ Tham mưu tổ chức, chăm chọn, phát giải hoạt động phục dựng cây nêu ngày Tết; Làm tư liệu các sự kiện tết Nguyên đán, tết Nguyên tiêu, các lễ tế xuân tại các di tích; Hoàn thành tư liệu về tri thức dân gian nghề làm nhà tranh mây ở Cù Lao Chàm.

+ Xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí “*Nghiên cứu đề xuất phục hồi một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Cù Lao Chàm*”, “*Nghiên cứu đề xuất phục hồi một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Cẩm Kim*” và sưu tầm tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I (đợt3).

2.2. Đối với công tác tu bổ di tích

- **Công tác kiểm tra giám sát, tham mưu cấp phép** luôn được đơn vị tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Đơn vị đã thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích/nhà ở và trật tự kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ, các trường hợp sai phạm được báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng xử lý. Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 7/6/2018, Trung tâm tiếp nhận 128 lượt hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố (trong đó KVI: 39 hồ sơ, KVII A: 37 hồ sơ, KVII B: 52 hồ sơ). Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét hồ sơ, Trung tâm đã tham mưu cấp phép 117 hồ sơ (KVI: 38 hồ sơ, KVIIA: 38 hồ sơ, KVII B: 41 hồ sơ); hướng dẫn trả lời bằng văn bản và gửi hồ sơ xin phép xây dựng của công dân tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố 03 hồ sơ, 03 hồ sơ chủ hộ xin rút, đang thụ lý 05 hồ sơ, không có trường hợp nào trễ hẹn theo phiếu hẹn.

- **Công tác chuẩn bị đầu tư:** Trong 06 tháng đầu năm, đơn vị đã hoàn thành khảo sát 08 công trình¹ chuẩn bị đầu tư năm 2019; Trình phê duyệt chủ trương đầu tư 01 công trình² năm 2018; Phê duyệt chủ trương đầu tư 04 công trình³ năm 2018

- **Công tác thi công tu bổ** cũng được đặc biệt chú trọng đảm bảo đúng quy trình. Đơn vị đang bàn giao đưa vào sử dụng 06 công trình¹; Tiếp tục triển khai thi công 03 công trình²; Triển khai thi công mới 05 công trình³.

¹ Sửa chữa nhỏ các di tích (Lăng Ông, Lăng Thành Hoàng, Lăng Bà, Cụm 3 lăng, Lăng Bà (Lăng Ngũ Hành), Lăng Nghĩa Trung, Cây đa xóm chùa); Đình Thanh Hà; Sửa chữa nhỏ các di tích (Miếu Ông Địa, Miếu Ngũ Hành, Miếu Hà Tân); Đình Thanh Nam; Hội An Tiên Tự; Văn Chỉ Minh Hương; Miếu Hy Hòa; Sửa chữa nhỏ: Đình Sơn Phong; Đình Cẩm Phô.

² Bảo tồn, phát huy di tích Rừng dừa Bảy Mẫu.

³ Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu; Lắp đặt công và biểu trưng không gian văn hóa Việt Nam - Nhật Bản; Nhà đón tiếp khách Cù Lao Chàm; Đề án tổ chức sản xuất gạch ngói phục vụ tu bổ di tích.

- **Công tác hỗ trợ di tích tư nhân tập thể:** Hoàn thành chi trả kinh phí hỗ trợ cho các di tích tư nhân tập thể nhằm tạo điều kiện cho người dân có nơi cư trú trong dịp Tết Nguyên đán.

- **Công tác phòng chống bão lụt:** Ban hành Kế hoạch PCTT và TKCN của Trung tâm năm 2018; Quyết định củng cố lại BCH PCTT, TKCN Trung tâm; Quyết định thành lập Đội Xung kích Trung tâm; Triển khai khảo sát di tích trong khu phố cổ.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

- Đơn vị cũng đã nỗ lực phát huy hiệu quả điểm dừng chân 57 Trần Phú, trong 06 tháng đầu năm, điểm này đã đón tiếp khoảng 6.000 lượt khách.

- Công tác đón tiếp khách tại 5 điểm bảo tàng di tích từ ngày 19/12/2017 đến ngày 31/5/2018 đạt 905.190 lượt khách, tăng 4,5% so với cùng kỳ 2017, trong đó khách quốc tế: 816.871 lượt khách, khách Việt Nam: 88.319 lượt khách. Đồng thời, Trung tâm đã xúc tiến các hoạt động để thành lập bảo tàng Y học cổ truyền Hội An, nâng cấp các điểm bảo tàng di tích. Đặc biệt, Trung tâm hoàn thành nội dung bộ tài liệu khối lớp 1, 6 của “Đề án Giáo dục Di sản trong học đường”; tổ chức hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá Bảo tàng” cho nhóm gia đình với 25 lần, 700 em.

- Trung tâm đã xây dựng các kế hoạch, dự trù kinh phí thực hiện và lập phương án trưng bày về truyền thống khoa bảng Quảng Nam tại di tích Khổng Tử Miếu.

- Chuyên mục “Phát thanh Bảo tồn di sản” được duy trì đều đặn hàng tuần. Tính đến nay, Trung tâm đã thực hiện 25 chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản; Đăng tải nội dung 25 chuyên mục phát thanh, 01 bản tin quý I, 31 bài, 61 tin mới vào website hoianheritage.net.

- Triển khai thực hiện bản thảo sách “Hội An qua châu bản, mộc bản và bản đồ” (*Di sản Hán Nôm tập 6*), “Làng xã ở Hội An xưa”, “Biên niên lịch sử, sự kiện Hội An”.

- Từ đầu năm đến nay, Trung tâm đã tổ chức thành công 01 cuộc trưng bày hình ảnh “Kỉ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An”, thu hút hơn 1.000 lượt du khách và nhân dân tham quan, tìm hiểu.

4. Công tác đối ngoại

Trung tâm luôn chú trọng và thực hiện công tác thông tin đối ngoại một cách tích cực, chủ động, hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị đã triển khai kế hoạch hoạt động năm 2018 của Câu lạc bộ các Di sản Thế giới tại Việt Nam; hưởng ứng và phát

¹ Bảng chỉ đường, bảng thông tin các di tích tại xã Cẩm Thanh; Tu bổ mộ ông Khổng Thiên Như và mộ ông Chu kỳ Sơn; Sửa chữa tôn tạo, lắp dựng bảng thông tin các di tích tại xã Cẩm Kim; Khu mộ thứ phi Quang Trung, các tướng Tây Sơn và Khu mộ Thủy tổ tộc Lê; Lăng Ông Ngọc; Nhà 67 Trần Phú.

² Tu bổ, tôn tạo di tích nhà Lao giai đoạn 2; Tam quan chùa bà Mụ (hạng mục phần còn lại); Đình Thanh Nhút.

³ Phục dựng và phát huy di tích nhà Ông Nguyễn Vinh; Nhà đón tiếp khách Cù Lao Chàm; Sửa chữa nhà Mộ Chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu, Nhà thờ tộc Trần Thanh, Đình Thanh Hà và Lăng Trà Quân; Sửa chữa nhà các di tích Cù Lao Chàm (Đình Tiên Hiền, giếng xóm Đình, giếng xóm Cẩm, miếu Thổ Thần); Lắp đặt bảng thông tin, bảng chỉ đường các di tích trên địa bàn phường Cẩm An, Cẩm Hà, Cẩm Kim

động cuộc thi ảnh quốc tế của Tổ chức các thành phố di sản thế giới khu vực Châu Á-TBD (OWHC-AP) về Di sản thế giới cho các ban ngành, trường học, hội nhiếp ảnh trên địa bàn thành phố Hội An và tỉnh Quảng Nam; Đón tiếp và làm việc với 4 đoàn khách quốc tế đến tìm hiểu, học tập, nghiên cứu khảo sát về công tác quản lý và bảo tồn di sản tại Hội An; Thực hiện thủ tục cử 04 cán bộ đi đào tạo và hội thảo trong và ngoài nước¹; Tổ chức 02 đoàn cán bộ của Trung tâm tham quan, học tập kinh nghiệm tại Malaysia - Singapore; Tiếp tục dự án “Đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông, ngư nghiệp vùng sâu vùng xa”: Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng được bộ chương trình tuyến tham quan mới tại Cù Lao Chàm; hoàn chỉnh nội dung và thiết kế cho bản đồ du lịch Cù Lao Chàm; lên kế hoạch làm bảng chỉ đường và hướng dẫn du lịch tại Cù Lao Chàm...; Tham mưu, hỗ trợ các thủ tục cần thiết cho trường Đại học Khoa học - Xã hội & Nhân văn Hà Nội và trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (Nhật Bản) xử lý hiện vật khảo cổ năm 2017 tại Bãi Làng, Cù Lao Chàm vào tháng 3/2018; Tiếp nhận tình nguyện viên Tanaka Saki, chuyên ngành bảo tồn di sản văn hóa phụ trách công tác tuyên truyền, thiết kế nâng cấp các phòng trưng bày tại các bảo tàng, hướng dẫn kỹ thuật bảo quản hiện vật trưng bày; đồng thời tiếp tục tạo điều kiện cho TNV Hattori Sumika, chuyên ngành kiến trúc tham gia giám sát các công trình di tích đang tu bổ, xây dựng các hồ sơ khoa học về tu bổ di tích; Tham mưu tổ chức trao “Kỷ niệm chương vì sự nghiệp UNESCO Việt Nam” cho 12 cá nhân của thành phố Hội An nhân lễ kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An (2008-2018); Cung cấp một số tài liệu tiêu biểu về hoạt động bang giao Việt – Nhật tại Hội An cho Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Bộ Nội vụ nhân dịp kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản, phục vụ triển lãm trực tuyến với tên gọi “Việt Nam – Nhật Bản: Nhìn lại lịch sử quan hệ hợp tác qua tài liệu lưu trữ”.

5. Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Công tác an ninh, trật tự tại trụ sở cơ quan và tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý luôn được thường xuyên chú trọng và đảm bảo, nhất là trong các ngày lễ Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán, Ngày thành lập Đảng 03/02. Đội Tự vệ cơ quan luôn được củng cố, kiện toàn.

II. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018

1. Công tác nghiên cứu khoa học

Tiếp tục đôn đốc các tác giả hoàn thành các chuyên đề của đề tài Nghiên cứu biên soạn địa chí Hội An; Hoàn thành điều tra khảo sát và viết báo cáo các chuyên đề, nghiệm thu và thanh toán đề tài “Điều tra nghiên cứu, đề xuất hướng bảo tồn phát huy di sản văn hóa làng Thanh Hà”; Xây dựng kế hoạch và đề xuất nội dung xây dựng phần mềm quản lý di sản; Triển khai thực hiện lập mới và bổ sung hoàn thiện hồ sơ quản lý di sản văn hóa năm 2018; Triển khai thực hiện Khai quật di tích Ruộng đồng cao.

¹ 01 cán bộ dự hội thảo về quản lý rủi ro tại Ý; 01 cán bộ dự hội nghị nâng cao năng lực công tác quản lý di sản tại Thái Lan; 02 cán bộ tham gia khóa đào tạo thuộc dự án “Trung tâm đào tạo nghề trùng tu di tích và bảo tồn di tích văn hóa tại Quảng Nam” do Chính phủ Ý tài trợ.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

- **Đối với công tác quản lý di sản vật thể:** Hoàn thành hồ sơ trình công nhận di tích mang dấu ấn kiến trúc Pháp; Triển khai khảo sát và báo cáo chuyên đề theo kế hoạch; Phối hợp thực hiện giám sát các công trình tu bổ di tích theo danh mục đầu tư 2018.

- **Đối với công tác quản lý di sản phi vật thể:** Tổ chức 03 cuộc tham vấn ký ức di sản văn hóa Hội An; Triển khai điều tra và báo cáo đề xuất phục hồi một số di sản văn hóa PVT tiêu biểu ở Cù Lao Chàm; Triển khai sưu tầm tư liệu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I.

- **Đối với công tác tu bổ di tích:** Lập thiết kế dự toán và trình phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình năm 2019 đã khảo sát; Hoàn thành quyết toán các công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng; Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 05 công trình¹

- **Công tác phòng chống bão lụt:** hoàn thành khảo sát, tham mưu và thực hiện phương án phòng chống bão lụt cho các di tích trong và ngoài phố cổ.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị di sản

Hoàn thành phương án trưng bày khoa bảng Quảng Nam tại di tích Khổng Tử Miếu; Phát hành tập thông tin nghiên cứu bảo tồn di sản quý II, III, IV; Tổ chức nội dung và biên tập 28 chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản; In ấn và xuất bản sách “Hội An qua châu bản, mộc bản và bản đồ” (*Di sản Hán Nôm tập 6*), “*Làng xã ở Hội An xưa*”, “*Biên niên lịch sử, sự kiện Hội An*”; Phối hợp với Hội mỹ thuật thành phố Hội An tổ chức các cuộc giao lưu triển lãm nhằm tạo điểm hấp dẫn cho Điểm dừng chân 57 Trần Phú; Thực hiện các cuộc triển lãm như ngày Đô thị, ngày Di sản Văn hóa... Thi công trưng bày Bảo tàng y học cổ truyền Hội An; Tiếp tục hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá Bảo tàng” cho nhóm gia đình và nhà trường; Hoàn thành nội dung bộ tài liệu cấp Tiểu học (từ lớp 2 - 5), bộ tài liệu cấp Trung học c

ơ sở (từ lớp 7 - 9) của “Đề án Giáo dục Di sản học đường”.

4. Công tác đối ngoại

Tiếp tục tham mưu có hiệu quả công tác hành chính đối ngoại theo quy định; Tham mưu tổ chức đón, tiếp và làm việc với đoàn và cá nhân người nước theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước; Phối hợp với tổ chức JICA tiếp tục triển khai các hoạt động còn lại của dự án “*Đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông, ngư nghiệp vùng sâu vùng xa*”. Đặc biệt là hoạt động cải tạo và nâng cấp nhà đón tiếp khách và trưng bày tại Bãi Làng để kịp chào mừng dịp lễ kỷ niệm 40 năm thành lập xã Tân Hiệp; Phối hợp tổ chức các hoạt động trong dịp lễ hội “*Những ngày giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản*”; Thường xuyên cập nhật và phổ biến thông tin về các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ Trung tâm ♦

¹ : Đình Thanh Nhứt; Tam quan chùa Bà mụ; Nhà Lao Hội An; Bảo tàng Y học cổ truyền trong quý II/2018 và Phục dựng và phát huy di tích nhà Ông Nguyễn Vinh phục vụ lễ hội văn hóa Việt - Nhật tháng 7/2018.

Thư cảm ơn

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban Biên tập đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Hoài Quảng, Huỳnh Đồng, Trần Xuân Mẫn, Trương Nguyễn Ngã, Phạm Thúc Hồng, Trương Hoàng Vinh, Nguyễn Cường, Trần Thanh Hoàng Phúc, Trần Phương, Phạm Phước Tịnh, Nguyễn Văn Thịnh, Lê Thị Tuấn, Khiếu Thị Hoài, Lê Thị Ngọc Hương, Trần Thị Lệ Xuân, Lê Thị Bảo Vy, Nguyễn Thị Trang Thi, Nguyễn Thị Thu Hương, Kiều Li, Diệu Châu, Võ Hồng Việt.

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên chúng tôi không thể đăng hết những bài đã nhận. Những bài còn lại chúng tôi sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên tập xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự công tác của quý tác giả.

Bìa 1: Một góc phố cổ Hội An, ảnh Loka

**Bìa 4: Diễn xướng bả trạo trong lễ hội cầu ngư tại
làng Ông Ngư - Cù Lao Chàm năm 2018,
ảnh Trần Thanh Hoàng Phúc**